

PHẠM CAO CÙNG

CHIẾC TẮT
NHUỘM BÙN

TRINH THĂM

T HĂM
Ử KỲ
PHÁT



NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

PHẠM CAO CÙNG

**CHIẾC TAY
NHUỘM BÙN**

TÔI LÀ MỘT THẲNG ĂN CẤP

Chúng tôi đều ngồi im lặng... Cảnh bến tàu Nam Định vốn đã buồn, tối hôm ấy lại buồn hơn nữa. Gió lạnh, hạt mưa lất phất bay. Con đê nhỏ bằng xi măng lượn theo dọc sông trông xa như một con rắn dài nằm phơi chiếc bụng da trắng hếu. Một vài chiếc thuyền nan lơ lửng, leo lắt ngọn đèn. Đàng xa, áp bờ sông bên kia, chiếc lò vôi nung đỏ, tỏa ra trong bóng tối một ánh lửa hồng làm cho người ta nghĩ đến chiếc vạc dầu khổng lồ ở dưới âm ty.

Ngồi trên đê, Kỳ Phát đưa mắt trông ra xa. Hắn lấy ngón tay sẽ đập rơi tàn thuốc lá, rồi mơ màng nhìn theo làn khói tỏa bay.

Giữa cảnh êm đềm yên tĩnh, mọi vật hình như đều say sưa trong giấc mộng, Kỳ Phát lúc đó có dáng điệu một nhà thi sĩ đương trầm ngâm trước một cảnh nên thơ hơn là dáng điệu một tay thiếu niên trịch thám kỳ tài. Có lẽ ít ai ngờ rằng chính chàng trẻ tuổi ấy đã khám phá ra những vết tay trên trần mà tìm ra thủ phạm vụ án mạng bí mật trong Thanh đạo trước* và do một bài thơ kỳ dị đã lấy được cái kho tàng* khi xưa.

Tôi ngoảnh nhìn Kỳ Phát không thấy một cái gì là thay đổi: vẫn bộ mặt xương xương với cặp lông quặm cao, vẫn mái tóc lòa xòa vuốt ngược lốm đốm hoa râm.

Bỗng chúng tôi cùng quay đầu trông lại. Trong một căn nhà lụp xụp ngoảnh mặt ra sông, một cụ đàn bà đương một tay nắm tóc,

một tay cầm roi, vụt lấy vụt để một thằng bé con độ mười hai, mười ba tuổi. Thằng bé khóc lóc kêu van mà mẹ đàn bà cứ thẳng tay vụt mạnh. Mẹ vừa đánh vừa nghiêng răng rít lên rằng:

- Con cái đâu lại có con cái như thế này bao giờ? Mới nứt mắt ra mà đã ăn cắp tiền, tiêu bậy!

Tôi quay bảo Kỳ Phát:

- Anh nghĩ thế nào? Cứ ý tôi thì đánh đập thế này tuy hơi quá nhưng mà cần. Bằng tí tuổi đầu mà đã gian tham, bé ăn trộm gà, lớn ăn trộm trâu, nếu không thẳng tay trừng trị thì từ đồn điền trí cụt đến nhà pha Hỏa Lò cũng không xa là mấy.

Tôi bỗng thấy cặp mắt Kỳ Phát sáng quắc. Hắn vất điều thuốc lá đương hút dở, nhìn trừng trừng vào mặt tôi rồi dần từng tiếng mà bảo rằng:

- Câu này thì anh nên ghi nhớ để nghiệm về sau: khi anh thấy một người đàn bà đánh trẻ về tội ăn cắp - cứ cho rằng người đàn bà ấy là mẹ đứa trẻ - anh cũng chớ tin ngay rằng thằng bé quả là một thằng ăn cắp!

Tôi không lạ gì Kỳ Phát. Muốn biết rõ Kỳ Phát, tôi đã từng chia hắn ra làm hai: Kỳ Phát lúc tĩnh và Kỳ Phát lúc động. Kỳ Phát lúc tĩnh thì yếu ớt, nhu nhược, hay nghĩ vơ vẩn và ít nói, nhưng khi ấy thì đừng ai mong hỏi hắn gì, nhất là điều hắn đã muốn giấu thì cậy rằng hắn cũng không nói nửa lời. Kỳ Phát lúc động thì lại khác hẳn: hai mắt sáng quắc, chân tay luôn luôn cử động, hắn đã biện thuyết về một vấn đề gì thì nói mãi kỳ cho người ta nghe phải phục thì mới thôi.

Tôi biết Kỳ Phát lúc này vừa mới ở trạng thái tĩnh sang trạng thái

động. Nhớ tới hôm nào, khi Kỳ Phát khám phá ra cái kho tàng kể chuyện lại cho tôi nghe xong có nói tiếp:

- Đời tôi có lẽ toàn là những cái phiêu lưu bí mật, ngay từ lúc tuổi thơ, tôi đã bị nhiều nỗi khổ lạ lùng...

Lúc đó tôi có hỏi ngay về cái đời thuở nhỏ của Kỳ Phát song hẳn nhất định không nói, tôi bèn nhân lúc này mà gợi chuyện ra.

Làm ra bộ ngớ ngẩn, tôi hỏi Kỳ Phát:

- Anh nói thế là thế nào, tôi không hiểu đấy!

Kỳ Phát có vẻ tức tối, vùng giơ tay nắm chặt lấy hai vai tôi, nhìn vào tận mặt mà bảo rằng:

- Anh không hiểu, phải anh không hiểu, vậy tôi nói câu này cho anh hiểu nhé: “Tôi cũng là một thằng ăn cắp!”

MỘT GIA ĐÌNH BÍ MẬT

Rồi một lát, không đợi tôi hỏi thêm, hắn kể cho tôi nghe câu chuyện dưới đây:

... Trước hết, tôi hãy nói cho anh biết một điều mà chưa có dịp nào tôi nói đến là nơi sinh trưởng của tôi. Chính quê tôi ở Hải Dương. Lúc tôi 12, 13 tuổi, thì tôi đã bắt đầu hiểu biết. Nhà tôi ở giữa một phố chính, trông lộng lẫy nhất, tuy chỉ có hai tầng, nói rõ thế để anh hiểu rằng nhà tôi cũng là một nhà giàu có trong thành phố. Gia đình tôi tất cả chỉ có ba người: thầy tôi, dì tôi và tôi. Ngoài ra còn một vú già, ước bốn mươi tuổi, trước là vú sữa nuôi tôi, về sau vì chồng chết nên lại đến ở làm vú dọn. Chúng tôi sống một cái đời rất là yên tĩnh: tôi hàng ngày đi học ở lớp ba, dì tôi thì ngày mùa cân gạo bán cho khách trú, tuy gọi là buôn bán, nhưng chỉ cốt có một công việc mà thôi, chứ không cốt trông vào đó mà sống. Thầy tôi thì ốm yếu, luôn luôn ở trong buồng, không hề bước ra khỏi ngưỡng cửa, cơm nước đều do vú già bưng vào đến tận giường cả. Thầy tôi không thích huyên náo - dì tôi vẫn bảo thế - vì vậy mà tự nhiên tôi không bao giờ dám vào phòng thầy tôi, trừ khi thầy tôi cho gọi. Mà những dịp ấy cũng rất hiếm, thường chỉ hai, ba chủ nhật mới có một lần. Tôi còn nhớ, mỗi bận tôi vào là trong lòng tôi nghi ngờ, nghĩ ngợi, tôi có thể nói là chưa có gia đình nào lại có ông bố lạ lùng, bí mật như vậy. Tôi thấy vú già bảo thầy tôi gọi thì vội rón rén

bước vào.

Trong phòng ánh sáng chỉ lờ mờ: một ngọn đèn Hoa Kỳ thấp nhỏ để trên chiếc giá treo ở góc tường. Trên giường chiếc màn lan tiêu bỏ kín mít làm tôi không nhận rõ rằng thầy tôi bây giờ già hay trẻ, gầy hay béo, ngồi hay nằm nữa. Thực vậy, đã bốn, năm năm nay, tôi chỉ được thấy thầy tôi ở trong phòng tối mà thôi, cũng vì thế cái hình ảnh người thuở xưa, lúc tôi lên 7, lên 8 tuổi chỉ còn lờ mờ trong trí nhớ.

Thầy tôi thấy tôi vào, se sẽ bảo:

- Phát đấy ư con? Con đóng cửa lại rồi đứng đây thầy bảo. Con độ này học hành thế nào, có hay phải phạt không?

Lần nào vào, thầy tôi cũng chỉ hỏi việc học hành thế thôi, rồi chỉ độ năm, sáu phút là thầy tôi bảo, vẫn giọng se sẽ, yếu ớt, nhưng đầy vẻ yêu thương:

- Thôi con ra mà học bài, để thầy nằm nghỉ. Con khép chặt cửa lại!

Chỉ có thế mà thôi. Một điều tôi tức bực nhất là tôi không biết mẹ tôi là ai cả? Có lần tôi đã đánh bạo hỏi dì tôi thì dì tôi có vẻ không bằng lòng, gạt phắt đi:

- Trẻ con nào, đi mà học bài, tao không biết!

Thấy dì gạt đi thì tôi không dám hỏi nữa, nhưng tôi lại chờ lúc vắng vẻ hỏi vú già, vì tôi chắc vú già đã nuôi tôi từ thuở bé, tất biết rõ ràng. Thấy tôi hỏi, vú lộ vẻ ngạc nhiên, rồi có ý nghĩ ngại, sau buồn rầu lắc đầu mà bảo tôi rằng:

- Tôi mới đến ở sau này, nên không biết, anh ạ!

Vốn có tính tò mò, tôi nhất định chưa chịu thôi. Một hôm thầy tôi theo lệ thường gọi tôi vào. Hỏi han xong, thầy tôi, cũng như mọi khi, bảo:

- Thôi con ra mà học bài để thầy nằm nghỉ. Con khép chặt cửa lại!

Nhưng lần này thì tôi không ra. Thầy tôi có vẻ ngạc nhiên:

- Phát, cái gì thế con?

Tôi ngập ngừng mãi, sau hỏi ngay một câu:

- Còn... mẹ con đâu, thầy?

Thì thầy tôi chỉ đáp:

- Rồi thầy sẽ nói cho con biết, con ra mà học bài, thầy mệt không muốn nói nhiều.

Tôi biết thầy tôi có ý nói lảng nên vẫn chưa chịu ra:

- Thầy nói cho con biết ngay, mẹ con đâu?

- Mẹ con... mẹ con đã mất rồi, mất đã lâu rồi! Thôi, con ra, khép cửa lại!

Tôi nghi hoặc hỏi lại vú già thì vú già cũng ngạc nhiên:

- Ai bảo anh thế?

- Thầy tôi!

- Ừ... ừ... bà mất sớm rồi, sinh ra cậu xong rồi mất!

Như thế thì tôi còn biết hỏi ai được nữa. Tôi vẫn chưa chịu, còn đương nghĩ cách cố căn vặn cho ra, thì bỗng thầy tôi lên bạo bệnh.

Tôi còn nhớ buổi chiều hôm đó, tôi đi học về, thấy một chiếc ô tô đỗ ở ngoài cửa. Tôi ngạc nhiên vội chạy vào nhà, thì vừa bước qua ngưỡng cửa, đã thấy một ông Tây béo đi cùng với một người Annam xách cái va ly nhỏ đi ra, theo sau là dì tôi.

Ông Tây béo trông thấy tôi thì quay hồi xì xồ. Người xách va ly chỉ tay, bảo dì tôi:

- Cậu em đấy phải không?

Sau khi nghe lời người Annam thông ngôn lại, ông Tây béo nhìn tôi ra dáng thương hại, kéo tôi lại gần, vỗ khế vào má tôi, xì xồ câu gì tôi không hiểu, xong có vẻ âu yếm lắm.

Ông Tây đi rồi, vú già hỏi:

- Ông đốc tờ bảo gì anh đấy?

- Đốc tờ nào?

- Ông Tây vừa lúc nãy ấy mà!

- Thầy tôi làm sao, vú?

- Ông mệt nặng, đốc tờ xem cũng chịu rồi, nói khó lòng mà qua khỏi được.

Tôi vội cắt cặp chạy vào buồng trong, nhưng dì tôi đẩy tôi ra, khép chặt cửa lại, bảo đừng vào, để yên cho thầy tôi ngủ. Vú già dắt tay tôi lại đằng bàn, xới cơm cho tôi ăn rồi bảo:

- Anh cứ ăn cơm đi đã, kéo canh nguội cả!

Nhưng lúc ấy tôi còn nuốt làm sao được. Vú già vẫn ngồi ở bên cạnh. Tôi rất lấy làm lạ không hiểu sao thầy tôi nguy kịch mà dì tôi cũng không cho tôi vào, nhất là vú già ngày thường vẫn âu yếm, săn sóc tôi như mẹ với con, thế mà bây giờ cũng ngồi liên đấy hình như chỉ cốt để giữ tôi lại.

Bỗng trong buồng thầy tôi nấc lên một tiếng to. Vú già thất sắc. Tôi bỏ bát nhảy bổ vào buồng.

Dì tôi toan cản lại, nhưng không hiểu lúc đó tôi hùng hổ khỏe

mạnh đến chừng nào, mà tôi đẩy bắn dì tôi sang bên, chạy đến cạnh giường.

Trời đã tối, trong buồng lại càng tối hơn nữa.

Tôi rụt rè bước đến cạnh màn, khe khẽ gọi:

- Thầy! Thầy ơi!

Thầy tôi nhận ra tôi khẽ hỏi:

- Phát đó con? Con đứng đấy, đừng mở màn ra.

Ánh đèn Hoa Kỳ nhỏ không đủ chiếu ánh sáng qua chiếc màn lan tiêu màu hoa đào.

Tôi nhìn lơ mờ thấy chần nhiều thầy tôi kéo lên quá cổ. Nhưng hình như thầy tôi ngần ngại, chưa muốn ra, thỉnh thoảng thầy tôi lại quay nhìn dì tôi. Một lát sau, thầy tôi bỗng ho sù sụ, rồi nấc lên mấy tiếng. Tôi toan nhảy bổ lại chỗ thầy tôi nằm, nhưng dì tôi đã nắm chặt lấy hai vai tôi. Có lẽ thầy tôi đã đâm ra mê sảng. Thầy tôi chỉ có kêu được ba tiếng còn rõ ràng:

- Phát! Mẹ con...

Nhưng thầy tôi ú ớ nói không ra nữa, tôi cảm thấy lúc đó thầy tôi cố hết sức vùng vẫy để chống chọi với cái chết đương đứng chờ bên để lôi đi. Thầy tôi giãy giụa, bỗng thò một cánh tay ra khỏi chăn, vẫy gọi, hay định nắm bắt một vật gì, tôi trông rõ lắm, thầy tôi xòe bàn tay rồi lại nắm vào như vậy ba lần.

Nặng nề, thầy tôi bỏ thõng tay xuống, rồi nghiêng răng, thầy tôi rên rĩ:

- Liên, liên...

Tiếng thở khò khè, giọng nói lại ú ớ thành ra tôi cũng không dám

nói chắc rằng thầy tôi nói lúc bấy giờ là “liên” hay “yên”, là “biên” hay cái gì nữa.

Vậy ta cứ ví dụ là “liên”. Mà liên là gì? Đó là tiếng đầu của một câu nói mà thầy tôi không có sức nói hết, hay là tên người nào? Hay là tên mẹ tôi? Mấy câu hỏi đó còn đương làm rộn rã bộ óc thơ ngây của tôi, thì một bí mật khác đã theo ngay đến.

CHƯƠNG 3

NGƯỜI HAY MA

Thầy tôi mất đã được nửa tháng. Nhà tôi - nhà tôi nghĩa là chỉ còn có ba người, kể cả vú già - vẫn sống một cái đời yên lặng như trước. Tôi đi học như thường, tối về ngủ một mình trên gác. Đối với dì tôi, nhất là từ hôm thầy tôi mất đi, tôi thấy có một sự lạnh nhạt chia rẽ làm cho tôi không thể nào thân với dì tôi được. Thấy thế, vú già, một hôm bảo tôi rằng:

- Cậu không nên thế, dì cũng như mẹ, ghẻ lạnh như vậy người ta cười.

Thấy tôi không trả lời, vú già nói tiếp:

- Khốn nạn, từ khi ông mất, bà có lẽ thương khóc quá độ mà thành ra đau mắt!

Có thương khóc thực hay không thì tôi không biết, song có một điều rõ rệt là dì tôi đau mắt. Đã mấy hôm nay, dì tôi luôn luôn đeo kính đen, tối nào cũng tra thuốc. Có lẽ dì tôi đau mắt lắm, nên nhà dưới dì tôi không cho thắp đèn điện nữa, kêu chói, chỉ dùng ngọn đèn dầu nhỏ mà thôi. Trên gác, chỗ bàn tôi học thì vẫn thắp đèn điện như thường.

Một hôm trời mưa, tôi trần trọc mãi không sao ngủ được. Tôi bèn trở dậy, bật đèn lên, lấy mấy bộ truyện quốc ngữ ra đọc vì ngày hôm sau là chủ nhật, tôi không có bài vở gì làm cả. Xem được độ hai trang truyện, tôi bỗng ngạc nhiên kinh hãi vì ở nhà dưới có tiếng

người thì thâm to nhỏ. Tôi quên chưa nói rõ là khoảng gác chỗ kê bàn tôi học ở ngay trên gian buồng dì tôi ngủ. Chắc không phải là vú già đương nói chuyện với dì tôi, vì theo lệ thường, 9 giờ tối là dì tôi đi ngủ, khóa cửa ngách lại, để vú già ngủ ở ngoài hàng. Tôi nghi ngờ vô cùng, vì lúc đó dễ đã đến 1, 2 giờ đêm. Nhưng biết đâu, hay là vú già cùng dì tôi có điều gì bí mật phải bàn bạc với nhau?

Vốn sẵn tính tò mò từ thuở nhỏ, tôi quyết khám phá ra điều bí mật. Rón rén ra lối cửa thang, tôi lần bước xuống dưới nhà, nhưng ác chưa, cửa thang lại khóa chặt rồi. Đó là một điều lạ, vì ngày thường không bao giờ như thế.

Không làm sao được, tôi lại rón rén lên gác. Dưới nhà, tiếng nói vẫn xì xào...

Tôi ghé sát tai xuống ván gác xem vú già và dì tôi bàn chuyện gì mà bí mật làm vậy, nhưng không, lạ chưa, tuy tôi không nghe rõ được câu gì, nhưng tôi biết chắc đó là giọng nói của một người đàn ông. Một người đàn ông! Vậy người đó là ai, chắc chỉ có thể là nhân tình của dì tôi. Chà, con dâm phụ quái ác thực, thầy tôi mất có lẽ ngoài mộ chưa mọc cỏ!

Sáng hôm sau, tôi dậy sớm xuống nhà dưới, cửa thang đã mở khóa từ bao giờ. Có lẽ dì tôi còn ngủ, vì cửa buồng đóng chặt. Tôi ra ngoài cửa hàng thì thấy cửa khép, tôi ngồi đợi một lúc thì vú già đi mua xôi về cho tôi, lệ thường hôm nào cũng vậy, tôi trở dậy thì đã có quà sáng sẵn sàng, tôi chỉ rửa mặt, ăn quà rồi đi học.

Thấy tôi, vú già ngạc nhiên hỏi:

- Cậu hôm nay dậy sớm thế?

Tôi không trả lời, nhìn thẳng vào mặt vú già làm cho vú càng ngạc nhiên:

- Cái gì thế, cậu?

- Vú phải nói thực cho tôi biết: Hôm qua ai nói chuyện gì trong buồng dì tôi mà khuya thế?

- Không, có ai đâu.

- Vú đừng giấu tôi!

- Khốn nạn tôi mà giấu cậu thì...

- Vú không phải thế, tôi tin lời vú lắm, vì tôi biết vú nuôi tôi từ thuở nhỏ, mà có lẽ ở nhà này - thầy tôi ốm yếu không kể - chỉ có vú là thương yêu, săn sóc tôi mà thôi. Nhưng thực đêm qua tôi nghe rõ dưới buồng dì tôi có tiếng người nói chuyện, mà tiếng đàn ông.

- Sao cậu không xuống xem?

- Tôi định xuống, nhưng cửa thang gác khóa chặt rồi.

Vú già ngẫm nghĩ lắm bẫm:

- Thế thì lạ thực! Nhưng không có lẽ, vì nếu có người vào thì tôi đã biết. Từ khi ông mất đi, nhà đơn người, nhất là độ này bà đau mắt không cho bật đèn thì tôi sợ kẻ gian phi dòm dỏ, trời sẩm tối là tôi đã bắc ghế ngồi coi cửa.

Tôi hỏi:

- Nhưng còn đêm?

Vú già lắc đầu:

- Đêm thì lại càng không thể lén vào được, vì cửa nhà ngoài thì chìa khóa tôi giữ, mà khi đi ngủ, tôi lại bắc chõng nằm ngay ngang

cửa. Cậu đã biết tính tôi thính ngủ lắm, đừng nói rằng mở cửa, chỉ hơi động một chút là tôi cũng đã tỉnh rồi!

- Nếu vậy thì lạ thật, chẳng lẽ tôi mê hoảng!

- Có lẽ thế thực, chắc là vì ông mới mất, cậu ngủ trên gác có một mình, nên thần hồn nát thần tính, đâm ra mê hoảng đó thôi!

Vú già thì bảo thế, nhưng khôn nạn, tôi có mê đâu? Vậy là người hay ma? Nếu là người thì ít ra cũng phải kiếm cách mà vào chứ? Nhà tôi rất là kín đáo, không có cửa sau, vậy người lạ mặt vào bằng cách nào và vào giờ nào?

Bí mật!

Đêm hôm đó, tôi lại thức, nhưng không nghe thấy tiếng gì lạ, mà cửa thang cũng không khóa. Song cách hai hôm sau, đêm nào tôi cũng thức, thì tôi lại nghe thấy tiếng người nói chuyện, cũng vẫn tiếng đàn ông, mà cửa lần này cũng khóa.

Tôi thề rằng sẽ dò ra manh mối. Từ đó không một cử chỉ, không một hành động nào của dì tôi mà tôi không để ý đến. Tôi nhận thấy một điều lạ là sao độ này dì tôi hay đi chơi luôn; cứ buổi chập tối là tôi thấy dì tôi mặc quần áo ra đi, không biết đi có việc gì, mà trời rét lại đau mắt, dì tôi phải đeo kính đen, trùm khăn tua mà cũng chịu khó đi, lạ nhất là không đi lâu, dì tôi chỉ đi chừng năm phút, mười phút rồi lại về, nhưng chỉ một chốc lại ra đi. Tôi đã cố hết sức đoán mà không hiểu sao dì tôi lại đi đi, về về luôn thế.

Nhưng tôi đã thề sẽ dò ra manh mối!

NÉT GẠCH CHÌ XANH

Muốn tìm ra manh mối, chỉ có một cách giản tiện, dễ dàng hơn cả là đi theo xem dì tôi đi đâu. Chiều hôm đó, tôi quyết tâm theo dì.

Qua một phố vắng, dì tôi bỗng trông trước trông sau, rồi đứng dừng lại trước một nhà bỏ trống, ngoài có dán giấy “Cho thuê nhà dưới”. Nhưng trên gác có cầu thang đi riêng, cũng khóa cửa.

Dì tôi mở khóa lên thang, tôi vờ vẫn đứng đợi một lát chừng độ năm phút, dì tôi xuống, khóa cửa lại, rồi về nhà. Độ mười phút sau, dì tôi lại ra đi, tôi cũng theo y như lần trước, dì tôi cũng lên gác cái nhà bỏ trống. Đến lần thứ ba cũng vậy, mà lần nào cũng chỉ ở trên chừng năm, sáu phút mà thôi.

Vậy trên gác ấy có gì? Ai ở? Sao lại luôn luôn khóa cửa? Đến lần thứ tư thì tôi quả quyết theo lên. Đợi dì tôi lên khỏi thang gác, tôi cũng theo vào, nép mình đứng sau cánh cửa. Một lát dì tôi xuống, vô tình bước ra, khép cửa, khóa lại, thành ra tôi nghiễm nhiên được ở trong cái nhà bí mật. Tôi định bụng sẽ lên xem xét qua loa, vì chắc chỉ lát nữa dì tôi đã lại đến rồi. Tôi vội vàng chạy lên gác, nhưng tôi bỗng kinh ngạc ngẩn người, vì cái gác tôi định lên xem xét chỉ là... một gian gác trống, không có một đồ vật nào. Nói rằng không có đồ vật thì không đúng lắm, vì trên tường có treo một chiếc mắc áo. Ngoài ra thì không có bàn, không có ghế, không có gì cả. Gian gác có bốn cửa: hai cửa sổ và hai cửa ra vào. Một cửa thông xuống sân

đằng sau nhà dưới thì đóng chặt, có một chiếc nẹp gỗ thì đóng ngang. Một cửa thì ra chiếc sân nhỏ ngoài hiên, nhìn xuống dưới đường. Thấy trong gác không có gì lạ, tôi ra hiên chỉ nhặt được chiếc tất lớn, “gót có nhuộm bùn”. Tôi để ý xem kỹ thấy chiếc tất không có gì lạ cả, bèn bỏ đấy mà vào trong gác. Tôi bỗng để ý đến một vật treo trên mắc áo, mà lúc nãy tôi không trông thấy. Vật đó là chiếc hốt để hong giày tây bằng sừng, trông cũng giống như mọi chiếc hốt bình thường.

Tôi nhận kỹ biết ngay chủ nhân của nó là một người không cẩn thận, vì ở chiếc hốt ấy cũng có vết bùn đây.

Không có gì lạ hơn nữa, tôi bèn xuống thang gác, định lại đứng nấp sau cánh cửa để hễ dì tôi vào là tôi lên ra.

10 phút, 15 phút, dì tôi vẫn chưa đến. Tôi đứng dựa vào góc tường nghĩ ngợi, lúc đó mới nhận thấy mọi cái táo bạo nguy hiểm trong cách hành động của tôi. Nhỡ tôi lên gác mà có người ở trên ấy thì sao? Tôi lúc đó dầu sao thì cũng vẫn là một đứa trẻ con, 12, 13 tuổi, như vậy thì liệu chống chọi làm sao với những kẻ thù?

20 phút đã qua! Ấy mới nguy, nhỡ dì tôi không lại nữa thì thật là tôi bị nhốt ở trong này, chẳng khác gì một con chuột nhắt bị sa vào cạm. Tôi lo sợ, nhìn quanh, tìm kế thoát thân... Trong bóng tối lờ mờ, tôi bỗng nhìn thấy ngay dưới chân tôi một miếng giấy màu đỏ, vuông vuông. Tôi cúi xuống, nhặt lên xem thì đó chỉ là một quyển lịch con bỏ túi.

Bỗng ngoài cửa có tiếng mở khóa. Tôi vội vàng nín thở, đứng nép vào tường. Cửa mở, dì tôi vào, lên thang gác, tôi vội vàng lén bước ra ngoài...

Suốt đêm hôm đó, tôi không sao ngủ được. Tôi giờ từng trang quyển lịch hình như cố hết sức đọc ở những giờ tàu chạy, những tên ngày, tên tháng, để tìm ra manh mối câu chuyện bí mật này. Nhưng trong quyển lịch không có biên một chữ gì, tôi chỉ thấy có “bốn nét chì gạch xanh” cách nhau chừng ba hôm một; có lẽ để đánh dấu ngày. Giờ sang trang bên kia, vào một ngày thứ sáu, tôi thấy có ba dấu gạch chữ thập, cũng nét chì xanh. Chỉ có thế mà thôi.

Chỉ có thế mà thôi, thì tôi còn biết tìm ra manh mối làm sao được?

Tôi gục đầu suy nghĩ: gian gác trống, cái mắc áo, chiếc tất nhuộm bùn, cái hốt giấy, quyển lịch bỏ túi, những nét gạch chì xanh, từng ấy thứ đều bí mật cả. Trong khi tôi đang nát óc để tìm ra manh mối, thì ở dưới nhà, trong buồng dì tôi, khổ chưa, họ vẫn nói chuyện thì thầm. Mà cửa gác cũng khóa, chẳng lẽ họ khóa được cửa, lại khóa luôn cả bộ óc xét đoán của tôi sao?

Thất vọng, tôi không buồn thay quần áo, nằm lăn ra giường ngủ. Tôi tức bực vô cùng và tự nghĩ:

- Thế là một đêm vô ích! Thế là mai vào lớp, nếu bị gọi đọc bài sẽ lại phải đồn. Thứ tư vốn có nhiều bài đọc, mà mình chưa học được chữ nào.

Mai là thứ tư, à, mai là thứ tư nhỉ? Mai là thứ tư, nghĩa là hôm nay là ngày thứ ba! Hôm nay là ngày thứ ba, khốn nạn, thế mà tôi không nhớ ra, không nghĩ đến.

Tôi vùng trở dậy lại bàn học, bật đèn lên, giờ quyển lịch nhỏ ra xem ngày lại. Đích phải rồi, vậy ra bốn nét gạch chì xanh đều là để đánh dấu những đêm mà người đàn ông bí mật vào buồng dì tôi trò

chuyện. Cái đêm thứ bảy là đêm đầu tiên tôi dậy nghe thấy tiếng trò chuyện ở dưới nhà, thì ở trong quyển lịch cũng có đánh dấu một nét chì xanh. Trên nét ấy còn một nét nữa, vào ngày thứ năm, xong có lẽ đêm hôm đó tôi ngủ mệt nên không biết. Dưới nét gạch ngày thứ bảy lại có một nét gạch vào ngày thứ năm. Tôi nhớ lại chính hôm thứ năm ấy, tôi cũng thấy có tiếng trò chuyện mà cửa thang cũng khóa. Còn nét gạch sau cùng thì vào ngày thứ ba, chính vào ngày hôm nay, chính vào ngày mà hiện giờ ở dưới nhà họ đang trò chuyện.

Tôi đã cởi được một nút bí mật. Vậy ra họ chỉ khóa được cửa thang, chứ chưa đủ lực mà khóa được bộ óc tôi. Nhưng còn ba nét gạch chì xanh vào ngày thứ sáu? Nghĩa là còn cách hai ngày nữa đây!

Song bây giờ tôi không bối rối nữa, tôi tin rằng tôi sẽ tìm ra manh mối câu chuyện bí mật này. Gian nhà trống, cái mắc áo, chiếc tất nhuộm bunn, cái hốt giấy, những vật đó sẽ là cái biển cấm đường để dẫn lối cho tôi đi tìm ánh sáng...

Bây giờ thì không còn cái gì là bí mật nữa!

Sáng hôm sau, lúc ở nhà trường về, tôi học cách của những anh bạn lười, chuyên đi nhà thương để được nghỉ, nghĩa là tôi lấy thuốc lào dí vào mắt để vờ làm đau mắt. Ăn cơm xong, tôi bèn mở tủ lấy cái lọ thuốc đau mắt dì tôi vẫn thường tra, tôi đang loay hoay với cái nút cùng chiếc ống thủy tinh nhỏ thuốc, thì dì tôi đến bên lúc nào không biết, bỗng giật phắt lấy lọ thuốc và tát cho tôi một cái nên

thân.

- Ai cho mày nghịch, hử?

- Không, con đau mắt!

Dì tôi nhìn tôi chòng chọc, thấy mắt tôi quả nhiên đầy tia máu đỏ thì bỗng hỏi mình quá nóng, ôn tồn bảo tôi rằng:

- Chết chưa, ra thằng bé đau mắt thực; khôn nạn, để con lây dì hẩn. Nhưng thuốc này nặng lắm, con tra không được, để dì mua cho thuốc khác.

Rồi dì tôi móc túi cho tôi một hào “để ăn quà”, hình như cốt để đền cái tát lúc nãy. Tôi bỏ hào vào túi. Dì tôi quay đi, vui mừng. Bằng một cái tát trái, dì đã cho tôi biết một cách rõ rệt rằng những điều tôi ước đoán đều đúng cả.

Tôi đã biết rõ “người ấy” vào bằng cách nào. Tôi sẽ biết rõ “người ấy” là ai, và bắt quả tang trong lúc họ hành động, vì tôi đã đoán chắc họ đương mưu tính việc gì.

CHẠY ĐĂNG GIỜ

Hôm thứ sáu, sau bữa cơm chiều tôi xin phép dì tôi đi chơi.

Khác hẳn mọi ngày thường còn hỏi han cận kề, lần này dì tôi bằng lòng cho phép ngay. Tôi bèn tìm vú già, bảo vú rằng:

- Có người thực, vú ạ!

Vú già không hiểu tôi định nói gì, ngăn người hỏi lại:

- Người nào?

- Người vẫn thường lên vào nhà ta.

- Không có lẽ.

- Được, rồi vú xem. Song hôm nay, tôi muốn ngồi canh cửa xem nó vào lúc nào. Nhưng tôi sợ dì tôi mắng, hễ dì tôi có hỏi thì vú bảo tôi đi chơi rồi nhé.

Nói xong, tôi trèo lên vừa thóc - nhà tôi buôn thóc gạo - ở ngay áp cửa, lấy dao díp khoét cốt ra một lỗ nhỏ để nhòm. Vú già thì bắc chiếc ghế ngồi ngay bên cửa. Một lát sau, dì tôi ra, dưới ánh ngọn đèn Hoa Kỳ lờ mờ, tôi thấy dì tôi rút khăn lau chiếc kính, rồi cuốn lại khăn quàng bằng len đan. Trước khi đi, dì tôi quay lại hỏi vú già:

- Cậu Phát đâu, hẳn lại đi chơi rồi?

- Vâng cậu ấy vừa đi.

- Con nhà thế thì thôi. Tôi đi đăng này một lát, vú trông kỹ cửa nhà.

Một lát sau, dì tôi về. Rồi dì tôi lại đi, rồi lại về. Rồi lại đi, rồi lại về, lần nào cũng chỉ cách nhau chừng độ mười, mười lăm phút thôi. Rồi cách một lúc lâu, chừng độ nửa giờ, tôi không thấy dì tôi đi nữa. Tôi tự nghĩ:

- Không có lẽ chỉ có thế thôi.

Quả nhiên, dì tôi lại ra đi. 10 phút sau lại trở về, rồi lại đi, rồi lại về. Vú già sốt ruột, lẩm bẩm:

- Đi gì mà khỏe đi lăm thế?

Nhưng đã thôi đâu, dì tôi lại ra đi. Tôi ngồi trong vựa thóc, vì phải ngồi xồm lâu, lại có lăm mọt, nên vừa mỗi, vừa ngứa. Tuy nhiên, tôi vẫn bền gan ngồi đợi. Một lát sau, dì tôi về.

Hai bàn chân tôi đã thấy tê dại, tưởng chừng đứng lên thì không bước đi được nữa. Đàn muỗi vo vo bên tai, trước mũi, tinh một mùi cám. Trong nhà, đồng hồ chậm chạp điểm chín tiếng... Một lát sau, dì tôi về, về rồi thay quần áo, không đi nữa. Đợi lúc dì tôi ở trong nhà, tôi trong vựa thóc trèo ra. Vú già vừa chèn cửa vừa quay lại hỏi nhỏ tôi:

- Thế nào, cậu ngồi rình có thấy nó vào không?

Tôi nghĩ một lát rồi lắc đầu trả lời:

- Không, tôi không thấy gì lạ cả.

Nhưng sự thực thì tôi đã thấy rồi, cũng như tôi biết chắc “nó” đã vào rồi.

Tôi vào trong nhà, rửa mặt, rửa chân, tỏ ra về vừa mới chạy nhảy ở ngoài phố về.

Rồi tôi cởi bỏ áo ngoài, lên gác đi ngủ. Nhưng lên đến nửa cầu

thang, tôi đã trèo xuống, rồi rón rén, lẩn ra trèo luôn vào vựa thóc.

Đèn trong nhà đã tắt. Nằm co trên đống chiếu, rồi nghe rõ thấy dì tôi rón rén lên thang gác. Một tiếng vặn chìa khóa. Nếu tôi thực ở trên gác thì đã bị nhốt rồi.

Trong buồng đã bắt đầu có tiếng trò chuyện rì rầm. Lúc đó, tôi tức tối vô cùng, nhưng muốn chạy ập vào trong phòng, bắt quả tang đôi gian phu dâm phụ. Nhưng sau khi suy nghĩ kỹ lưỡng, nếu tôi làm ra to chuyện bây giờ thì rồi vú già biết, hàng xóm biết, cả tỉnh biết, lúc đó, liệu thanh danh nhà tôi còn gì. Tôi chắc hẳn nếu thầy tôi còn sống, tất cũng không muốn tôi làm như thế.

Bởi vậy cho nên tôi đành nằm trong vựa thóc mà đợi sáng. Cái đêm ấy sao nó mới dài. Về sau này, tôi thức suốt đêm để bắt kẻ gian rất nhiều, song không bao giờ thấy hồi hộp như đêm hôm ấy.

Sáng sớm hôm sau, đồng hồ vừa gõ năm tiếng thì vú già trở dậy, theo lệ thường, mở cửa đi mua quà sáng cho tôi. Thì tôi chỉ đợi có lúc ấy, cái lúc mà trừ tôi, dì tôi và người lạ mặt thì không còn ai nữa.

Tôi quả quyết chạy thẳng đến buồng dì tôi, xô cửa bước vào. Dưới ánh ngọn đèn Hoa Kỳ, cạnh chiếc bàn con, tôi trông thấy rõ ràng một người đàn ông, mặc áo sơ mi lụa, đương ngồi xếp những vòng, hoa, xuyên, hột vào trong một chiếc khăn mặt lớn.

Tôi lúc đó oai hùng như một tay đại trinch thám vào sào huyệt bắt được một đảng cướp lớn, chỉ tay, thét lớn:

- Mày có chạy đảng giời!

Nhưng nó không “chạy đảng giời” thì lại chạy đảng cửa. Nó vớ vội lấy chiếc khăn đầy đồ tư trang, đẩy tôi sang một bên mà chạy ra. Tôi nhanh tay giật ra, làm cho nó đánh tuột cả vòng, hột tung tóe xuống

đất. Tôi toan đuổi theo, nhưng dì tôi đang nằm trong màn đã nhảy
xổ ra nắm chặt lấy tôi, ghì lại.

CHƯƠNG 6

SÁU ĐI BẦY VỀ

Kỳ Phát kể đến đây thì ngừng lại. Tôi hỏi:

- Rồi sao nữa? Kể ra anh mới ít tuổi mà khám phá ra được thế thì cũng đã giỏi lắm rồi.

Kỳ Phát mỉm cười:

- Có lẽ cũng là bẩm tính trời sinh, nên tôi có óc trình thám ngay từ thuở nhỏ. Chỉ buồn cười độ ấy trước khi vào bắt gian tôi đã suy tính kỹ càng, thế mà cũng vẫn sót một điều là quên rằng mình mới đứng cao bằng cái ô thì bắt sao được những người lớn như ông hộ pháp.

Tôi gật đầu rồi hỏi:

- Câu chuyện đến đây là hết ư, hẳn phải còn đoạn kết chứ?

Kỳ Phát có vẻ tức tối, chỉ tay vào ngực:

- Đoạn kết là: tôi thành một thằng ăn cắp, anh đã hiểu chưa? Lúc đó, dì tôi kêu ầm phớ lên rằng tôi là một thằng bé ăn trộm gà, lợn ăn trộm trâu, mới nứt mắt mà đã có gan thừa lúc dì tôi còn ngủ, lén vào phòng ăn cắp vòng, hoa, xuyên, hột. Ấy, tôi bị một trận đòn chí tử, giống y như hết cái cảnh mẹ đánh con lúc nấy.

Thấy tôi có vẻ suy nghĩ, Kỳ Phát hỏi:

- Anh còn có điều gì chưa hiểu?

- Tôi vẫn chưa hiểu tình nhân của dì anh lén vào trong nhà lúc nào?

- Có gì mà không hiểu. Sáu đi, bảy về mà lại!

- Sáu đi, bảy về?

- Phải, sáu đi, bảy về. Để nguyên, tôi cắt nghĩa từ đầu cho anh nghe. Anh đã hiểu ba nét gạch chì xanh trong quyển lịch là gì chưa?

Tôi gật đầu:

- Chỉ có ba nét gạch ấy là cuối cùng, nghĩa là chỉ còn mỗi đêm ấy là người lạ mặt lén vào nhà. Đoạn cuối anh vừa kể đã cho tôi biết rằng: Dì anh và người ấy bên nhau để thu xếp tiền nong, vàng bạc chuyển vận ra ngoài, có lẽ chỉ còn đợi ngày cùng nhau đi trốn.

- Còn gian gác trống?

- Cái đó thì tôi không hiểu.

- Ấy, thoát tiên tôi cũng không hiểu, nhưng sau cứ nghĩ mãi, xem gian gác trống, chiếc mắc áo, cái hốt xỏ giày, và chiếc tất nhuộm bùn có liên quan gì với nhau thì lâu dần vỡ lẽ... Anh vẫn chưa hiểu ư? Vậy tôi hỏi anh nhé: chiếc mắc áo dùng để làm gì?

- Để treo áo.

- Cái *chausse-pied*?

- Anh này hỏi ngớ ngẩn! Để lót vào gót mà đi giày, chứ còn dùng làm gì nữa.

- Đi giày gì?

- Giày tây.

Kỳ Phát vỗ vai tôi:

- Ừ, giày tây. Anh nên nhớ rằng: chiếc tất ấy là một chiếc tất to, nghĩa là đàn ông đi, thế mà có dây bùn, nghĩa là tuột giày, giẫm ra đất chớ gì? Vậy anh có thấy ai đi giày tây, mà đến nỗi tuột chân ra

ngoài đất bao giờ không?

Tôi gật gù nghĩ ngợi:

- Ủ, lạ nhỉ!

- Do đó, tôi đoán rằng gian gác trống này cốt chỉ để người đàn ông đến thay quần áo. Hắn đến, cởi quần áo treo lên mắc, tháo giày, rồi mặc quần áo đàn bà vào.

Tôi cãi:

- Ủ, cho cái dạng thế thì cũng phải tìm cách lén vào nhà anh chứ?

- Việc gì phải lén. Hắn trùm khăn quàng đầu, đeo kính đen lên, rồi đàng hoàng vào nhà. Vú già vô tình, thấy dì tôi đi đi, về về luôn, không để ý, thế là hắn vào không khó khăn gì cả. Nhưng đã hơi đoán ra, nên hôm thứ sáu, tôi nấp rình xem những điều mình đoán có đúng không? Quả nhiên tôi thấy dì tôi đi, rồi về, rồi đi, rồi về, rồi lại đi, lại về, rồi lại về mà không đi nữa. Đấy anh xem, chỉ có “sáu lượt đi” mà “bảy lượt về”, vậy thì lượt về thứ sáu, chính là hắn, mà lần về thứ bảy mới thực là dì tôi.

- Thế là dì anh giả vờ đau mắt à?

- Cố nhiên là giả vờ. Làm ra như thế có hai điều lợi: một là được đeo kính đen, người tình nhân cũng đeo như thế, thì sự phân biệt càng khó; hai là có cớ mà không cho thắp điện, với ngọn đèn dầu lò mờ, cái cớ giả dạng thay người thi hành càng dễ.

- Chiếc tất nhuộm bùn, phải rồi, anh có kể lại: cái đêm mà anh nghe thấy họ trò chuyện lần đầu là một hôm giời mưa.

- Phải, có lẽ vì không quen đi giày đàn bà, nên sáng sớm hắn về

mới trượt chân ra ngoài, khi định đi vào giày tây, thấy dây ra chiếc chausse-pied mới biết là tắt lăm, nên quăng bỏ đi.

- Lúc sáng hấn về... Ừ vào đã vậy, nhưng hấn làm cách nào mà ra được?

- Có khó gì, anh quên rằng, theo lệ thường sáng nào vú già cũng khép cửa, đi mua quà sáng cho tôi ư?

Tôi cố nhớ lại, rồi quay hỏi Kỳ Phát:

- Tôi không nhớ rõ, nhưng hình như trong Arsène Lupin cũng có một đoạn nhỏ giống như câu chuyện này thì phải.

Kỳ Phát cả cười, vỗ vào vai tôi mà bảo rằng:

- Vậy thì anh thực là một thằng ngốc. Anh tưởng là giống nhưng giống thế nào được; một đằng thì Lupin tự nhiên mà nhận thấy, còn tôi thì theo cách luận lý mà xét đoán ra.

- Nhưng còn cái hành tung bí mật của mẹ anh?

- Tôi thú thực rằng tôi chưa có dịp nào mà tra xét ra cả, nhưng đời còn dài, tôi thề sẽ quyết khám phá ra mẹ tôi là ai, còn sống hay đã chết, và thầy tôi làm sao mà lạ lùng bí mật như vậy. Lặng yên một lúc, rồi Kỳ Phát nói tiếp:

- Tôi kể cho anh nghe chuyện này chẳng qua là muốn tỏ cho anh biết rằng: anh chớ thấy một đứa bé bị đòn về tội ăn cắp, mà vội cho nó là thằng ăn cắp thực!

- Vẫn biết thế, nhưng anh cũng phải nhận rằng: những câu chuyện như chuyện của anh thì rất hiếm, trăm năm mới có một lần.

Kỳ Phát cả cười:

- Thôi đi anh, anh đừng vội quả quyết thế, ngay đời tôi cũng đã bị

hai lần, cũng như lần trước, bạn sau cũng chính tôi khám phá ra một vụ trộm mà chính tôi lại bị nghi ngờ là thủ phạm.

Tôi vừa toan bảo hắn kể chuyện cho nghe, thì như đã đoán được ý tôi, Phát nhìn thẳng vào mặt, mỉm cười mà bảo tôi rằng:

- Nhưng tôi không kể chuyện ấy ngay bây giờ cho anh nghe đâu, anh thực lạ, ai lại tham đâu mà tham thế, vả lại sách đã có chữ rằng: “Phàm người đã ngáp thì không nên kể chuyện nữa”, mà chính tôi thì buồn ngủ lắm rồi...

PHẠM CAO CÙNG

8 GIỜ KÉM 5

MỘT LỜI GIỚI THIỆU CHẾT NGƯỜI

Trời mưa lâm lội. Trên con đường về phủ Khoái Châu thuộc tỉnh Hưng Yên, một người phu già ì ạch kéo chiếc xe áo toại kín mít.

Trời mưa, hai người ngồi trong xe không trông ngắm được cảnh vật bên ngoài, thế mà họ cũng không hề nói chuyện với nhau nửa lời cho đỡ buồn, quên cái thời giờ chán nản đường trường. Họ đều có ý nghĩ riêng, thỉnh thoảng họ lại ngoảnh nhìn nhau, con mắt đầy vẻ căm hờn. “Họ” đây là hai người: một thiếu phụ và một thiếu niên.

Dùng hai chữ “thiếu niên” đây là cho nó có văn vẻ chứ thực ra chàng thiếu niên của chúng ta chỉ là một cậu bé 11, 12 tuổi, cặp mắt sáng, khuôn mặt tròn, đầu đội mũ trắng còn mới nguyên. Ta nói ngay cậu bé con đó là chàng Kỳ Phát mà người thiếu phụ là dì cậu. Các bạn nên nhớ rằng khi chuyện này xảy ra thì Kỳ Phát mới là một đứa trẻ học lớp ba, chớ chưa phải một trang thiếu niên tóc điểm bạc, có tài trình thám hơn người.

Ngồi trong xe, Kỳ Phát lúc đó nghĩ ngợi lung lăm. Chàng bức tức vô cùng vì mấy hôm trước đây, nhờ có “chiếc tất nhuộm bunn” chàng đã khám phá ra vụ tư thông của dì chàng. Thì ra cái con dâm phụ chồng mới chết được vài hôm đã dắt trai về nhà, nó ngồi cạnh chàng! Chính nó, lúc chàng nhảy vào bắt gian đã to mồm lu loa vu cáo cho chàng cái tội dâm hèn: sáng sớm tinh sương lên vào buồng dì

mở hòm ăn cắp. Cả vú lấp miệng em, hãy hỏi ai cãi cho ra nỗi oan Thị Kính này. Hàng phố, hàng xóm, sáng hôm đó đổ lại xem ai cũng nhìn Kỳ Phát bằng con mắt khinh ghét. Một bà cụ già chép miệng mà nói rằng:

- Gớm thời văn minh bây giờ trẻ con bằng tí tuổi đầu mà đã có gan tướng cướp.

Một bà to béo đến xem cũng thuận tay tát cho thằng bé con đứng cạnh mình một cái tát nên thân và rít lên:

- Còn mày nữa, mà đồ đốn thế thì bà giết sớm.

Kỳ Phát đứng giữa đám người độc ác bất công đó, cặp mắt rung rung. Nhưng chàng đỡ uất ức một hai phần khi bỏ màn đi ngủ, vú già đến bên an ủi:

- Thôi cậu đừng khóc nữa, tôi biết lắm, chắc chẳng bao giờ cậu lại thế!

Kỳ Phát cảm động nắm lấy tay vú già nức nở. Chàng không ngờ rằng trong nhân loại lúc bấy giờ lại có người không ngờ là chàng ăn cắp.

Nói thế thì không đúng, Kỳ Phát biết chắc có một người không bao giờ lại tin chàng có cái dã tâm đó. Người ấy là mẹ chàng. Nhưng mẹ chàng lúc này ở đâu, còn sống hay đã chết, chàng cũng không hay nữa.

Khi dì chàng thấy việc tư thông của mình bị bại lộ thì việc trước nhất là nghĩ cách nhử cái gai trước mắt, rút cái gậy trong bánh xe, nghĩa là tổng cổ thẳng ra khỏi nhà. Nhưng khốn thay, con ác phụ không thể nào xử thẳng tay được, vì dẫu sao, miệng tiếng thế gian cũng bảo: “Dì ghê, con chồng”.

Nhưng nó đã nghĩ ra một diệu kế là gửi Kỳ Phát lên phủ Khoái Châu, ở nhà một người anh họ mình, lấy cớ rằng bây giờ ở nhà chỉ toàn đàn bà, Kỳ Phát hay chơi bời lêu lổng, nay gửi lên Khoái Châu thực tiện người rèn cặp. Thế là hôm đó, một hôm trời mưa lâm lội, Kỳ Phát cùng dì và một chiếc hòm nhỏ, đi xe lên phủ Khoái Châu “du học”. Đến nơi dì chàng đưa chàng lại chào ông giáo Hy, một ông giáo có tiếng dữ đòn nhất trường, rồi lễ phép mà thưa với ông giáo rằng:

- Thưa ông, thầy cháu mất sớm, trăm sự chúng tôi đến nhờ ở ông. Cháu nó được cái thông minh, nhưng, biết lòng con không ai bằng mẹ, chúng tôi không dám giấu cháu nó bướng bỉnh lại có ý gian lắm ạ!

Thế là bà mẹ hiền từ ấy đã gửi gắm chàng Kỳ Phát cho ông giáo bằng một lời giới thiệu quý báu. Nếu cái xéc-ti-phi-ca xấu đã làm cho một thầy ký không kiếm được việc làm, một quyển li-vê xấu đã làm cho một cậu học trò không xin học được ở trường nào, thì cái lời giới thiệu chết người kia đã làm cho Kỳ Phát lần thứ hai mang tiếng là thằng ăn cắp. Cái lời giới thiệu ấy đã làm cho ông giáo Hy tự nhận mình là một nhà trinh thám.

Kết quả trước tiên của lời giới thiệu chết người ấy là ngay hôm đầu tiên đi học, Kỳ Phát được gọi lên trước bàn học, ngó ngẩn trước cặp mắt trở và to của ông giáo Hy:

- Tôi bảo cho anh biết trước: anh không bướng được với tôi đâu! Hừ, bé ăn trộm gà, nhón ăn trộm trâu! Anh trừng mắt nhìn tôi đấy, phải không? Lần đầu tôi tha cho không đánh đòn, nhưng anh phải chép, đến chiều nộp, câu này: “L’honnêteté est la mère de toutes

qualités.” Thôi, về chỗ!

Ông giáo Hy đã thực hành câu: Dạy con từ thuở còn thơ, dạy học trò từ thuở bơ vơ mới lại!

KHÔNG CÁNH MÀ BAY

Một hôm thứ bảy, trời rét như cắt, ông giáo Hy thu thủ trong chiếc áo ba-đờ-suy, đi bộ từ nhà sang trường. Gió lạnh, tuy ông đã kéo cổ chiếc áo dạ lên tận gáy, thế mà chiếc mũi ông, vừa cao vừa to, cũng bị cóng mà thành ra đỏ. Ông tới trường, bắt tay các bạn đồng nghiệp, rồi nhìn đồng hồ nhà trường lấy lại đồng hồ của mình, và ra bàn nước, hút thuốc. Ông thở hơi khói thuốc缭绕, uống hớp nước lạnh. Thấy hơi bức, ông quay về lớp, treo chiếc áo ba-đờ-suy lên mắc rồi nói chuyện với các bạn hữu.

Một lát sau, trống trường điểm ba tiếng vào học, ông giáo Hy thông thả bước về lớp, vỗ tay cho bọn học trò xếp thành hàng vào.

Rồi ông thò tay vào túi áo khoác, treo trên mắc, lấy chiếc đồng hồ ra. Ông vừa toan quay bước lên bục, song ông thoáng nhìn đồng hồ, ông dừng bước, đưa đồng hồ lên tai nghe. Ông sẽ lắc đồng hồ cho chạy nhưng có lẽ chiếc đồng hồ của ông vẫn nhất định chết nên ông đành cau mày thở dài, rồi lại bỏ đồng hồ vào áo ba-đờ-suy.

Xong ông lên bục dạy học trò như thường. Thời khắc qua... Tới giờ chơi ông giáo Hy lên buồng trên uống nước. Trước khi ra khỏi lớp ông còn quay lại mà bảo Kỳ Phát, hôm đó chàng còn phải ở lại trong lớp chép bài vì chàng giữ Cahier de Roulement.

- Anh bướng vừa chứ, ngồi mà chép bài thực cẩn thận không có chốc nữa tôi soát lại còn “phốt” thì chớ chết!

Giờ chơi vào, ông giáo Hy vẫn dạy học như thường, nhưng tới lúc trống về, ông mặc áo ba-đờ-suy vào, ngẩn người tìm tòi hết túi trong, túi ngoài, rồi bỗng giận dữ bảo tội học trò:

- Hãy khoan, không được ra vội!

Rồi ông thở dài, lắc đầu gọi:

- Kỳ Phát, anh lên đây tôi bảo.

Cả lớp đều ngạc nhiên, ông giáo Hy nhìn Kỳ Phát từ đầu đến chân rồi chép miệng:

- Gớm thật!

Kỳ Phát ngạc nhiên, chàng tức mình vì thấy bọn học trò đứng xung quanh nhìn chàng như nhìn một con vật lạ:

- Thưa thầy bảo con gì ạ?

- Lại còn bảo gì? Thôi anh đừng vờ nữa, muốn sống thì đưa trả ngay đây!

- Thưa thầy trả cái gì ạ?

- Này trả cái này!

Vừa nói, ông giáo Hy vừa thuận tay tát cho Kỳ Phát một cái tát đả hào quang hai mắt. Bản tính Kỳ Phát rất bướng, hấn chỉ nhịn nhục có chừng thôi, khi quá mực thì không chịu nữa. Hấn đỏ mặt nhìn thầy giáo:

- Nào tôi có lấy cái gì?

- Phải, không lấy, chỉ lấy cái đồng hồ thôi!

Bị người vu oan, Kỳ Phát nhất định cãi:

- Tôi lấy bao giờ, không tin thì thầy khám cặp tôi mà xem.

Ông giáo cười nhạt lắc đầu:

- Thôi đừng gáí đĩ già mồm nữa! Tôi còn lạ gì cái phường ăn cắp, đúá nào lấy chẳng tẩu tán tang vật ngay đi đại gì lại giữ trong mình để người ta khám thấy!

- Thế thầy lấy có gì mà bảo tôi lấy cắp chiếc đồng hồ của thầy?

Ông giáo Hy bị Kỳ Phát hỏi vặn thì tức lắm. Phải, làm một ông giáo mà bị học trò hỏi vặn thì còn gì là đàng hoàng nữa?

Ông giáo cười gằn mà bảo Kỳ Phát:

- Cần gì phải chứng có! Thì ai còn lạ gì tính anh, đến mẹ anh cũng còn bảo tôi hôm xin cho anh vào học: “Cháu nó có tính gian lắm, ông phải coi chừng!” Thì gian nghĩa là gì? Gian nghĩa là ăn cắp! Hãy hỏi từ lúc vào học đến lúc về lúc nào tôi cũng ở trong lớp trừ lúc giờ chơi, thì lại chỉ có mình anh ở trong lớp. Vậy trừ anh ra thì còn ai vào đây mà lấy nữa?

Ông giáo Hy suy xét như vậy thì thật là hợp lý, nhưng còn nhiều chỗ ông không biết đến cũng như ông không biết rằng cái người đàn bà ông bảo là mẹ Kỳ Phát không phải là mẹ, mà chỉ là người dì độc ác mà thôi!

MỘT ÔNG GIÁO KIÊM NHÀ TRINH THẨM

Thế là ngay lúc bảy giờ, ông giáo Hy theo Kỳ Phát về nhà, ông lập tức phân bua câu chuyện cho mọi người nghe:

- Thực là mất biến nhanh như điện. Thì buổi sáng hôm nay, lúc 7 giờ, tôi ở nhà đi lại trường. Việc thứ nhất là tôi lấy lại đồng hồ vì chiều nay tôi có việc cần phải đi Hà Nội cho đúng giờ. Nhưng đồng hồ tôi mỗi ngày nhanh 15 phút, bởi vậy lúc đó tuy đồng hồ nhà trường đã 7 giờ 15 mà tôi lấy đồng hồ tôi đúng 7 giờ, vì tôi ước lên tới Hà Nội đồng hồ chạy nhanh lên thì vừa đúng.

Lấy lại đồng hồ xong, tôi bỏ vào túi áo ba-đờ-suy, treo ở lớp, rồi ra nói chuyện với các ông giáo. Lúc trống vào học, tôi vừa toan lấy đồng hồ ra để dạy học trò, thì đã thấy đồng hồ chết lúc 8 giờ kém 5, nên tôi đành bỏ vào túi áo. Lúc giờ ra chơi thì tôi cũng để đồng hồ ở trong lớp, có ngờ đâu lúc tan học sờ đến đồng hồ thì đã mất từ bao giờ.

Người anh họ Kỳ Phát hỏi:

- Nhưng tại sao ông giáo lại nghi cho Phát lấy?

- Khốn nạn, không nó lấy thì ai vào đây nữa. Sáng nay, trong lúc giờ chơi, chỉ có nó là được phép ở trong lớp mà thôi! Nhưng mất chó phải rào rậu, từ nay tôi cấm hết tất cả học trò, không trừ một ai, được lai vãng trong lớp lúc giờ chơi nữa.

Người anh họ quay lại bảo Kỳ Phát:

- Thôi, anh có trót dại thì đưa trả ông giáo đi!

Kỳ Phát lặng yên không trả lời. Trong óc chàng hình như đang mãi nghĩ điều gì.

Ông giáo Hy thấy Kỳ Phát không nói thì nhìn thẳng vào mặt chàng mà bảo rằng:

- Lặng im nghĩa là thú tội, vậy anh lấy giấu đâu đưa trả tôi, rồi tôi tha cho.

Kỳ Phát cũng vẫn không nói. Không thể nén giận được nữa, ông giáo dí ngón tay vào trán Kỳ Phát, nghiêng răng, rít lên rằng:

- Mày to gan lắm, và sau thì đi ăn cướp, con ạ!

Bây giờ Kỳ Phát không uất ức nữa và mạnh mẽ vụ trộm tuy nhỏ nhặt nhưng lạ lùng này chàng đã đoán được cả rồi. Chàng chỉ cần suy nghĩ kỹ lại xem những điều mình ước đoán có đúng không.

Nhưng chàng đã đoán trúng.

Chàng vui mừng lộ ra nét mặt, không nghĩ ngợi gì vì trong óc chàng đã có một kế hoạch hành động hẳn hoi.

Buổi chiều hôm đó, ông giáo Hy cũng yên trí vào lớp dạy học với một kế hoạch hành động. Việc thứ nhất là ông bắt Kỳ Phát quỳ ở một góc lớp với một chiếc biển treo lưng lửng trước ngực, trên đề mấy chữ: "Je suis un voleur", rồi ông ra lệnh cho tất cả học trò từ nay không ai được bén mảng vào lớp nữa.

Tuy bị hình phạt một cách đê nhục như vậy, Kỳ Phát cũng không để ý gì mấy, bởi lẽ trong óc chàng đương bận nghĩ ngợi, đắn đo thử xem những điều dự đoán của mình có thể sai nhảm được không.

Nhưng chàng đã nghĩ kỹ lắm mà không hề thấy có chỗ sơ sót nào, nên bỗng sung sướng và mỉm cười! Cái mỉm cười ấy, cũng không thoát khỏi cặp mắt rình mò của ông giáo Hy. Và thấy thế, ông cau mặt tức tối lắm rồi quả quyết lắm lắm:

- À, mày cười, mày tưởng tao không có cách gì bắt quả tang mày được hay sao, trứng lại đòi khôn hơn vịt à?

Và bởi thế, trong lúc Kỳ Phát quỳ mà ngẫm nghĩ xem mình nên hành động như thế nào cho tới kết quả thì ông giáo Hy cũng đi đi lại lại nghĩ phương pháp điều tra bắt thủ phạm của mình!

Một lát sau, tới giờ ra chơi, ông giáo Hy bảo tất cả học trò rằng:

- Từ hôm nay, dù giữ Cahier de Roulement nữa, tôi cũng không cho phép một người nào được vào trong lớp trong giờ nghỉ. Ai mà không tuân lệnh sẽ bị phạt nặng!

Nhưng sau khi nói thế, ông gọi một ông giáo lớp bên cạnh vừa đi ngang qua đó mà bảo rằng:

- Bác Huỳnh, bác làm ơn trông hộ học trò tôi ở sân, tôi vắng qua nhà lấy cái này một tý rồi lại sang ngay.

Rồi ngoảnh lại Kỳ Phát, ông quát:

- Còn mày thì cho ra sân chơi một tý rồi lát nữa lại vào quỳ!

Kỳ Phát sung sướng đứng dậy, ra sân chạy quanh mấy vòng cho đỡ cuồng chân, vì quỳ luôn mấy giờ đồng hồ, chàng thấy hai đầu gối tê buốt như dằm. Kỳ Phát để ý xem kỹ, thấy suốt mấy dãy lớp, không có một ai qua lại, bọn các ông già chia ra kẻ thì đi lại trong sân để coi sóc học trò, người thì đứng xúm lại bàn uống nước, vừa hút thuốc, vừa nói chuyện.

Kỳ Phát thấy không một ai để ý đến mình thì yên dạ, len lén ra phía sau trường, vòng đến chỗ lớp mình, rồi nhanh nhẹn nhảy qua cửa sổ vào lớp. Không ngần ngại gì cả, chàng lập tức đến ngay bàn Sáu, một người bạn học mình, ngồi ở cuối bàn thứ ba. Chàng vội vàng lục chiếc cặp của Sáu, rồi tỏ vẻ thất vọng, xếp trả vào ngăn bàn, sau đó lại sang chỗ ngồi của Thái, ngồi ở đầu bàn nhì. Lần này, sau khi xem kỹ lưỡng hơn, và để ý cúi sát xuống mặt ghế, nhòm vào trong ngăn, Kỳ Phát hình như cũng vẫn chưa tìm thấy cái mình định tìm nên lắc đầu mà thở dài. Liếc nhìn ra sân, Kỳ Phát thấy bọn học trò vẫn vui chơi, và mấy thầy giáo vẫn ung dung chấp tay sau lưng đi đi lại lại, thì cũng yên bụng, lại đến chỗ ngồi của Sâm và lần này cũng lại cúi lục cặp như hai lần trước.

Và lần này nữa, chàng lại lắc đầu, xếp trả cặp sách vào mà đứng dậy. Song bỗng Kỳ Phát thoáng trông thấy cái gì ở trên mặt bàn, chàng sung sướng lộ ra nét mặt, lập tức cúi xuống xem xét rồi lại lấy trong đám sách ra một mảnh giấy thấm mà lau đi lau lại mặt bàn. Sau khi lật chiếc giấy thấm lên xem. Kỳ Phát thở mạnh vui vẻ reo lên rằng:

- Đúng rồi, không còn nghi ngờ gì nữa!

Nhưng cũng ngay lúc này, một tiếng reo khác tiếp liền, to hơn và già dặn hơn:

- Đúng rồi, không còn nghi ngờ gì nữa!

Thực là chẳng khác nào một tiếng vang vậy. Tiếng vang ấy lại nói thêm:

- Mày tưởng khôn hơn tao hử, con ơi!

Kỳ Phát sợ hãi nhìn lại, thấy thầy giáo Hy lúc này đương vui vẻ

chống tay vào bậc cửa sổ mà nhảy vào. Hăm hở, thầy tóm lấy gáy Phát, du một cái cho ngã xuống đất rồi xách một cánh tay ra đến cửa lớp, trông chẳng khác gì anh hàng thịt chó lôi xềnh xệch con vật khốn nạn rong đường. Rồi vẫy tay gọi bọn học trò chơi gần đấy, cùng những bạn đồng nghiệp của mình đến mà đồng dục chỉ Kỳ Phát mà nói với mọi người rằng:

- Này, lại mà xem, thằng ăn cắp bị tôi bắt quả tang... Nó cũng ranh lắm, lúc tôi vờ có việc qua nhà, thì nó chưa vào lớp ngay, hãy vờ chạy chơi ngoài sân một vòng đã. Nhưng tôi còn hơn nó nhiều, tôi vẫn nấp rình ở phía ngoài, đợi cho cu cậu lên ra phía sân sau, nhảy qua cửa sổ mà vào lớp, tôi mới lên trở vào rồi theo đến cạnh cửa, đứng đợi ở ngoài xem cu cậu làm những trò gì! Quả nhiên nó không ngờ gì hết, lục hết ngăn này đến ngăn khác, ý hấn để xem trong có để tiền, hoặc có sách thì ăn cắp...

Nhìn mọi người khắp lượt như để khoe khoang cái tài trình thám của mình, ông giáo Hy tiếp:

- Từ hôm tôi mất chiếc đồng hồ, tôi đoán chắc thế nào thấy ngon quen mùi, nó còn ăn cắp nhiều thứ khác, nên để ý rình, quả nhiên không sai, hôm nay bắt được quả tang, hấn nó không còn chối cãi vào đâu được nữa!

Rồi chấm hết cho cuộc diễn thuyết bất thường này, ông giáo Hy thuận tay, tát cho Kỳ Phát một cái rất mạnh, ngã chúi xuống đất.

Đến lúc học trò vào lớp thì sau khi nghĩ ngợi kỹ lưỡng, ông giáo Hy gọi Kỳ Phát lên trước mặt mà bảo rằng:

- Bây giờ ta hỏi mày một lần cuối cùng, mày ăn cắp chiếc đồng hồ, đem giấu đâu, hay bán đất, bán rẻ cho ai thì lập tức nói ngay,

như vậy thì ta mới có thể tha tội cho mày, nếu không thì mày sẽ chết đòn!

Kỳ Phát lặng im, nhìn ông giáo, không nói, vì chàng biết, dù mình nói ra bây giờ không đủ chứng cứ để gỡ tội cũng là vô ích mà thôi!

Kỳ Phát lặng im thế làm cho ông giáo Hy không chịu được nữa, hăm hờ đứng dậy, tiến đến trước mặt Kỳ Phát, cười nhạt mà nói rằng:

- À, được rồi, mày định gan với ta có phải không? Nhưng ta bảo cho mày biết, ta đã trừng trị được những đứa bướng bỉnh gan dạ gấp mười mày!

Lặng yên một lúc, ông thay giọng, điềm tĩnh hẳn lại, gật gù mà bảo một cách nhẹ nhàng rằng:

- Thôi cũng được, nhẹ không ưa, ưa nặng, vậy từ buổi sáng mai trở đi, mỗi khi vào lớp học, học trò ngồi yên đầu đấy, là lập tức anh lên nằm ở trên bục kia, để chịu mười roi đòn. Buổi học nào cũng thế, thử xem anh gan hay tôi gan?

Buổi tối hôm ấy, sau khi ăn cơm xong, Kỳ Phát một mình đến nhà Sâm. Sâm là con cụ chánh Bá, một người vào bực nhất, nhì trong phủ. Thấy Kỳ Phát thấp thoáng đằng xa, Sâm lúc ấy đương đứng chơi ngoài cổng, định lảng chạy vào trong nhà, nhưng Kỳ Phát đã lên tiếng gọi:

- Anh Sâm ơi! Tôi biết rõ chuyện rồi!

Sâm nghe thấy Kỳ Phát nói thế càng lộ vẻ luống cuống, đành đứng im mà đợi. Kỳ Phát đã đến nơi, thấy mặt Sâm xám ngắt, ngo

ngác nhìn mình thì bất giác thương hại, vỗ vai mà bảo rằng:

- Tôi hiểu rõ chuyện, tôi biết không phải anh định lấy cắp đồng hồ, chỉ vì tính tò mò mà bất đắc dĩ phải giữ lại như vậy. Và sau anh không dám trả nữa... Nhưng anh không nên để tôi phải đòn oan như vậy!

Sâm như hồi hận, rơm rớm nước mắt nói rằng:

- Tôi không ngờ anh lại hiểu rõ chuyện như vậy. Chỉ vì tôi rút rút quá thành ra để anh mang tiếng oan... Mấy hôm nay tôi khổ lắm...

Kỳ Phát hỏi:

- Nhưng bây giờ đồng hồ đâu rồi, vẫn còn hỏng phải không?

Sâm đưa Kỳ Phát vào trong nhà, lấy đồng hồ trao cho rồi lo lắng nói:

- Nhưng anh trả cách nào để cho thầy giáo khỏi biết!

Kỳ Phát mỉm cười:

- Sáng mai tôi chỉ việc kiếm cách bỏ vào túi áo ba-đờ-suy trả thầy, rồi khi thầy hỏi, không ai nhận thì thôi chứ gì?

Sâm đưa Kỳ Phát ra cửa, sực nhớ, hỏi rằng:

- À, nhưng vì ai nói mà anh biết được việc này.

Kỳ Phát lắc đầu:

- Không, có ai biết mà nói được! Để tôi cắt nghĩa cho anh nghe, chỉ nhờ có chỗ *8 giờ kém 5* mà tôi tìm được ra người đã lấy, nói trót cảm thì đúng hơn, chiếc đồng hồ của thầy giáo Hy.

Thấy Sâm ngạc nhiên không hiểu, Kỳ Phát tiếp:

- Anh nên để ý một điều là: thầy giáo Hy sáng hôm ấy đến trường lúc 7 giờ 15. Vì thầy cần lên Hà Nội nên lấy đồng hồ lại, để chậm 15

phút vì lẽ đồng hồ thầy chạy nhanh, như vậy thì lên đến Hà Nội, đồng hồ sẽ vừa đúng. Vậy mà lúc vào học, thầy lấy đồng hồ xem, thấy đồng hồ chết và kim chỉ 8 giờ kém 5. Anh hãy nghĩ mà coi, đồng hồ của thầy giáo tuy nhanh nhưng có phải trong khoảng non một giờ đồng hồ “từ 7 giờ đến 8 giờ” đồng hồ có thể chạy nhanh lên được tới trên 15 phút không? Thực là vô lý. Như vậy, ta có thể biết chắc rằng trước khi thầy giáo vào lớp học, áo ba-đờ-suy còn treo ở trên mắc, thì đã có người lên lấy đồng hồ ra, vặn lại rồi. Tôi đoán hẳn phải có một anh bạn nào tính tò mò, nhân vào sớm giờ thấy áo thầy giáo treo trên mắc, biết trong đó có đồng hồ nên tinh nghịch lên lấy ra mở, xem máy, vặn đi vặn lại và bởi vậy làm cho đồng hồ hỏng máy không chạy nữa!

Rồi đến giờ vào học, anh chàng ấy mới vội vàng bỏ đồng hồ vào túi trả thầy, tưởng rằng thầy sẽ không để ý đến, ngờ đâu, vừa vào lớp, thầy đã giở đồng hồ ra rồi. Và cũng bởi thế anh chàng kia sợ hãi, chờ cho đến giờ chơi, lại lên vào lớp, định lấy đồng hồ mở máy ra chữa. Song loay hoay chưa kịp lắp vào trả, vả lại đồng hồ cũng chưa chạy, anh chàng kia chợt thấy tôi ở ngoài vào (mãi về sau tôi mới nhớ lúc ra chơi tôi có bỏ lớp ra ngoài mất một lúc) không giấu đi đâu kịp, vội vàng bỏ đồng hồ vào túi và chạy ra khỏi lớp. Anh chàng này, không định lấy đồng hồ vậy mà thành ra ăn cắp bắt đắc dĩ...

Sâm chú ý nghe Kỳ Phát, tỏ vẻ kính phục mà nói rằng:

- Anh kể việc đã xảy ra đúng như hết chính mắt anh trông thấy vậy. Tôi đã hiểu từ chỗ *8 giờ kém 5* mà anh luận ra có kẻ nghịch đồng hồ trước khi vào học, nhưng tôi cũng chưa biết vì đâu mà anh biết tôi chính là thủ phạm?

Kỳ Phát gật đầu:

- Khi đã biết thế, tôi chỉ còn nhớ ra xem trong lớp thường có những bạn nào hay đến trường sớm và hay cất sách trước vào lớp để ra sân chơi. Tôi thấy có ba, bốn anh nhưng để ý tìm tòi, không thấy cặp ai có dấu gì khả nghi cả, (vì tôi đoán có lẽ anh chàng ăn cắp bất đắc dĩ ấy không dám mang đồng hồ ra khỏi lớp ngay). Khi tìm đến chỗ anh ngồi thì tình cờ tôi thấy trên mặt bàn có vết dầu máy, khi tôi lấy giấy thấm lên lau thì vết dầu lại càng rõ rệt. Như vậy thì chắc chắn anh đã tháo máy đồng hồ để lên bàn rồi còn gì nữa.

Sâm ngắt lời hỏi:

- Có phải chính lúc anh đương vào lục xét ấy, thì thầy giáo rình, nhảy vào, bắt gặp?

Kỳ Phát buồn rầu, gật đầu:

- Chính thế, thầy vào, bắt được tôi đương lục sách, như vậy thì tôi dù có muốn chối cãi cũng không được nữa. Vả lại, tôi đã biết anh bất đắc dĩ mà làm việc ấy, anh xưa nay vốn là một người học trò chăm chỉ và ngoan ngoãn, tôi vẫn mến, tôi tự nhiên không muốn nói rõ việc ra đời đến tới nay, lại anh, nói chuyện cho anh nghe và bàn cách xử trí.

Kỳ Phát thuật câu chuyện này, đến đây thì lặng thinh, không nói nữa. Tôi hỏi:

- Nhưng kết quả việc này ra sao?

Kỳ Phát đăm đăm cặp mắt như nhìn về khoảng xa xôi, lâu lâu mới nói:

- Kết quả thì buồn cho tôi lắm, anh ạ! Sáng hôm sau, dù tôi đã lén bỏ được chiếc đồng hồ vào túi thầy giáo Hy mà không một ai biết rồi, lúc thầy tìm thấy, thầy cũng sung sướng như một nhà trinh thám đã tra ra án mạng, giờ cao chiếc đồng hồ lên mà bảo học trò rằng:

- Đó, các anh xem, chiếc đồng hồ bây giờ đã lại tự nhiên bay vào túi tôi rồi.

Và giữa lúc bọn học trò đương ngỡ ngác, thầy vẫy tôi lên trước bàn, nghiêm sắc mặt mà bảo:

- Ta biết ngay mà, anh chắc không bao giờ gan được bằng ta. Nhưng sự thực, ta cũng không ngờ rằng mới có một trận đòn và ra lệnh mới ấy, mà sáng nay chiếc đồng hồ đã lòi ra rồi!

Nhìn tôi không chớp, thầy giáo Hy lại tiếp:

- Anh đã biết sợ, thì tôi cũng rộng lượng mà tha thứ cho anh, vậy anh hãy nằm xuống kia, tôi đánh cho anh mười roi nữa thôi, còn từ chiều thì tha cho hẳn!

Và thầy giáo Hy làm đúng theo như lời nói. Tôi lặng lẽ nằm xuống bục, chịu mười roi quăn đít, song trận đòn ấy, tôi sung sướng mà chịu, chứ không oán hận gì ai!



Hồi còn là học trò trường Kỹ nghệ thực hành Hải Phòng, Kỳ Phát đã tỏ ra cho bạn hữu biết tài trình thám của anh ta. Mà trong các việc anh ta khám phá được ra, việc sau này là một, Phát không phải tra xét khó khăn, anh chỉ lấy trí suy đoán rất sắc sảo và rất nhanh mà cắt nghĩa nhưng điều thoát nghe tưởng là lạ lùng lắm.

Chiều hôm ấy, một buổi chiều thứ bảy, học trò lưu trú “Bách nghệ” theo thường lệ được ra ngoài chơi. Phát bảo tôi rằng:

- Chốc nữa chúng ta ra xem ma ném ở nhà ông Sinh!

Ông Sinh là người giữ chức coi kho ở trường Kỹ nghệ, nhà ông chỉ cách trường chừng 20 thước.

Kỳ Phát, tôi, và sáu, bảy người bạn học nữa, vừa ở trường ra là kéo đến nhà ông Sinh ngay. Chúng tôi vừa bước vào khỏi cổng, qua một chiếc sân cỏ mọc đầy, thì đã nghe thấy tiếng ông Sinh nói to:

- Ấy, nó ném đấy!

Chúng tôi ủa chạy vào. Ông Sinh đang ngồi nói chuyện cùng ông Hòa, một giáo sư chuyên môn ở trường, cầm một viên đá to

bằng quả ổi lớn, trao cho chúng tôi mà bảo rằng:

- Các cậu tính thế có lạ không. Tôi và ông Hòa đương ngồi nói chuyện ngay lúc các cậu ở cổng bước vào, thì nó ném hòn đá này chạm vào trần nhà rơi xuống mặt bàn.

Tôi để ý viên đá thấy nó cũng chỉ là viên đá xanh thường, không có gì lạ cả. Tôi hỏi ông Sinh:

- Ông cho là ma ném?

Ông Hòa cười mà rằng:

- Ma nào, làm gì có ma cơ chứ!

Ông Sinh cũng gật đầu mà rằng:

- Tôi cũng ngờ là người, nhưng ai ném?

Tôi hỏi:

- Thưa, thế nó đã ném mấy hôm nay rồi?

- Đã đến bảy, tám hôm rồi, ngày nào nó cũng cứ chập tới cho đến khoảng 11 giờ đêm là nó ném, thỉnh thoảng lại một hòn, mà viên đá nào cũng cứ chạm vào trần nhà rồi lại rơi xuống đất.

Kỳ Phát chỉ sang gian bên cạnh, chỉ ngón bằng một bức phen liếp, cao chừng hai thước, nghĩa là còn cách trần nhà năm sáu mươi phân, mà hỏi ông Sinh rằng:

- Gian bên này ai ở mà nó có ném không?

Ông Sinh gật đầu:

- Gian bên ấy ông Thuần ở, nó cũng ném y như là ở bên này.

Kỳ Phát không hỏi gì nữa, chàng đi đi lại lại trong phòng ra dáng suy nghĩ rồi để ý nhìn quanh. Kỳ Phát lại bước ra ngoài sân đi vòng sang nhà ông Thuần ở. Mấy phút sau, chàng đã trở vào, kéo áo tôi

bảo chào mà về.

Ra tới ngoài, tôi sốt ruột hỏi Kỳ Phát:

- Anh nghĩ thế nào, ma ném, hay người ném?

- Làm gì có ma. Tất nhiên phải là người!

Tôi bẻ:

- Theo phép trình thám thì bất cứ một điều gì, mình kết luận thì cũng phải viện chứng cứ; vậy anh bảo là người ném, nhưng lấy lý gì mà nói thế?

Kỳ Phát cười:

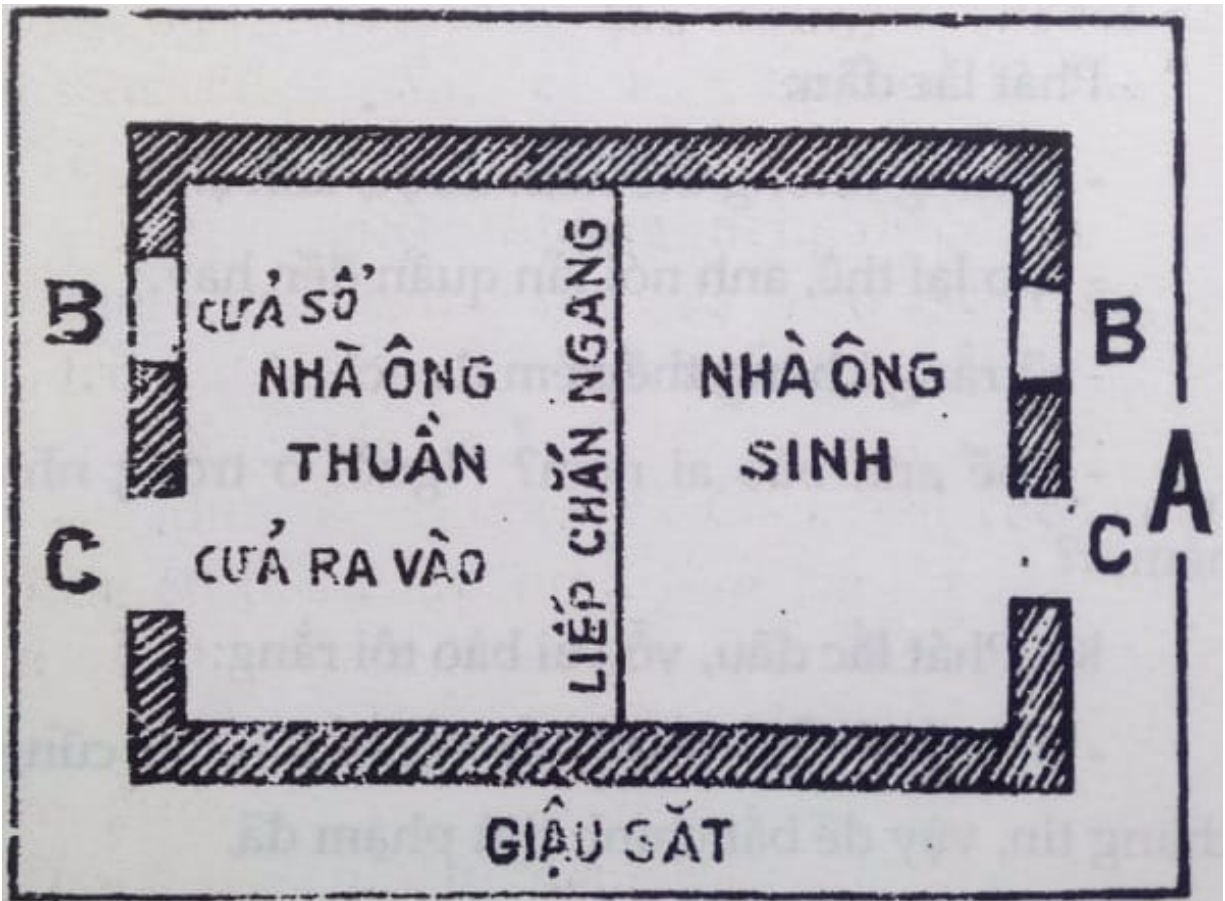
- Anh không nghe thấy ông Sinh nói hay sao? Cứ đến khoảng 11 giờ là nó không ném nữa. Tại sao lại 11 giờ? Nghĩa là 11 giờ, lúc nó phải đi ngủ, không thức mà ném mãi được. Anh có thấy ma phải ngủ bao giờ không?

Tôi gật gù cho lời Kỳ Phát nói là có lý.

- Vậy anh bảo ai ném?

Kỳ Phát không trả lời, giơ cho tôi xem một mảnh giấy con rồi bảo rằng:

- Anh trông đây nhé, A là cổng vào, chung quanh là giậu sắt. Nhà ông Sinh và nhà ông Thuần thì cửa ngõ đều giống nhau như hệt. C là cửa ra vào, còn B là chiếc cửa sổ song sắt, cách mặt đất chừng một thước rưỡi.



Tôi nói:

- Tôi chắc là không thể nào ở ngoài ném vào được, vì không có chỗ nắp.

Kỳ Phát lắc đầu:

- Anh nhầm, chung quanh nhà, có nhiều cây to, anh không để ý về bên tay phải có một cây đa cổ thụ và chiếc miếu con thờ thần linh ư?

Tôi gật đầu mà nói rằng:

- Ủ, có thể ném ở ngoài vào được nhỉ!

Phát lắc đầu:

- Nhưng không thể ném được, anh ạ!

- Sao lại thế, anh nói lẫn quẩn đến hay.
- Vì rằng không thể ném được.
- Thế anh bảo ai ném? Người ở trong nhà ném ư?

Kỳ Phát lắc đầu, vỗ vai bảo tôi rằng:

- Bây giờ dầu tôi có cắt nghĩa thì anh cũng chẳng tin, vậy để bắt chính thủ phạm đã.

- Bao giờ anh bắt?
- Tối mai!
- Anh định bắt cách nào?

Kỳ Phát cả cười:

- Thôi chúng ta về trường, bây giờ đã là ngày mai đâu?

Chiều hôm sau, Kỳ Phát và tôi lại ra ngoài đi chơi. Nhớ lời hẹn hôm trước, tôi hỏi Kỳ Phát:

- Thế nào, anh hẹn tối nay đi bắt ma kia mà?

Phát vén tay áo, nhìn đồng hồ, lúc đó mới ngót bảy giờ rồi cười mà bảo tôi rằng:

- Bây giờ còn sớm quá, chưa đến giờ “hoàng đạo” nhưng có một điều, nếu anh còn chơi với tôi thì phải nhớ kỹ: Kỳ Phát đã hứa cái gì thì bao giờ cũng làm.

Tôi cười mà bảo:

- Không, có phải tôi ngờ anh nói cuội đâu, nhưng tôi sốt ruột lắm!
- Thế để tôi nói một vài điều cho anh đỡ “nóng lọ” nhé! Tôi bảo người ở ngoài không thể ném được, anh có hiểu tại sao không?

Tôi lắc đầu, Kỳ Phát nói tiếp:

- Người ngoài không ném được vì theo lời ông Sinh nói: viên đá bao giờ cũng chạm vào trần nhà rồi mới rơi xuống...

- Thế nghĩa là?

- Nghĩa là, vì cửa sổ thấp, chỉ cách mặt đất chừng 80 phân tây thôi, như vậy, muốn ném qua cửa sổ cho viên đá chạm vào được trần nhà, thì ít ra cũng phải nấp ngay ở cạnh cửa thì mới ném được.

Tôi hoảng nhiên nghĩ ra:

- Mà nó không thể ẩn núp được, vì người ở trong nhà có thể biết ngay, vả lại tối qua, lúc chúng ta ở cổng đi vào, có viên đá ném vào nhà ông Sinh, nếu có người nấp, chúng ta đã trông thấy rồi.

Kỳ Phát gật đầu:

- Anh luận lý khá đầy, nhưng ý anh xét đoán thì thủ phạm là ai?

- Tôi chắc chỉ ông Thuần hay người nhà ông Thuần.

- Anh nói thế là vì lẽ gì, biết đâu lại chẳng chính bên nhà ông Sinh ném?

Tôi hoài nghi gật gù:

- Ừ nhỉ, mà biết đâu lại chẳng chính ông Sinh ném?

Nhưng Kỳ Phát đã kéo tay tôi mà bảo:

- Thôi muộn rồi, chúng ta về nhà ông Sinh rồi câu chuyện này, lát nữa sẽ bàn nốt.

Chúng tôi trở về nhà ông Sinh, Kỳ Phát bước vào, hỏi:

- Thưa ông, từ nãy đến giờ, ma nó đã ném hay chưa?

Ông Sinh chỉ năm, sáu viên đá để trên bàn mà bảo chúng tôi:

- Đó, các cậu xem, nó ném đến ngót chục viên rồi!

Kỳ Phát kéo tôi bước ra ngoài, nhưng còn ngoái cổ lại cười bảo ông Sinh:

- Nó ném mãi thì rồi cũng phải mỏi tay, tôi chắc nó thôi không còn ném nữa!

Kỳ Phát lại cùng tôi bước sang nhà ông Thuần. Lúc đó, ông Thuần đi vắng, chỉ có bà vợ và người con rể ở nhà thôi. Anh con rể niềm nở mời chúng tôi vào, bắt tay rồi mời chúng tôi uống nước. Kỳ Phát hỏi:

- Ở bên này cũng bị nó ném như nhà ông Sinh ư?

Anh con rể gật đầu mà rằng:

- Vâng, nó vẫn ném như thường. Ấy, đá nó ném, nhiều quá, tôi còn nhặt chất đồng bỏ kia!

Kỳ Phát quay ra xem đồng đá, rồi nhặt mấy viên lên tay nhìn. Chàng bỗng tiến đến thẳng trước mặt chàng kia, khoanh tay mà hỏi rằng:

- Nhưng bác thì có tin thực là có ma ném hay không?

Chàng kia mỉm cười, lắc đầu:

- Tôi không tin ma quỷ, chắc phải có người nào ném.

Phát gật đầu:

- Tôi cũng chắc có người ném, vì ném thì có khó gì, ví dụ như bác ở bên này, muốn ném sang bên kia thì chỉ việc ra nhìn ở lỗ hồng chỗ liếp, xem có ai rình mình không, rồi cứ ném thẳng lên, qua chỗ liếp, chạm sang trần nhà bên kia là rơi xuống.

Rồi Kỳ Phát bỗng giơ lên trước mặt anh chàng kia một viên đá

đỏ, nhìn thẳng vào mặt chàng mà bảo:

- Như cái viên đá này vừa mới ném xong, có nhiều phẩm đỏ, chắc tay cũng phải có dây phẩm đỏ...

Vừa nói, Kỳ Phát vừa nắm chặt lấy tay chàng kia, giờ lên mà nói dần từng tiếng:

- Thì tay nó đây, phẩm đỏ đây mà.

Tôi để ý nhìn, thì quả nhiên tay chàng kia có dây phẩm đỏ thực. Chàng kia chờ người ra, hết đường chối cãi. Kỳ Phát nắm chặt lấy vai hắn, lay mạnh mà gất gông:

- Hôm nay thì thôi đi nhé, anh hãy liệu hồn đấy, ông Sinh đã trình Sở Mật thám, anh mà bị bắt thì ngồi tù.

Thế là từ hôm đó, con ma thôi không ném nữa. Đêm hôm ấy dầu chuông ngủ đã đánh mà tôi vẫn nhất định chưa chịu đi ngủ, cần nhằn bảo Kỳ Phát rằng:

- Anh luận lý ra thế nào mà biết rằng con rể ông Thuận là thủ phạm vụ ma ném này?

Kỳ Phát đã kéo chần đến cổ, lim dim con mắt, thấy tôi hỏi thì cau có gắt:

- Anh có yên cho tôi ngủ không? Hỏi gì hãy để đến ngày mai!

Tôi nhất định vẫn chưa chịu:

- Anh mà không nói thì tôi nhất định không để anh ngủ yên, anh muốn trốn đằng nào cũng không thoát.

- Anh thực là ác, trời đánh còn tránh bữa... ngủ mà anh thì

không, về sau thì đừng oán trách gì trời.

Rồi chàng kéo chăn lên tận mũi mà hỏi tôi rằng:

- Nào, ông bố trẻ, ông muốn hỏi lục vấn con gì thì ông hỏi đi?
- Tôi muốn biết tại sao anh lại đoán hắn là thủ phạm?
- Anh hiểu rõ rằng chỉ có người trong nhà mới ném được thoi chứ?

- Đã, nhưng ai ném?

- Ở trong nhà thì chỉ, hoặc ông Sinh ném sang nhà ông Thuần, hay là ông Thuần ném sang nhà ông Sinh mà thôi. Ông Sinh thì không thể ném được, nghĩa là chỉ có ông Thuần mà thôi!

Tôi vẫn chưa hiểu:

- Tại sao ông Sinh không ném được?

Phát tung chăn ngồi dậy:

- Sao anh ngốc thế, chiều thứ bảy, khi chúng ta vào, thì ông Hòa đương nói chuyện với ông Sinh, anh liệu ông Sinh lúc ấy có tài thánh cũng không thể ném sang nhà ông Thuần mà ông Hòa không trông thấy.

Tôi ngẫm nghĩ gật đầu, giây lâu mới hỏi Kỳ Phát:

- Nhưng người con rể ông Thuần làm giả ra ma mà ném như vậy có được ích lợi gì không?

- Sao lại không, nhưng điều này thì tôi không được biết rõ. Một là bên ông Thuần muốn ở một mình cả hai gian, vì nhà ấy, trường cho ở nhờ không mất tiền thuê, hai là trước kia vợ ông Thuần có bảo ông Sinh chung tiền sửa sang chiếc miếu ở sau nhà mà ông Sinh không thuận, anh chàng rể thấy vậy muốn làm đẹp lòng bà nhạc,

nên bày ra kế ấy. Thôi nhé, anh tra khảo tôi xong rồi, vậy để cho tôi đi ngủ.

Kỳ Phát nói xong, thò tay kéo chăn lên khỏi đầu. Tôi vội hỏi một câu:

- Kỳ Phát, nhưng anh làm thế nào mà lại bỏ được viên đá đó vào đồng đá ở nhà ông Thuận?

Kỳ Phát cười khúc khích trong chăn:

- Tôi đã bảo anh là ngốc mà, việc gì tôi phải bỏ viên đá sang nhà ông Thuận?

- Thế sao tay hắn có phẩm đồ rõ ràng?

- Có gì là lạ cái ấy, tay tôi có phẩm, bắt tay hắn thì phẩm dây sang tay hắn, nguyên có tật giật mình, khi bị tôi kể rõ ràng cách hành động của hắn, thì hắn hoảng hốt mà không kịp suy nghĩ kỹ, chứ thực ra tôi có chứng cứ gì đâu?

Tôi lại hỏi Kỳ Phát:

- Này Phát, những cái anh đoán, lúc giảng ra thì sao dễ dàng thế, mà tôi thì không đoán ra được ngay từ trước?

Kỳ Phát bị tôi ám mãi, kéo chăn lên quá đầu rồi lẩm bẩm:

- Tại anh là thằng ngốc, hiểu chưa?

Tôi mỉm cười không giận, vì tự hiểu:

- Nếu tôi cũng hiểu biết như Kỳ Phát thì tôi đã chẳng là tôi.

Nhưng kể ra không có tài như Kỳ Phát cũng ứ. Mặc dầu, trong những cuộc tình duyên thì chưa chắc chàng đã vượt khác người thường; sau này, ra ngoài, mà cô ả Quý ở phố Tám Gian làm cho anh chàng trinh thám trẻ tuổi của tôi say mê, say mết. Tôi đã bảo

vào mặt Kỳ Phát:

- Tôi sẽ có dịp công bố cuộc tình duyên lạ lùng bí mật của anh chàng tóc điểm hoa râm cùng cô nước da ngăm ngăm đen nhưng cái miệng thì tươi, mà cặp mắt thì mơ màng, đẹp tuyệt.

Kỳ Phát đã giữ lời hứa, tôi chẳng lẽ lại chẳng biết giữ lời hứa hay sao?

PHẠM CAO CÙNG

**NGƯỜI ĐÀN BA
QUÀNG KHẮN VUÔNG**

MỘT BỨC THƯ LẠ

Tôi đương mê mải viết bài, vì nhà in giục, thì Kỳ Phát ung dung nằm dài trên chiếc ghế bố, hút thuốc lá. Hắn lặng lẽ nhìn theo khói thuốc, không nói một lời; đó là cái lệ thường mà chúng tôi, chẳng cứ ai đến nhà ai, hễ thấy bạn đương vội làm việc gì thì mình cứ điềm nhiên kéo ghế ngồi, lấy thuốc hút, giờ sách xem, coi như không có bạn ở đó nữa... và nếu ngồi đã chán mà bạn còn bận thì mình có thể đứng dậy ra về, không cần chào hỏi một nhời.

Kỳ Phát ngồi như vậy đã hơn nửa giờ rồi, mà tôi cũng đã viết được ba trang giấy. Bỗng có tiếng gõ cửa, tôi ngẩng đầu lên thì Kỳ Phát đã đứng dậy, ra mở cửa, và một lát sau, trở vào với một tập thư. Tôi vẫn cúi viết, bảo Phát:

- Anh liệu bóc giúp hộ xem, nếu không có thư nào cần thì cứ bỏ vào ngăn kéo giúp, tôi đương làm vội một chút!

Phát gạt đầu, để điều thuốc lá xuống cạnh bàn, rồi soạn thư. Xem sơ mấy chỗ đề ở ngoài phong bì rồi chẳng muốn để tôi phải sốt ruột, Phát bảo:

- Cửa anh hôm nay, ít lắm, chỉ có năm cái thư thôi, một cái thư của bọn em nhỏ ở Nam Định, hai cái của độc giả Nam Kỳ, còn một cái báo hỉ. Tôi hôm nay lại ít hơn nữa, chỉ có một cái thư, mà lại thư lạ, ngoài không có đề tên người gửi.

Nghe Kỳ Phát nói, chẳng biết có phải linh tính báo cho tôi biết

trước không, mà sao tôi đoán ngay rằng bức thư ấy tất nhiên thế nào cũng đưa lại cho Kỳ Phát một việc ly kỳ bí mật gì. Tôi đoán như vậy, có lẽ một phần chỉ vì thường nhật, Kỳ Phát vẫn để địa chỉ ở tôi, thư từ thường nói chuyện suông, tôi nhận thấy rất hiếm, chỉ có những thư đến hỏi han về mọi việc, hoặc đôi khi thì mời đến điều tra khám phá một vụ gì. Nhiều việc, Kỳ Phát cho là nhỏ mọn, chỉ ngồi bàn với tôi, giống hệt như người ngồi đánh cờ tướng, sau khi luận lý ra rồi thì Kỳ Phát bảo tôi viết thư dặn bảo cách thức người nhờ việc cứ theo đó mà làm, tự nhiên manh mối sẽ ra.

Mấy hôm trước đây, người phát thư đưa đến, ngoài thư của tôi ra, Kỳ Phát chỉ nhận được báo chí, hoặc sách gửi mua được ở Pháp, Hồng Kông. Bởi vậy, đột nhiên hôm nay, Kỳ Phát nhận được thư, chiếc thư lạ, không đề người gửi thì tôi ngờ ngay thư đó sẽ đưa lại một vụ án ly kỳ...

Viết vội cho hết trang, tôi giao cho người nhà in đứng chờ lấy rồi vui vẻ đứng dậy, rót nước và bảo Kỳ Phát rằng:

- Viết thế là đủ một khuôn in rồi, bây giờ hãy lại chơi cho đến chiều đã!

Kỳ Phát lúc này đang cầm chiếc phong bì trên tay mà ngắm nghía. Đó là một chiếc phong bì kiểu rất dài, hẹp bề ngang, màu vàng nhạt, có vân mờ, thứ giấy sang... Tôi mỉm cười mà bảo Kỳ Phát:

- Thôi, lại thư của một cô nào cảm tài tình thám của anh gửi thư đến xin ảnh chứ gì? Thử ngửi xem có mùi nước hoa thơm phức không nào?

Kỳ Phát cũng cười, lắc đầu:

- Anh thỉnh thoảng còn được cái hân hạnh ấy, chứ tôi thì mong gì...

Mặc dầu, Kỳ Phát cũng theo lời tôi mà cầm chiếc phong bì lên trước mũi. Gật gù như suy nghĩ, Kỳ Phát chăm chú nhìn lại chữ viết đề trên phong bì rồi lẩm bẩm:

- Lạ thực! Lạ thực!

Tôi lặng yên, không nói gì, đợi xem Kỳ Phát đọc thư. Thì quả nhiên, mới đọc qua một lượt, Kỳ Phát đã để thư xuống bàn, đứng dậy, mà bảo tôi rằng:

- Lạ thực! Cứ trông lối chữ viết trên phong bì thì rõ chữ đàn bà mà sao chữ viết trong thư giống hệt đàn ông...

Tôi nói:

- Có gì là lạ, nghĩa là ngoài phong bì một người đề, mà lòng thư một người viết!

Kỳ Phát lắc đầu:

- Như anh nghĩ thì không có gì lạ thực, song tôi ngạc nhiên vì thấy trong thư, chữ tuy cứng cõi đàn ông mà nhận kỹ thì vẫn là chữ đàn bà, cùng một lối với chữ viết ngoài phong bì. Nghĩa là phải một người có con mắt nhận xét rất tỉ mỉ mới biết được thế chứ người thường tôi cam đoan ít ai thấy được.

Ngừng lại một lát, Kỳ Phát lại tiếp:

- Mà lạ hơn nữa là cứ như điều nói trong thư, không có gì phải cần để tâm thay đổi chữ đi như vậy...

Tôi hỏi:

- Trong thư người ta viết những gì?

Kỳ Phát cầm lá thư đưa cho tôi mà nói rằng:

- Anh xem đi, vắn tắt lắm, chỉ có mấy dòng thôi!

Tôi cầm lấy lá thư, đọc thấy trong viết:

“Ông Kỳ Phát Hà Nội

Tôi rất lấy làm hân hạnh nghe danh ông từ lâu, nhưng nay mới có dịp gặp mặt. Vậy đúng 6 giờ sáng mai, xin ông vui lòng lên tìm tôi ở ga Lao Cai. Tôi sẽ đợi ông ở đó, muốn cho nhận nhau được dễ dàng, tôi sẽ quàng chiếc khăn màu xanh biển, có gạch vuông, còn ông thì xin gói hai quyển tự vị Larousse vào trong một tờ giấy báo, ngoài buộc chỉ dây gai đỏ và cam ở tay.

Tại sao lại có những lời dặn tỉ mỉ và lạ lùng này, khi gặp gỡ, tôi sẽ nói để ông rõ và nói luôn câu chuyện tại sao chúng ta lại cần gặp nhau. Xin ông theo đúng lời dặn cho.

Tái bút: Xin ông để ý cẩn thận, vì một lẽ chưa thể nói ra ngay đây được, chúng ta phải đề phòng. Mong ông nhớ cho một điều: nếu thấy tôi rồi mà tôi chưa nói gì với ông hết thì ông cũng thản nhiên, chớ có ra vẻ biết tôi, vì quanh chúng ta, còn có nhiều kẻ rình mò...

Ký tên (không rõ)”

Tôi đọc đi, đọc lại bức thư lạ này tới ba lần, rồi sau khi xem kỹ nét viết đề ngoài phong bì, bảo Kỳ Phát rằng:

- Ủ, lạ thực, chữ viết ngoài thì mềm đẹp, rõ là con gái, mà ở trong thì cứng cáp, mạnh mẽ rõ chữ đàn ông, trừ anh ra tôi chắc không có ai nhận thấy hai thứ chữ cùng là của một người.

Kỳ Phát gật đầu:

- Nếu cứ theo phương pháp đoán tính nét bằng chữ viết thì tôi có

thể nói rằng người đàn bà này có hai tính nết khác hẳn nhau, hầu như chia ra làm hai người: một thì rất đa cảm, yêu văn chương, mỹ thuật, si tình đến chết... còn một thì cương quyết, quả cảm, thực là linh hồn sắt đá của một viên lão tướng vậy...

Tôi ngắt lời Kỳ Phát hỏi:

- Bây giờ anh định thế nào?

Kỳ Phát gấp cẩn thận bức thư lạ rồi gài vào trong ví, ung dung bảo tôi rằng:

- Thì còn định gì nữa, chúng ta cứ theo đúng lời dặn trong thư mà lên Lao Cai.

Tôi hỏi:

- Anh nói chúng ta hình như muốn bảo tôi cùng đi nữa phải không?

Kỳ Phát ngạc nhiên nhìn tôi, rồi nói:

- Sao hôm nay anh lạ lùng thế, mọi khi, hễ có một việc bí hiểm gì là thế nào anh cũng đi với tôi, sao hôm nay lại dờ chừng như vậy?

Tôi lắc đầu mỉm cười:

- Không, lần này, tôi không muốn đi chỉ vì hai lẽ: bài tuần này tôi đã lười để trễ quá mất rồi, thế nào cũng phải làm xong rồi muốn đi đâu mới đi được. Lẽ thứ hai là trong thư tuy không nói ra, song chúng ta có thể hiểu được việc này rất quan trọng, phải cẩn thận đề phòng, như vậy chúng ta đi hai người, nghĩa là sai với lời dặn trong thư, biết đâu chẳng có thể xảy ra việc gì đáng tiếc được!

Kỳ Phát gật đầu:

- Anh nói có lý. Song tôi hơi phàn nàn rằng một việc đáng để ý

như việc này mà anh không đi được thì thực tiếc quá!

Tôi cười, vỗ vai Kỳ Phát bảo:

- Thì tôi lại đành ở nhà đợi anh về kể lại nghe vậy. May mà anh có tài kể chuyện lắm, nói như việc đương xảy ra trước mắt làm cho người nghe kể cũng đủ thú lắm rồi.

Ngừng lại một lát, tôi lại tiếp:

- Mà cũng chưa chắc, biết đâu lại chẳng là một cách đùa giỡn của ông bạn nào tinh nghịch bày kế ra thế để cho nhà trinh thám ưa hoạt động của chúng ta trời rét như thế này phải mò lên Lao Cai buổi sớm, lúc trở về, kết quả chẳng gặp gỡ được gì chỉ mang theo trận ốm cảm hàn.

Kỳ Phát lườm tôi, như giận dữ, như khinh bỉ, rồi bảo:

- Anh thì biết cái cóc khô gì!

Hai tiếng “cóc khô” này, chúng ta thường được nghe Kỳ Phát nói đến trong lúc rất vui, cũng như trong lúc tức giận, hai tiếng viết ra thì không có nghĩa lý gì cả, song nghe miệng chàng nói thì bao hàm được nhiều ý lắm.

Kỳ Phát ngồi xuống ghế, đánh diêm châm điếu thuốc rồi nói tiếp:

- Không cần phải có một điều gì bí mật nào nữa, cứ nguyên hai lồi chữ trong thư ấy là đủ cho tôi náo nức đi tìm kiếm rồi, nhất là không hiểu sao từ lúc nhận được thư này, tôi thấy trong người xôn xao nóng ruột lắm.

CHIẾC KHĂN VUÔNG VÀ GÓI GIẤY NHẬT TRÌNH

Kỳ Phát ra chờ ở ga Lao Cai từ sớm lắm.

Tay cấp gói nhật trình vuông vắn, trong để hai quyển tự vị và ngoài buộc dây gai đỏ theo đúng như lời trong thư dặn, Kỳ Phát lững thững đi lại, chốc chốc vén tay áo xem đồng hồ, chàng giận tại sao mình hôm nay lại ra đi sớm quá như vậy, nhưng nghĩ kỹ thì dù có ở thêm trong nhà trọ ít lâu nữa, chàng cũng không ngủ được. Suốt đêm Kỳ Phát thấy lòng mình xôn xao, mà lúc nào cũng chỉ sợ rằng mình ngủ quên khuấy quá giờ hẹn.

Bởi vậy, mới 4 giờ sáng, Kỳ Phát đã dậy mặc quần áo xong, ngồi chờ uống cốc cà phê sữa, rồi lập tức ra ga.

Trong đêm rét lạnh, cảnh ga tỉnh nhỏ lại càng thêm vắng tẻ.

Ánh sáng từ những ngọn đèn điện trước cửa ga không đủ xuyên tan những làn sương mù dày đặc.

Đi đi lại lại, Kỳ Phát theo tính quen đã để ý nhìn kỹ khắp chung quanh xem có gì khả nghi không, nhưng chẳng nhận thấy chi khác nên mỗi chân, đành ngồi xuống chiếc ghế dài nhỏ, đóng liền sát tường mà nghĩ.

5 giờ! Rồi 5 giờ 15. Cảnh trong ga dần dần sôi động, nhiều người đàn bà đứng trong những bồ hàng của mình, xúm lại ăn trà và bàn

chuyện lái sát. Kỳ Phát lúc này đã đứng dậy, tay cầm bọc sách, đi đi lại lại trước cửa ga, vì sợ ngồi một chỗ thì người hẹn mình không nhận thấy.

Trong bọn hành khách “nữ lưu” ấy không thấy ai là người hẹn, nhưng trái lại, chàng thấy có nhiều bọn người đàn ông hoặc đứng từng bọn bốn người, hoặc đi riêng lẻ tẻ ăn mặc đủ các lối sang có, thường có. Nhìn qua họ, Kỳ Phát đã nhận ngay ra đó là những “người nhà nước” đi làm phận sự mặc thường phục. Mặc dầu thấy họ để ý và chăm chú nhìn mình, Kỳ Phát cũng không lấy làm lạ vì ở một tỉnh biên giới, viên chức Sở mật thám và nhà đoan để ý đến những người khách qua lại là sự rất thường.

5 giờ rưỡi. Những hành khách đã đứng đợi rất đông ở ga, họ không nói chuyện với nhau nhiều, chỉ nhằm nhằm đợi hễ cửa phát vé mở là ứa lại, vì hôm nay là ngày mấy phiên chợ lớn, nên rất đông người đi, gấp ba, bốn ngày thường, lấy được vé là một sự rất khó khăn.

Kỳ Phát thấy đã gần đến giờ tàu chạy mà sao chưa thấy người hẹn đến, nhất là từ lúc cửa buồng phát vé mở thì chàng lại càng nóng ruột lắm. Chàng vừa định len vào lấy vé thì bỗng ở ngoài cửa ga một chiếc xe buồng kín mui đỗ, rồi trên xe một người đàn bà vội vã chạy vào. Người ấy quả nhiên cũng quàng một chiếc khăn vuông màu xanh bẻ có dệt gạch vuông... đúng như lời dặn trong lá thư bí mật.

Kỳ Phát trong phút đầu có hồi hộp, nhưng chàng trấn tĩnh lại ngay được, điềm nhiên vào lấy vé rồi ra cửa ga. Ba phút sau, người đàn bà cũng lấy được vé bước ra, ngơ ngác nhìn quanh như có ý tìm tòi.

Nhưng khi người ấy thấy Kỳ Phát thì lộ vẻ vui mừng, song không nói năng gì, yên lặng tiến đến trước mặt chàng. Kỳ Phát đợi cho người đàn bà lại, tưởng người ấy sẽ hỏi chuyện mình mà nói rõ tại sao lại có cuộc gặp gỡ kỳ lạ này, nhưng không, người ấy đi qua mặt Kỳ Phát thôi, chứ không hề nói năng gì cả.

Kỳ Phát nghĩ bụng: “Ta thực ngu ngốc, trong thư người ta có dặn cần phải để ý, như vậy thì lẽ nào mới gặp nhau, người ta đã vội vàng chạy đến nhận ngay?”

Nhưng Kỳ Phát cũng để ý xem người kia làm gì, thấy người lạ lòng ấy đi hết đầu đường kia thì quay lại, cũng qua sát cạnh mình và cũng vẫn không nói năng gì cả. Trong khi hai người đến sát cạnh nhau, Kỳ Phát nhận thấy hai tia mắt người ấy nhìn thẳng vào mình, nhìn một cách sâu xa, bí mật, mà Kỳ Phát không hiểu sao, tự nhiên chàng thấy trong người nao nao khó chịu vô cùng...

Sự thực người ấy cũng không có gì đặc biệt khác thường cả. Tuổi chừng non bốn mươi, ăn vận một cách sang trọng nhưng nhã nhặn, người đàn bà ấy có một dáng điệu quý phái, và mặc dầu tuổi đã quá chiều xuân, nhưng nhan sắc cũng không đến nỗi tàn úa quá, tỏ rõ trong lúc đương thời, phải có một sắc đẹp lộng lẫy vô cùng.

Miệng người đàn bà ấy lúc nào cũng như mỉm cười, tươi tắn, song đối với một con mắt nhận xét tỉ mỉ như Kỳ Phát thì chàng biết trong đời người đó, tất phải gặp nhiều lần đau khổ, cái đau khổ ngấm ngầm không thể nói cho ai biết được. Có một điều mà Kỳ Phát nghĩ mãi không ra là chàng thấy người đàn bà đó như quen quen vậy mà không nhớ ra ai, cũng không biết đã gặp lần nào và ở đâu.

Lúc này, người đàn bà đã bước lên xe hỏa. Thoáng trông dáng

điều người ấy bước lên toa, rất nhanh nhẹn, không cần nắm vào tay vịn nữa, thì Kỳ Phát chợt nhớ đến hai lổ chữ viết trong thư. Chàng gật gù ngẫm nghĩ: “Thôi đúng rồi, trong đám phụ nữ nước ta hiện giờ, những người vào trạc bốn mươi, thường đã lên mặt cụ, đâu có được hoạt bát, nhanh nhẹn như vậy. Lúc cần vội lên xe thì như thế, mà lúc đi đi lại lại trước ga thì vẫn có dáng điệu mềm yếu và cao sang của con gái nhà quyền quý, người đàn bà này thực có hai bản chất khác nhau rõ rệt - cũng như hai luồng chữ kia, một thì lãng mạn yếu mềm, một thì quả cảm và hoạt bát...”

Kỳ Phát để ý thấy khi người đàn bà vừa bước lên toa thì tiếp liền đó, hai người đàn ông một người vận tây, một người vận ta cũng lên theo luôn. Kỳ Phát biết hai người này chính là trong bọn người trước đây đã chú ý hết sức đến mình.

Nhưng không quan tâm, Kỳ Phát ung dung đi lại trên hè ga mấy phút nữa. Chàng biết tàu sắp chạy, nhưng nghĩ bụng mình hàng hóa chẳng có gì, có mỗi bọc sách cầm tay thì dù còi tàu huýt, mình nhảy lên cũng thừa kịp. Với lại, tính Kỳ Phát vốn cẩn thận, chàng muốn xem xét mọi nơi thực kỹ lưỡng xem có gì lạ, đáng để ý đề phòng không đã chứ không vội vàng hấp tấp bao giờ.

Trên sân ga lúc này chỉ còn mấy nhân viên Sở Hỏa xa, Kỳ Phát và hai người đàn ông ăn vận lối lao động đương đứng nói chuyện với nhau. Họ nói huyên thuyên, chỉ trở, hình như không để ý gì đến ai cả, song giấu làm sao nổi mắt Kỳ Phát, chàng biết hai người đó tuy miệng nói, song không bao giờ quên nhìn theo chàng luôn luôn như coi sóc.

Tự nhiên thấy khó chịu, Kỳ Phát không muốn ở dưới nữa, lảng

lặng bước lên tàu. Cũng ngay lúc ấy, hai người lao động kia lập tức theo lên. Nhưng họ không ngồi một chỗ, chia nhau ra, đứng mỗi người ở một đầu toa.

Kỳ Phát khó chịu lắm, vì không hiểu hai người kia định làm gì, mà lại cứ có vẻ canh giữ mình như hai người lính giải một phạm nhân vậy.

THẰNG BÉ ÁO VÀNG

Liếc nhìn, Kỳ Phát đã thấy người đàn bà đội khăn vuông xanh ngồi gọn vào trong một góc toa, phía cuối. Mà ở ngay ghế trước mặt thì có hai người đàn ông vận âu phục lúc nãy ngồi.

Kỳ Phát nghĩ bụng, không ngờ cuộc gặp này lại quan hệ như vậy vì chàng thấy cuộc canh phòng, rình mò chung quanh rất là ráo riết. Nhưng chàng vẫn ngờ rằng đó chỉ là một sự tình cờ thôi, nên thử lén qua nhiều bờ hàng, bước sang bên cạnh.

Lần này thì không còn nhầm lẫn gì được nữa, vì chàng vừa lên ngồi được xuống ghế ngay giữa toa thì hai người ăn vận lao động lúc nãy cũng đã theo sang, và giống như lần trước, lại chia nhau đứng ra đầu toa như có ý sợ Phát trốn chạy.

Nếu không có lời dặn trong thư từ trước, và đương muốn êm chuyện cho xong việc mình thì gặp trường hợp này, Kỳ Phát đã chẳng ngại ngần gì mà không hỏi thẳng hai người kia có sao lại cố tình theo dõi mình như vậy. Cố nén cơn tức, Kỳ Phát lầm bầm:

- Được rồi, muốn theo ta cho theo mệt!

Rồi chàng lại quả quyết đứng dậy, bước về toa trước, và lần này lại kiếm chỗ ngồi ngay đối diện với người đàn bà kia. Tuy vậy, cả hai vẫn không hề tỏ ý quen biết nhau, Kỳ Phát thì luôn luôn nhìn quanh, e ngại những việc có thể xảy ra bất ngờ, trái lại, người đàn bà kia thì lim dim cặp mắt như người mỗi mệt buồn ngủ vậy.

Kỳ Phát ngồi trước mặt người đàn bà kia, nghĩa là ngồi gần sát cạnh hai người vận âu phục. Để ý, chàng thấy hai người này, thấy mình đến ngồi cạnh bên, thì như hết sức ngạc nhiên lộ vẻ sợ sệt, cùng liếc nhìn nhau ra hiệu. Kỳ Phát nghĩ bụng cười thầm: “Mình không ngờ lại nguy hiểm đến thế!”

Tàu lúc này đã bắt đầu chuyển máy, bốn người kia tuy làm như không quen biết, song cũng đồng lòng để ý hết sức đến Kỳ Phát và người đàn bà, nhất là những khi có hàng quà bánh nào mang thúng đi ngang qua trước mặt.

Không khí rình mò, canh gác này vẫn còn mãi dù tàu đã qua phố Mới, đến Yên Bái vào hồi 11 giờ rưỡi. Tàu vừa ngừng bánh thì bốn hai người âu phục và hai người lao động liếc mắt nhìn nhau, rồi như hiểu ý, mỗi bốn chia ra một người ở lại trên tàu, còn một người xuống ga. Kỳ Phát sẽ liếc mắt nhìn qua cửa sổ thấy hai người này, nhìn quanh ra ý tìm tòi, rồi cuối cùng đứng sát lại gần nhau như bàn bạc chuyện gì. Hợp thêm vào hai người này, Kỳ Phát còn thấy một người nữa, râu quai nón, mặc nam phục, lúc trước đứng ở ngay chỗ thu vé cửa ga Yên Bái.

Ba người đứng nói chuyện với nhau một lát rồi người mặc lối lao động rẽ vào buồng đánh điện tín của Ga, có lẽ muốn gửi dây thép đi đâu, báo một tin gì...

Rồi tàu chạy. Bánh xe bắt đầu từ từ chuyển, mãi đến lúc này, người vận âu phục và người lao động mới cùng nhau chạy theo và nhanh nhẹn nhảy lên tàu.

Cũng như mấy giờ trước, hai người lại trở về chỗ cũ, rồi cũng lặng lẽ mà canh giữ Kỳ Phát, trong khi người đàn bà kia vẫn thản

nhiên mua trâu ăn, không lộ vẻ gì khó chịu cả.

Nhưng Kỳ Phát thì cáu kỉnh lắm rồi, chàng đang tìm cách hỏi thẳng ngay bọn người kia xem họ nghi ngờ gì mà có cái thái độ canh gác ấy. Chàng vừa toan đứng dậy thì chừng như đoán rõ ý định, người đàn bà kia lừ mắt cản chàng lại, rồi nhìn chàng tỏ ý van nài đừng có cương cường, nóng nảy mà hỏng việc.

Nhìn cặp mắt đầy lo lắng và sợ hãi ấy, Kỳ Phát tự nhiên thấy lòng cảm động, không nỡ xử sự thẳng tay, đành đợi xem sự việc xảy ra thế nào.

Người đàn bà lúc này không lạng lẽ, lơ vờ như trước nữa. Liếc mắt chung quanh như tìm tòi và tính toán mưu kế, người đàn bà hết trông Kỳ Phát, lại nhìn đến bọn bốn người lạ lùng kia, sau để ý hết tất cả hành khách ngồi trong toa, cuối cùng thì đổi chỗ mà đến ngồi cạnh một thằng bé mặc áo vàng, kiểu áo lính cũ, thả ra.

Người đàn bà nói chuyện với thằng bé lâu lắm và rất nhỏ, thỉnh thoảng lại sẽ chỉ hoặc Kỳ Phát, hoặc bọn bốn người kia, Kỳ Phát thấy thế, không lấy làm ngạc nhiên, nghĩ bụng: “Có lẽ người đàn bà này biết mình sốt ruột nên đã mưu tính được việc gì cho bọn kia vào ‘xiếc’ đây!”

Trái lại bọn bốn người canh gác thấy thái độ người đàn bà thay đổi thì lộ vẻ sợ sệt, lo lắng lắm. Họ hết nhìn nhau như muốn bàn thàm ý kiến, rồi cuối cùng hai người lao động cùng đồng ý cởi bỏ áo ngoài, vắt lên trên đóng đồ để ở giữa lối đi. Tuy không hiểu chuyện gì, Kỳ Phát cũng biết rằng sắp xảy ra sự gì kịch liệt, bởi vậy, mấy người kia mới tỏ ý đề phòng cẩn thận như thế. Mặc dầu, chàng cũng rất lấy làm khoái chí vì thấy người đàn bà chưa hành động gì, mà

bọn kia đã sợ sệt lo lắng ra mặt rồi.

Bỗng người đàn bà vỗ mạnh vai thằng bé con mặc áo vàng mà nói to:

- Em cứ làm thế là được!

Rồi hạ thấp hẳn giọng xuống, người đàn bà nói rất nhỏ cái gì với thằng bé như dặn dò kỹ lại một lượt, cuối cùng thì đưa nhanh cho nó mấy tờ giấy gấp nhỏ mà Kỳ Phát đoán chắc là giấy bạc.

Đến đây hai người lại ngồi xa nhau ra, như không hề quen biết gì nhau nữa. Chừng mười phút qua, bỗng thằng bé bỏ chỗ ngồi, len sang cạnh Kỳ Phát, nho nhỏ nói rằng:

- Bà kia, bảo biết ông...

Chẳng muốn cho thằng bé nói dài dòng, Kỳ Phát ngắt lời:

- Biết rồi, làm sao?

Thằng bé nhìn trước nhìn sau, rồi ngập ngừng thưa:

- Bà bảo con làm gì thì ông làm theo!

Không hề ngạc nhiên, Kỳ Phát gật:

- Lẽ tất nhiên, nhưng làm gì bây giờ?

Thấy Kỳ Phát ngoan ngoãn như vậy, thằng bé như ngẩn người, nhưng sau cùng nó cũng bảo:

- Vậy bây giờ, con đi rất nhanh về phía toa dưới kia, lập tức ông cũng đi theo luôn, và cần phải làm như có ý đuổi con vậy...

Kỳ Phát gật đầu:

- Hiểu rồi, nhưng sau đó thì làm gì?

Thằng bé con thấy Kỳ Phát hỏi dồn thì nó luống cuống, sau mới nói rằng:

- Con cũng chẳng hiểu ra làm sao nữa, nhưng bà ấy dặn...

Kỳ Phát sốt ruột, giục:

- Được rồi, bà ấy bảo thì mày cứ nói! Tao đuổi mày đến cuối toa thì sao nữa?

Thằng bé liếc nhìn bọn mấy người kia rồi hạ giọng, nói tiếp:

- Ông đuổi theo con, hễ thấy bọn người kia cùng theo, thì đến toa cuối, con ngồi một chỗ thì lập tức ông cũng ngồi xuống đối diện, tất nhiên bọn kia cũng dừng lại, và nếu lâu lâu, không thấy họ hành động gì thì ông và con, chúng ta lại theo như kỳ trước, chạy lên đầu toa... Cứ thế mãi cho đến khi về tới Việt Trì...

THUA TRÍ ĐÀN BÀ

Thằng bé lại móc túi mà nói:

- Bà ấy cho con...

Nhưng Kỳ Phát gạt đi, bảo:

- Cái đó ta không cần biết. Nào, bây giờ chúng ta đừng nói gì nữa, hễ khi nào mà thấy tao đương mãi mua bánh tây thì mà đứng dậy lảng chạy nhé!

Thằng bé gật đầu, thế là hai người yên lặng, và vờ nhìn đi nơi khác làm cho bọn bốn người kia, lại ngẩn ngơ không còn hiểu ra sao nữa. Thấy người đội thúng bánh qua chào, Kỳ Phát gọi lại bảo:

- Bà bán cho tôi một chiếc bánh tây và hai cái chả lợn!

Người đàn bà vừa ghé để thúng bánh xuống ghế thì lập tức, bọn bốn người kia không ai bảo ai, mà cùng xúm lại gần vây quanh lấy, tám mắt chăm chú nhìn vào thúng bánh chẳng khác gì mấy con diều hâu xúm bắt đàn gà con vậy. Kỳ Phát không thể chịu được, quắc mắt nhìn lên, làm cho một người trong bọn kia tự thấy ngượng ngịu lúng túng bảo người bán hàng rằng:

- Bà bán bánh cho ông ấy xong rồi thì bán cho chúng tôi mấy chiếc bánh giò nhé!

Người đàn bà bán hàng, liếc nhìn bọn người kia như nghi ngờ, rồi hơi mỉm cười, tỏ ý mình bán hàng quen ở tàu chẳng lạ gì bọn này,

và gật đầu bảo:

- Được rồi, các ông mua gì mà tôi chẳng phải bán!

Trong lúc này, thằng bé con mặc áo vàng vẫn để ý chờ, khi nó thấy Kỳ Phát móc ví trả tiền thì đột nhiên đứng dậy, đẩy mạnh một bà cụ vừa đi ngang qua trước mặt, hốt hoảng chạy về phía cuối toa.

Bà cụ đột nhiên bị đẩy kêu chu chéo:

- Thằng ông mãnh, chạy đâu mà như bố chết thế?

Kỳ Phát chỉ đợi có thế. Chàng không kịp lấy tiền nhà hàng trả lại nữa, vụt đứng dậy, ngơ ngác nhìn quanh, rồi đâm bổ đuổi theo thằng bé con áo vàng, lúc này đã trèo qua sang toa sau.

Nhưng chàng không quên mang theo gói giấy nhật trình trong có hai quyển tự vị Larousse.

Bọn bốn người kia trong lúc bất thần, không kịp giữ gìn nữa, một người kêu:

- Chết rồi!

Một người khác giục:

- Nhanh lên!

Thế là cả bốn người cùng rảo cẳng đuổi theo Kỳ Phát, họ hùng hổ, hấp tấp, giẫm bừa lên hàng, đẩy bừa hành khách đứng, không kể gì đến những lời than phiền chửi rủa của mọi người.

Trong khi ấy, người đàn bà quàng chiếc khăn vuông màu xanh bẻ có gạch vuông, điềm tĩnh nhìn theo, sẽ mỉm một nụ cười bí mật.

Từ toa này truyền sang toa khác, thằng bé con mặc áo vàng đã làm cho Kỳ Phát phải khó nhọc. Mà chính Kỳ Phát cũng đã làm cho bọn người theo mình khốn khổ.

Rồi kết cục, xuống toa cuối cùng, thằng bé dừng chân đang hoàng ngồi xuống ghế. Kỳ Phát cẩn thận đóng vai của mình đến cuối cùng, vờ ngo ngoác nhìn quanh, rồi cũng tìm một chỗ ngồi xuống góc toa.

Nhưng ngo ngoác hơn hết, vẫn là bọn bốn người kia. Họ ngẩn ngoác nhìn nhau, rồi lúng túng không biết làm gì, đành đứng sát lại gần, thì thầm bàn tán.

Tàu đỗ tại Phú Thọ lúc 1 giờ 16 phút, rồi lại khởi hành ngay. Thằng bé con áo vàng thấy bọn người kia lảng vảng đứng chờ thì chợt nhớ lại lời dặn, sẽ liếc mắt nhìn Kỳ Phát, ra hiệu. Kỳ Phát gật đầu, thế là chẳng nói, chẳng rằng thằng bé con đã vụt đứng dậy, và đâm bổ chạy lên phía toa đầu.

Nhờ có màn xé Phú Thọ, hành khách và hàng hóa xuống nhiều nên lần này, người chạy, người theo, và cả bọn người đuổi nữa, cũng được dễ dàng.

Nhưng cũng như lần trước, bọn sau này lại từng hừng vì thấy thằng bé mặc áo vàng, lại lên toa đầu tìm một chỗ ngồi ung dung, mà Kỳ Phát cũng bắt chước như vậy. Bọn người kia bị một phen hốt hoảng mà không ăn thua gì, có vẻ tức giận lắm, nhưng không làm gì được. Mặc dầu, việc canh gác họ vẫn không trễ nải chút nào, trái lại, càng thêm ráo riết.

Nhưng Kỳ Phát bỗng sực nhớ một điều lúc vừa qua chỗ toa cũ, chàng hình như không thấy người đàn bà ngồi ở đấy nữa. Ngay lúc này, thằng bé sẽ liếc mắt nhìn chàng. Rồi nó đứng dậy mà đi thông thả về toa cuối. Lẽ tất nhiên, lập tức, Kỳ Phát cũng đứng lên và theo nó sát bước tuy hai người không trao đổi với nhau nửa lời.

Bọn bốn người kia như một, không lưỡng lự, lập tức cũng đi theo, song lần này cẩn thận hơn, họ chia ra, hai người rào cản, tiến lên trước như muốn chặn đường, còn hai người thì lùi lại đằng sau... chẹn hậu!

Vốn để ý từ trước, Kỳ Phát nhận kỹ suốt mấy toa không thấy người đàn bà quàng khăn vuông đâu nữa. Bởi vậy đến toa cuối thì chàng đứng lại, không ngồi cùng thằng bé mặc áo vàng, mà đi tìm người đàn bà bí mật. Trong khi ấy, bọn kia lập tức cũng chia làm hai, rồi hai người âu phục thì đi theo Kỳ Phát còn hai người lao động thì ở lại coi giữ thằng bé áo vàng.

Nhưng có lẽ họ cũng đều thất vọng, vì sau khi Kỳ Phát đi mấy lượt nhìn cẩn thận khắp các toa, mà không hề thấy tung tích người đã hẹn mình, thì chàng đến cạnh thằng bé con áo vàng mà hỏi nhỏ rằng:

- Bà ấy đâu rồi, mày có trông thấy không?

Thằng bé lắc đầu thì Kỳ Phát nói tiếp:

- Nếu thế thì mày thử đi tìm với tao đi.

Nhưng thằng bé lắc đầu bảo:

- Chịu thôi, tôi chỉ biết làm có thế, bà ấy đâu thì mặc ông đi tìm. Tàu đã sắp đến Việt Trì tôi phải xuống đây.

Vừa nói, thằng bé vừa cúi xuống dưới ghế, lấy gói quần áo của nó để đẩy từ bao giờ và giở vé ra xem lại.

Kỳ Phát liếc nhìn thì quả nhiên chiếc vé ấy đi Việt Trì thật.

2 giờ 10 phút. Tàu hỏa vừa đỗ trước ga thì thằng bé vội vàng bước xuống không kịp quay lại chào Kỳ Phát nữa. Nhưng bọn bốn

người từ lúc nấy vẫn đứng ở hai đầu toa đã kịp ra hiệu cho nhau rồi bọn hai người lao động theo gót thẳng bé bước xuống.

Rồi tàu lại chạy.

Kỳ Phát ngồi một mình, mân mê gói nhật trình có bọc hai quyển tự vị và nghĩ ngợi. Chàng từ lúc thấy mất dấu người đàn bà đã nghi ngờ lắm rồi, nhưng chàng vẫn chưa nghĩ ra manh mối vụ này; người đàn bà quảng khăn vuông là ai, tại sao có cuộc hẹn hò kỳ khôi, bí mật như vậy. Cũng đã có lúc chàng nghĩ có lẽ mình bị kẻ nào bông đùa, nhưng xét kỹ, nếu là chuyện đùa thì làm gì có đến ba bốn người hàng nửa ngày giờ, cẩn thận theo dò từng li, từng bước?

Từ Việt Trì trở đi, Kỳ Phát ngồi im một chỗ những muốn cố sức bắt trí óc mình làm việc tìm cho ra vài ba tia sáng trong vụ này, nhưng chàng không thấy có kết quả gì cả. Bởi vậy khi chuyển tàu dừng bánh trước ga Hà Nội thì Kỳ Phát bực mình lắm, chàng cau mặt, tự mắng mình rằng:

- Rõ mình là một thằng ngốc, mất trọn một ngày giờ mà không được việc cóc khô gì cả!

Nhưng chàng còn bực mình hơn nữa, khi chàng cấp bọc sách ra ga, vừa trả vé xong, mới đi được ba bước thì bị một viên cảnh sát tây ngăn lại, bảo:

- Ông hãy cho tôi xem thẻ!

Ngay lúc ấy một bọn năm người xô lại, trong đó có hai người vận âu phục theo từ Lao Cai, họ vây quanh lấy Kỳ Phát mà bảo:

- Chúng tôi là viên chức nhà đoan, ông để cho chúng tôi khám!

Cùng lúc ấy, một người nhanh nhẹn đỡ lấy bọc sách của Kỳ Phát

giờ ra, vừa bảo:

- Không biết trong người hắn giấu bao nhiêu, chứ nguyên chỗ này cũng đến 10 kilô dựa*!

Song ai nấy đều từng hừng khi khám trong người Kỳ Phát không thấy có gì mà gói 10 kilô thuốc phiện lậu kia chỉ là hai quyển tự vị Larousse.

CHƯƠNG 5

VỎ QUYẾT DÀY, MÓNG TAY NHỌN

- Cóc khô! Cóc khô!

Mặc dầu được các viên chức Sở Thương chính để cho đi ngay vì khám trong người không thấy gì, Kỳ Phát cũng vẫn hậm hực tức tối, bị các nhà chuyên trách làm khó dễ thì ít mà bị một người đàn bà không quen biết lừa mình thì nhiều...

Nhưng Kỳ Phát tự nhủ thầm: “Ta cáu kỉnh bây giờ cũng là vô ích, cần phải điềm tĩnh lắm mới được. Ta hãy nghĩ ngợi kỹ lưỡng để hiểu rõ ràng đầu đuôi câu chuyện này, rồi liệu cách xử trí may ra có trả được thù, chứ nếu chịu yên đi thì nhục nhã vô cùng, Kỳ Phát sẽ không còn phải là Kỳ Phát nữa.”

Bởi vậy, ra khỏi ga, chàng vào ngay một tiệm nước, gọi lấy một cốc cà phê đặc không đường, và một cốc sữa tươi. Chàng uống sữa xong, thấy tinh thần sảng khoái, nên yên tĩnh vừa chậm chậm uống cà phê, vừa nghĩ ngợi.

Lâu lâu, Kỳ Phát gật đầu, nói một mình:

- Thôi phải rồi, không có gì lạ cả. Người đàn bà quàng khăn vuông xanh kia, chẳng qua chỉ là một tay buôn thuốc phiện lậu, chắc hẳn lúc sắp sửa đưa hàng về Hà Nội thì có người báo đoan, nên người ấy phải nghĩ cách làm sao đi cho thoát. Ta với người ấy không quen biết nhau bao giờ, như vậy thì không có thù hằn, nhưng

người ấy chọn ta để gửi bức thư kỳ quặc kia chỉ là vì biết tiếng ta thích những vụ bí mật ly kỳ, không nề hà sự nguy hiểm bao giờ. Người ấy gửi thư cho ta, hẹn lên Lao Cai, để rồi bày ra những trò rắc rối con tườu kia, chẳng qua cốt để cho những viên chức nhà Thương chính càng nghi ngờ ta, và trong lúc chú ý đến Kỳ Phát thì người đàn bà quàng khăn vuông lén mất, mang theo những gói hàng.

Nói đến những gói hàng, Kỳ Phát đập mạnh xuống bàn mà nói rằng:

- Thôi phải rồi, bây giờ ta mới hiểu tại sao lại có câu chuyện gói hai quyển tự vị kia... Tất nhiên, người đàn bà nọ cũng gói thuốc phiện vuông vắn bằng hai quyển tự vị và cũng buộc dây gai đỏ như vậy. Khi viên chức nhà Thương chính Lao Cai được tin đón người mang gói giấy như thế lẽ tất nhiên đều chú ý đến ta, không để ý đến người đàn bà đã dùng cách khác mà đổi dạng gói hàng của mình, gửi người khác mang ra ga trước.

Nghĩ đến đây, Kỳ Phát bỗng bật cười mà nhủ thầm:

- Thế là ta bỗng nhiên ở đâu thành cái bung xung để cho mục kia thi hành kế điệu hổ ly sơn mà có lẽ cả thằng bé con áo vàng cũng vậy, nó chỉ vì tham tiền mà giúp mục lừa ta.

Đặt mạnh cốc xuống bàn, Kỳ Phát quả quyết bảo:

- Nhưng ta đâu lại chịu để mục lừa như vậy. Ta quyết theo bắt cho kỳ được, nhưng chỉ tiếc một điều, không hiểu hiện nay mục ở đâu.

Bỗng Kỳ Phát chợt nhớ mình có một người bạn làm đội đoan trước mà bây giờ đã về hưu trí, nên lập tức ra khỏi tiệm nước, thuê xe lại đường Gia Long, rồi nửa giờ sau, chàng đã vui vẻ trở ra, vì

chàng được bạn cho biết nếu vào quăng Phú Thọ mà mất tích người đàn bà thì chết sống mụ cũng phải đi con đường tắt về lối Nhã Nam.

Biết vậy, Kỳ Phát không lưỡng lự gì cả, lập tức về phố Hàng Bông thuê một chiếc xe ô tô, vì chàng vốn quen biết chủ hiệu, nên được bẻ lái lầy, không phải có tài xế đi kèm.

Rồi chàng theo lời chỉ dẫn của bạn, thẳng đường lên Phú Thọ và theo con đường tắt đi về phía Nhã Nam. Chàng lái xe hết sức nhanh, vì tính ra như vậy, may ra chừng ba, bốn giờ sau có thể đuổi tới bọn buôn lậu kia được. Luôn luôn bóp cò và dận hết ga, bây giờ Kỳ Phát chỉ có một ý định tìm đuổi cho được người đàn bà đã cả gan dám trêu chàng, chứ sự thực, sau đó, sẽ xử trí ra sao, thì chàng không hề nghĩ đến.

Chiếc xe ô tô cứ thế mà vùn vụt tiến, từ giờ này sang giờ khác... như một con vật đói ăn cố gắng nuốt chửng từng đoạn đường dài. Nhưng cũng đôi khi, chàng ngừng xe lại để hỏi thăm những quán nước bên đường, hoặc những khách bộ hành lẻ tẻ, chàng rất sung sướng khi được họ bảo cho biết cách đó chỉ chừng một giờ, hay hơn chút ít, họ có gặp một người đàn bà hình dáng như vậy, và cũng quàng chiếc khăn vuông có kẻ ô, ngồi xe ô tô với hai người đàn ông nữa.

Kỳ Phát nghĩ thầm:

- Ta biết ngay mà, thế nào họ cũng phải đi nhiều người, chắc là mưu kế bày sẵn sàng, người đàn bà chỉ việc làm thế nào đi thoát được từ Lao Cai về đến Phú Thọ không có người theo dõi, rồi thì đã có xe ô tô đón sẵn, đi theo lối Nhã Nam. Nhưng thoát được nhà Thương chính, họ tất không thoát khỏi tay ta, ví dù đi trước được

hơn một giờ, ta lái xe trên dưới 90 cây số thể này tất phải theo kịp.

Đi được một quãng dài, Kỳ Phát lại ngừng xe, vào một quán bán nước bên vệ đường hỏi thăm, thì bà già bán hàng bảo:

- Có, chiếc xe ấy vừa mới đỗ ở đây xong, mà đỗ lâu đến 20 phút vì họ còn phải chữa máy móc gì ấy... Nếu ông đến sớm một tí nữa thì gặp, họ mới đi chỉ vừa dập bã trầu.

Kỳ Phát cả mừng nghĩ thầm: “Thôi đích xe bọn kia hỏng gì, nên chốc chốc phải đỗ lại chữa chạy, nhờ đó ta mới đuổi theo chóng kịp được như thế này. Thực là bay có chạy đằng giời!”

Kỳ Phát trả tiền nước xong, ra nhìn vũng dầu máy còn lớt lại ở vệ đường bên kia, rồi nhìn theo vết bánh xe mà bẻ lái... Bây giờ thì chàng yên trí lắm rồi vì biết không bao lâu nữa, sẽ có thể bắt kịp được bọn kia. Mà quả nhiên, xe chàng phóng hết tốc lực như vậy, chưa được 15 phút đã thấy đằng trước mặt một chiếc ô tô không mui, sơn màu xám nhạt.

Quả đúng như lời người ta đã mách chàng, trong xe có ba người, hai đàn ông và một đàn bà, mà lại chính người đàn bà quàng khăn vuông xanh ngời bẻ lái. Có lẽ bọn đằng trước cũng biết có người đuổi theo nên họ luôn luôn nhìn lại và như cũng cố sức dận ga phóng hết sức nhanh để chạy trốn.

Rồi hai xe cứ thế mà đuổi nhau hoài, cho tới một lúc kia, sắp đến chỗ đường quẹo thì Kỳ Phát thấy chiếc xe đằng trước không hiểu sao mà như chồm lên một cái, rồi ngoằn ngoèo hết trái rồi lại sang phải, giống hệt một người lão đảo say rượu. Kỳ Phát kêu lên:

- Thôi hỏng rồi, xe họ nỗ lóp!

Chàng vội vàng hãm xe mình từ từ lại, vì biết rằng khi xe trước

đương phóng nhanh như thế này thì nổ lốp là một sự nguy hiểm vô cùng, xe mất thăng bằng trong lúc đà đương mạnh thực khó mà khỏi đổ lật!

Kỳ Phát đoán quả không sai, vì ngay lúc đó, chiếc xe đang trước quay ngang ra rồi toan đổ úp, nhưng nhờ có tay lái cứng, vội lấy lái lại, nên xe không đổ, song đâm vào gốc cây bên vệ đường. Và sau một tiếng rầm, tiếp tiếng phanh rít mạnh, thì Kỳ Phát trông rõ ràng hai người đàn ông bắn tung lên rơi ra ngoài xe, nằm sõng soài trên mặt đất. Còn người đàn bà quàng khăn vuông thì ngã đầu, gục xuống vòng tay lái.

Xe Kỳ Phát lúc này cũng vừa tới nơi. Chàng vội hãm xe, bước xuống, chạy đến cạnh người đàn bà, mà chàng đoán chắc đã bị chết tươi hay ít nhất thì cũng ngất đi. Nhưng không, chàng phải lắc đầu, lè lưỡi, không ngờ sức vóc tinh thần một người đàn bà lại chịu được tai nạn ghê gớm ấy mà không hề mất trí. Người ấy khi nhận ra Kỳ Phát thì thở dài mà nói:

- Chết chữa, thế mà tôi cứ tưởng tây đoan...

Rồi bình tĩnh như thường, người đàn bà bảo:

- Tôi thì ông để mặc, hãy xem hai người kia có việc gì không đã!

Kỳ Phát theo lời, bỏ người đàn bà lại gần chỗ hai người đàn ông. Chàng thấy một người nhiều tuổi có râu bị thương nặng hơn, một bên đùi bị gãy, còn người ít tuổi chỉ bị một vết ở đầu và những vết nhẹ ở chân thôi. Kỳ Phát nhẹ nhàng đỡ cả hai ngồi dựa vào gốc cây vệ đường mà hỏi:

- Các ông có việc gì không?

Người ít tuổi nói:

- Tôi chỉ bị đau toàn thân, và hơi sái chân trái, nhưng anh tôi thì có lẽ bị gãy đùi.

Người có râu cũng bảo:

- Ông xem bà ấy có việc gì không, hình như bị vô lăng đánh vào ngực thì phải!

Kỳ Phát sực nhớ, vội vàng chạy lại xem, thì thấy người đàn bà đã kiệt sức lắm, mặt xám ngắt, tuy nhiên vẫn cố giữ tinh thần tỉnh táo. Kỳ Phát lo lắng bảo:

- Bà để tôi đỡ ra khỏi xe, xem có bị thương gì không?

Rồi chàng nhẹ nhàng đỡ người đàn bà ra và bế ngang lưng đặt lại chỗ hai người kia... Mãi đến bây giờ, chàng mới biết người đàn bà bị thương nặng lắm, chiếc vòng lái đập vào đến nỗi bị gãy mấy chiếc xương ngực. Được nằm thẳng ra, người đàn bà như thấy dễ chịu hơn, mỉm cười se sẽ nói:

- Xin cảm ơn ông!

Rồi người đàn bà lại ngoảnh về phía hai người đàn ông mà bảo:

- Vậy ra ông Kỳ Phát không giận và để tâm thù chúng ta!

Kỳ Phát cũng cười:

- Lẽ nào tôi lại thù, nhưng đuổi theo, chẳng qua chỉ là muốn biết bà là ai và những lời tôi đoán có trúng không?

Ngừng lại một lát, Kỳ Phát lại nói:

- Bây giờ tôi biết đoán không sai rồi, nhưng tôi hối hận rằng vì tôi mà bà và các ông gặp phải tai nạn.

Người đàn bà vội nói:

- Ông thực là người quân tử, tôi rất lấy làm hổ thẹn đã lừa ông để

đến nỗi ông mất thì giờ và phải khó chịu. Còn như xảy ra tai nạn là tại tôi tưởng xe đoạn đuôi, chứ nếu biết ông thì chúng tôi đã dừng lại.

Kỳ Phát mỉm cười hỏi:

- Dừng lại, để đổi phỏ?

Người đàn bà mỉm cười trả lời:

- Đó là chính sách cuối cùng, trước hết chúng tôi hãy xin lỗi ông đã... và ông sẽ vui lòng mà bắt tay chúng tôi.

Ngừng lại một lát, người đàn bà tiếp:

- Nhưng bây giờ thì hết hy vọng rồi, thực là số chúng tôi đen, nếu chiếc xe hôm nay không đỡ chúng luôn luôn tắc “xăng” và cuối cùng nổ lốp thì hôm nay ông cũng khó mà theo kịp được chúng tôi.

Kỳ Phát có vẻ nghĩ ngợi, giây lát mới nói rằng:

- Nhưng bà có bánh “sơ cua” thay vào là chạy được, vì tôi thấy hình như máy không hỏng gì cả!

Người đàn bà lắc đầu:

- Nhưng ông trông bọn chúng tôi kẻ què người liệt thế này thì còn làm ăn, chữa chạy gì được nữa.

Kỳ Phát không nói gì, trở về xe mình, lấy đồ đạc rồi hí hục lại chiếc xe kia, tháo chữa... Trong khi ấy, người ít tuổi cố lê xuống ruộng vốc được ít nước đổ vào miệng người đàn bà vì người này kêu khát.

10 phút sau, Kỳ Phát đã thay xong bánh khác vui vẻ đến bên ba người mà bảo:

- Xe chạy tốt rồi, tôi đã thử cả đèn, vẫn sáng như thường, không

sao cả... Nào bây giờ để tôi đỡ bà và hai ông lên xe!

Người đàn bà nho nhỏ nói:

- Ông tốt quá!

Rồi lại quay về phía người ít tuổi, hỏi:

- Chú liệu có đủ sức lái xe về bây giờ không?

Người kia gật đầu:

- Được, em bây giờ đã thấy tỉnh táo lắm rồi, vả lại quãng đường này cũng dễ đi mà bây giờ trời sẩm tối rồi, vắng không có xe nào qua lại cả!

Người đàn ông có râu nói:

- Chị thì nằm ở sau xe, tôi ngồi với chú Ba ở đằng trước!

Nhưng người đàn bà lắc đầu, bảo:

- Không, chỉ hai chú về thôi, tôi ở lại đây!

Kỳ Phát ngạc nhiên hỏi:

- Sao bà lại không đi một thể, bà cần phải cứu chữa gấp mới được, vì thương tích nặng lắm.

Người đàn bà mệt nhọc, gật đầu nói rằng:

- Vâng thương tích nặng lắm, chính vì thế tôi muốn ở lại đây!

Ngoảnh lại phía hai người đồng bạn, người đàn bà xua tay, nói tiếp:

- Hai chú không nên dùng dằng gì cả... Hai chú cứ lái xe và đưa hàng về! Tôi biết tôi không sống thêm được mấy phút đâu, bây giờ dù có theo các chú về thì chỉ già nửa đường là chết thôi... và như vậy có phải làm khó khăn cho các chú không. Mà rồi chuyến hàng này cũng không đi thoát được!

Ngừng lại một lát như để lấy hơi, người đàn bà cảm động tiếp:

- Vậy thì các chú cứ đi, mọi việc tôi đã sắp đặt hẳn hoi, các chú cứ đưa hàng tại nhà số 410, con đường 95, là tự khắc có người nhận và giao tiền... Chỗ này tất cả được hơn một nghìn đồng, thì các chú liệu chia nhau mấy anh em, rồi thì tùy ý, ai theo nghề thì theo, ai giải nghệ thì giải.

Người đàn ông có râu nói:

- Chúng tôi không nỡ bỏ chị ở đây!

Người đàn bà xua tay bảo:

- Sao xưa nay chú Hai vẫn là người thoát sáo mà bây giờ cũng lẩn thần thế? Các chú ở lại đây, thì tôi cũng vẫn chết như thường mà không biết chừng lại bị bắt cả lũ... Và như vậy, còn bao nhiêu anh em nữa, trông ngóng vào chuyến hàng này cũng bị chết đói! Thôi các chú hãy nghe tôi đi đi, không nên trù trừ nữa.

Người đàn ông ít tuổi nói:

- Thà rằng anh em cùng chết đói, chứ để chị một mình ở đây...

Không để cho người này nói hết, người đàn bà đã dùng giọng nghiêm nghị bảo:

- Ô hay, chú Ba, từ ngày chồng tôi đi, anh em trong đảng đã để tôi đứng đầu, vậy chẳng hay những lệnh của tôi, các chú có quyền trái đấy ư? Các chú đừng để cho tôi nổi giận...

Kỳ Phát đứng ngoài, lúc này cũng nói:

- Bà nghĩ như vậy là phải, các ông nên nghe, vả lại cũng còn tôi ở đây, tôi sẽ liệu cách cứu chữa...

Người đàn ông có râu đành nói:

- Vâng, chúng tôi xin theo lệnh chị... Nhưng về đến Hà Nội, chẳng hay dấu hiệu nhận nhau thế nào, xưa nay chúng tôi chỉ đến cửa chứ không vào nhà 410 bao giờ.

Người đàn bà có ý ngần ngừ, sau cùng nói:

- Phải, dấu hiệu nhận nhau, trước kia, chỉ có tôi và chồng tôi biết, nay chồng tôi khuất đi rồi thì chỉ còn một mình tôi. Ngày nay, tôi mới nói cho các chú biết, vậy các chú nên thận trọng. Vào nhà 410, muốn cho họ biết là người nhà, các chú chỉ cần thò tay vào trong chiếc cửa nhỏ vuông mà ra hiệu như thế này...

Vừa nói người đàn bà vừa giơ bàn tay lên ra hiệu, nắm tay vào rồi xòe ra như thế đủ ba lần.

Trông thấy vậy Kỳ Phát bỗng giật mình, nhớ đến cái phút bố mình hấp hối khi xưa nhưng chàng trấn tĩnh ngay lại được, đỡ hai người đàn ông kia lên xe, để ngồi hẳn hoi yên chỗ, đợi cho xe mở máy chạy rồi mới quay lại, đến trước mặt người đàn bà, run run nói rằng:

- Có phải bà vừa nói trước đây chỉ có bà và chồng bà biết cái dấu hiệu vừa rồi?

Nghe hỏi người đàn bà giật mình nói:

- Vâng, chỉ có hai chúng tôi biết thôi nhưng tại sao ông lại hỏi, hay là ông đã thấy có người nào làm dấu hiệu như thế? Trời ơi, ông nói cho tôi biết ngay đi!

Kỳ Phát không giấu nổi lòng cảm động nhưng chàng cũng run run hỏi:

- Xin bà tha lỗi... Tôi sẽ trả lời bà nhưng bà hãy cho tôi biết tên thực bà là gì, có phải là...

Người đàn bà tiếp lời nói:

- Liên, tên tôi chính là Liên!

Kỳ Phát lúc này như thấy khoảng đất chỗ mình đứng sụt sâu.

Chàng khụy chân, quỳ xuống, nước nở, nghẹn ngào:

- Trời ơi! Mẹ ơi! Con có ngờ đâu!

20 NĂM VỀ TRƯỚC

Trời tối đen như mực vì Kỳ Phát đã tắt hai ngọn đèn “pha” ở xe mình bởi cả hai mẹ con cùng muốn ngồi sát gần nhau, trong cảnh âm thầm, để kể lại quãng đời dĩ vãng...

Kỳ Phát quàng tay, đỡ mẹ dựa đầu vào cánh tay mình, rồi im lặng đợi nghe câu chuyện mẹ kể, chốc chốc lại nghỉ, vì sức đã kiệt lắm rồi...

“Con ơi, mẹ thực không ngờ có ngày này, lại được biết tin tức về cha con, và nhất là được gặp con... Nhưng con để nguyên mẹ kể từ đầu... câu chuyện cách đây ngoài 20 năm...”

... 20 năm về trước, mẹ còn là một cô gái ngây thơ, ở ngay tại nhà đoan Yên Bái vì mẹ là con riêng của bà ngoại con, bà con sau khi chịu tang chồng đi bước nữa để nuôi con gái mình, và lấy viên chánh đoan. Nhưng khi mẹ 15 tuổi thì bà con mất. Mặc dầu, dưỡng mẹ cũng rất yêu chiều mẹ, coi chẳng khác gì con đẻ vậy...

Năm mẹ 18 tuổi thì gặp cha con. Trước đây, mẹ vẫn được nghe những viên đội, cai kể chuyện cái can trường lỗi lạc của Ba Lâm, một tay buôn thuốc phiện lậu nổi danh, đã từng vào sinh ra tử, đi thoát được nhiều chuyến hàng nguy hiểm, thì một hôm, mẹ một mình cưỡi ngựa phóng chơi trong rừng, bỗng ngựa dờ chừng, bắt kham té bừa làm mẹ không sao kìm nổi. May sao, đến quãng đường rẽ, có một chàng thanh niên xổ ra, can đảm nắm cương ngựa, giữ

lại cứu mẹ thoát bước hiểm nguy... Người ấy, về sau mẹ mới biết chính là Ba Lâm. Mẹ có ngờ đâu một tay buôn lậu ghê gớm có tiếng mà lại có bộ mặt xinh tươi, dịu dàng mơ mộng như vậy... Tuy nhiên, mẹ không hề nói cho chàng biết chính mẹ ở ngay trong nhà Thương chính. Rồi đến một ngày kia, mẹ được tin dựng mẹ sắp đặt lính cai đón bắt bọn Ba Lâm, lần này đưa một chuyến hàng lớn mà nhất quyết dù sao cũng bắt được chàng hoặc sống hay chết... Mẹ lo quá, đánh liều một mình tìm đến chỗ chàng, báo tin cho biết và luống cuống hổ thẹn khi chàng nắm tay mẹ mà hỏi: “Nhưng tại sao Liên lại mạo hiểm đến đây cứu tôi?”

... Thế là chuyến hàng ấy, chàng đi thoát và mẹ sau khi thú thực lòng yêu, cũng theo luôn chàng chung sống cái đời gian lao của tay trùm đảng buôn hàng lậu Ba Lâm. Ba Lâm chính là cha con vậy.

... Sau hai năm thì mẹ sinh con, nhưng vì cuộc đời mạo hiểm, mẹ vẫn thường theo cạnh cha con xông pha đây đó luôn luôn nên phải giao con cho một người vú sữa trông coi, người ấy mẹ biết rất trung thành nên không lo ngại gì cả.

Nhưng một hôm, mẹ nhớ vừa mới ăn ngày đầy tuổi của con xong thì mẹ cùng cha con phải lên vùng Yên Bình dẫn một chuyến hàng lớn, lớn đến nỗi tất cả anh em trong bọn đều phải ra đi hết. Nhờ có mưu trí của cha con, chuyến hàng đi trót lọt qua mấy đồn đoạn yên thám, chỉ còn phải qua khu rừng Xia Khoang nữa là có thể coi như xong việc.

Nhưng ngay đêm hôm đó, bọn nhà chạm trán bọn Sinh Mậu ở ngay giữa rừng. Lệ thường, khi hai đảng buôn lậu gặp nhau thì không sao tránh được cuộc giao tranh kịch liệt vì không thể thì bọn

kia sẽ đi báo mình hoặc cướp hết hàng... Đêm ấy, bọn Sinh Mậu đi đông gấp hai bọn nhà nhưng hết thấy anh em cùng tin cậy ở trí dũng cảm của cha con nên không một ai rối trí. Rồi thế trận dần ra khoảng rừng Xia Khoang bỗng biến thành một chiến trường kịch liệt. Trong đêm tối, những ánh đèn bầm tia sáng lóe ra, những ánh dao quai lấp loáng làm cho khó mà phân biệt được ai vào ai nữa.

... Bọn Sinh Mậu đông nên bọn ta có vẻ núng thế. Và cha con đã tính kế vạn toàn, giao anh em cho mẹ dẫn đầu vừa đánh vừa lùi để rồi theo đường tắt mà lẩn đi, riêng cha con đứng lại một mình cản giữ bọn kia. Nấp trong bụi rậm, hai tay hai khẩu súng lục, cha con đã làm cho bên địch không tiến lên được và mãi đến lúc bọn nhà gần ra khỏi rừng mẹ vẫn còn nghe thấy tiếng súng cha con bắn không ngớt.

... Nhưng thoát trận Xia Khoang, mẹ dẫn anh em về được đến nơi giao hàng nhận tiền xong về nhà, tìm không thấy cha con nữa. Chẳng những thế, đồ đạc cũng bỏ không, cửa khóa trái mà con và người vú em cũng biệt tích. Mẹ không hiểu làm sao nữa, sau ngờ rằng cha con đã bỏ mạng trong trận Xia Khoang, còn người vú em thì có lẽ đã manh tâm nhặt nhanh một ít tiền nong, bẻ con đi trốn...

Chẳng nói thì con cũng hiểu lòng mẹ lúc bấy giờ như thế nào, nhưng mẹ nghĩ còn cần phải sống để đưa dất bọn anh em, những người đã hy sinh cắt đứt mọi dây liên lạc gia đình để theo cha con... Mẹ còn phải sống để báo thù bọn Sinh Mậu.

Rồi lần nữa 20 năm qua, thù đã trả xong, mẹ thấy anh em quyền luyến không lòng nào nữa bỏ, nhưng thực đã hết công dò tìm mà không còn hy vọng thấy mặt con. Mẹ có ngờ đâu ngày nay, tình cờ,

vì mẹ đọc báo thấy con nổi tiếng trong nhiều vụ án ly kỳ nên mới lập mưu, dùng con làm cái bung xung để đi thoát chuyển hàng lớn, mẹ đã gặp con, nhưng tiếc thay gặp trong lúc mẹ sắp thở hơi cuối cùng.”

Đoạn cuối câu chuyện này, người mẹ một đời đau khổ ấy đã kể lại với cái hơi tàn, dần dần càng yếu và thêm nhỏ. Kỳ Phát thấy đầu mẹ ngã xuống nặng hơn, và hai bàn tay lạnh ngắt thì biết phút ghé góm đã sắp đến nơi rồi. Chàng nghẹn ngào nói:

- Nhưng, thưa mẹ, chẳng hay bây giờ mẹ có giận cha con không?

Một tiếng thều thào nhưng quả quyết trả lời:

- Không, mẹ đâu có giận cha con. Mặc dầu đến bây giờ mẹ vẫn chưa hiểu cái cớ sao mà cha con lại bỏ đi, mang theo cả con, mai danh ản tích hàng mấy chục năm giờ... Nhưng mẹ đoán chắc phải có cớ gì chính đáng cha con mới xử sự như vậy vì mẹ biết, cha con chỉ yêu có mẹ ở đời... Bây giờ thấy con đã khôn lớn, thứ nhất là trí mưu lỗi lạc hơn người, cách xử sự giống hệt cha con khi xưa thì mẹ có chết cũng rất vui lòng.

SẮC ĐẸP VÀ TÌNH YÊU

Sau khi đã gọi điện thoại cho tôi và tìm u già lên, Kỳ Phát lo liệu việc chôn cất cho mẹ rất chu đáo. Đi theo đám tang, tôi để ý thấy có nhiều người trong đảng, già có, trẻ có, ai nấy đều yên lặng, dáng điệu trầm ngâm. Trên những bộ mặt hoặc cần cổ ghi vết xông pha mạo hiểm, hay trẻ mạnh, đầy khí lực ngang tàng, tôi đã thấy tràn lấn bao nỗi buồn rầu vô tận... Mà những con người dày dạn ấy đã khóc sụt sùi như những đứa trẻ thơ. Thì ra chẳng những họ đã thiệt một viên thủ lĩnh tận tâm, đầy mưu trí, lại còn mất luôn một người chị hiền thảo, thường vẫn mạo hiểm hy sinh để cứu giúp anh em...

Công việc tang ma xong rồi, Kỳ Phát và u già ở tạm nhà tôi mấy buổi. Và giữa một tối êm đềm, trong lúc ngoài đường giọt mưa xuân lất phất bay hàng phố đều yên lặng, u già đã thông thả kể nốt câu chuyện xảy ra sau trận Xia Khoang 20 năm trước...

“... Hồi ấy, cậu mới được 13 tháng mà nhà thì ở Ngọc Hà. Ông bà thường đi vắng luôn, mười ngày mới về qua nhà một lần mà cũng chỉ ở vài ngày là lại đi ngay. Bỗng một hôm, tôi nhận được dây thép của ông bảo lên Cao Thượng và bế cả cậu theo còn nhà thì khóa cửa lại. Lên đến đó, tôi gặp ông nằm ở trong một nhà trọ, đầu buộc băng kín mít. Ông gọi tôi lại cạnh giường, rên rỉ mà bảo rằng:

- U em đã lên đấy ư! Có lẽ tôi chết mất!

Tôi hốt hoảng hỏi:

- Ông làm sao thế, bà con đâu?

Nhưng ông xua tay mà bảo:

- Để tôi nói chuyện cho u em nghe, câu chuyện dài lắm và cần phải u em hiểu rõ ý định của tôi mới được...

Rồi ông kể cho tôi nghe cái trận tranh cướp ở rừng Xia Khoang giữa bọn nhà và bọn Sinh Mậu. Lúc ấy, ông nấp trong bụi bắn ra, cầm cự cho bọn nhà đi thoát, mãi tới khi ông gần hết cả mấy ổ đạn, bên địch mới biết chỉ có một người ở lại đương đầu. Thế là chúng xông lại và một đứa trong lúc bất ngờ đã cầm một chai axít đập vào đầu ông. Nước cường toan chảy xuống như đốt da mặt làm cho ông ngã ngất, một phần bị đau vì mấy vết đạn ở đùi nữa. Bọn kia thấy thế bảo nhau bỏ đi và đến lúc ông tỉnh lại lê được ra tới đường cái nhờ thuê xe về đến Cao Thượng thì suốt mặt đã bị sưng phù, nhiều chỗ bị axít ăn lõm cả thịt.

Ông rên rỉ mà bảo tôi rằng:

- Trước đây Liên lấy tôi chỉ là vì mến chuộng cái dáng điệu anh dũng và quả cảm, nàng lìa bỏ gia đình chính bởi thế cho nên bây giờ tôi không nỡ nào đưa cái bộ mặt loang lổ, lồi lõm đầy thịt thối này ra cho nàng trông thấy... Thực vậy, thà rằng nàng tưởng tôi chết rồi còn hơn!

Ngừng lại một lát, ông lại nói tiếp:

- Bởi vậy, tôi gọi u em lên đây, đợi một vài ngày, cho tôi đỡ một chút, rồi thì chúng ta liệu tìm một chỗ xa vắng mà ở vì tôi nhất định từ nay cho đến chết không để cho ai biết tung tích của mình... U em nghĩ sao?

Khốn nạn, thì tôi còn nghĩ thế nào nữa, cha tôi xưa kia chẳng

những ở với ông cụ, mà lại còn chịu ơn ông nhiều, chính chồng tôi cũng đã có lần được ông cứu thoát khỏi tù tội như vậy thì ông bảo gì tôi chẳng phải nghe. Thế là sau đó, ông dọn về thuê nhà trong một phố hẻo lánh ở Hải Dương, rồi giao phó việc trông nom nhà cửa và nuôi nấng cậu cho tôi... Nhưng đến khi cậu lên bốn thì chồng tôi ở nhà quê bị bệnh nặng, tôi phải về, rồi sau đó bảy tháng, chồng tôi mất đi, tôi thu xếp lên thì đã thấy ông lấy người dì... Về sau tôi mới biết người này ở ngay bên cạnh, con nhà bản tiện, chịu lấy một người chồng tàn tật góm ghê, suốt ngày nằm ở trong màn, chỉ là vì hy vọng hưởng cái số tiền vốn liếng khá lớn kia sau này. Mà có lẽ chính ông tôi phải lấy con người ấy chỉ là vì nhà cần người săn sóc trông coi...

Thuật đến đây, u già thở dài nói tiếp:

- Nhưng chắc hẳn ông không ngờ con đàn bà ấy sau khi ông vừa mới đặt mình nằm xuống đã dám dắt trai về nhà và khi việc vỡ lở, đổ cho cậu cái tội bé con lớn gan ăn trộm... Nhưng nghĩ cho kỹ, khi xưa tôi không che chở được cho cậu thực là có lỗi...

Kỳ Phát cảm động, nắm tay u già mà bảo:

- Không, u già không có lỗi gì hết, nhưng tôi vẫn không hiểu tại sao ngày ấy, thầy tôi mất rồi, u già không nói rõ chuyện cho tôi biết ngay?

U già lắc đầu bảo:

- Không, tôi vẫn không dám nói chỉ là vì theo ý muốn của ông nhất định không bao giờ để cho bà được biết cái sắc đẹp hào hùng kia đã bị tàn phá một cách ghê gớm... Nếu cậu biết thì không chừng lúc mẹ con gặp nhau ở Nhã Nam hôm mới đây cậu đã nói rõ cho bà

biết rồi!

U già ngừng không nói nữa, mà chúng tôi cũng yên lặng nhìn nhau, có lẽ cả hai cùng nghĩ ngợi không ngờ rằng trong chuyện này Sắc đẹp và Tình yêu lại có liên quan một cách lạ lùng quái gở như vậy.

Riêng tôi còn nhìn Kỳ Phát, cố nhận xem trên bộ mặt thông minh sắc sảo của chàng trinh thám trẻ tuổi ấy có những nét nào là hình ảnh còn lại của tay đầu đảng buôn lậu Ba Lâm. Và tôi tự hỏi không hiểu rồi đây Kỳ Phát với anh em trong đảng cùng bọn Sinh Mậu có còn những cuộc gặp gỡ hay không?

PHẠM CAO CÙNG

KHO TÀNG HỌ ĐẶNG

MỘT BỨC THƯ LẠ

Ba mươi Tết. Trên con đường Thái Bình - Tân Đệ vắng ngắt không có một ai. Mấy nhà lá bên vệ đường phen cài kín mít, tuy nhiên còn ánh lửa soi ra, có lẽ ánh đèn để trên bàn thờ ông vải. Đàng xa, lò mờ chiếc đèn bóng, kéo trên chiếc nêu cao, bị gió đưa qua lại, nhấp nháy trên bụi tre, trông như ngọn lửa ma trôi dập dờn ngoài mộ địa.

Lúc bấy giờ có lẽ đến gần mười một giờ đêm vì tiếng trống canh hai đã điểm từ lâu lắm. Nhưng gió càng to, mưa phùn càng thêm nặng hạt, làm cho khí trời đã lạnh lại buốt hơn. Xa tí, trông về tỉnh Thái, một ánh đèn dần dần tiến lại. Vừa vượt qua dốc, ánh đèn bỗng dừng hẳn, nhận kỹ trong bóng tối, qua những hạt mưa bay, ánh sáng xanh ấy chỉ là một chiếc đèn xe đạp. Người trên xe nhảy xuống dắt xe lại bên cây nhãn vệ đường, dựa xe vào đó rồi cúi xuống xem bánh trước. Hắn bỗng đứng dậy, rút mùi soa ra lau tay, mồm lẩm bẩm:

- Cóc khô! Rõ cóc khô cái anh Cao Viên, lớp xe thế này mà cũng dám đưa mình mượn để đi đường trường! Ngót mười một giờ đêm rồi mà xe thế này thì bao giờ mới về đến Nam được. Đây đã đến Thầm rồi đây!

Thầm, chỉ mỗi một tiếng ấy đã làm rung mình nhiều khách bộ hành qua con đường Thái Bình - Tân Đệ. Thầm, hơn mười năm về

trước mới đáng ghê hơn nữa. Ai qua Thăm hơi sớm một chút hoặc hơi quá về chiều, trời đã nhá nhem thì không bỏ mạng ở đấy cũng phải bỏ túi bạc giắt trong mình. Thăm là chỗ quân côn đồ đã chọn để chẹt người lấy của. Thăm là chỗ mà từ khách bộ hành đến bọn phu xe đi qua, ai cũng một lòng nơm nớp lo sợ. Nhưng cái tên ghê gớm ấy có lẽ chưa đủ làm lo ngại cho người đi chiếc xe đạp kia, dù một mình trên đường trường khuya khoắt giữa cái đêm vắng vẻ tối om, cái đêm Ba mươi Tết.

Hắn vén tay áo xem đồng hồ rồi nói:

- Kém 5 đầy 11 giờ. Thăm rồi đây, ừ thì ta trọ lại Thăm chớ sao?

Rồi hắn cười khanh khách nói một mình:

- Có lẽ để cái anh cóc khô Cao Viên cũng a tòng với bọn cướp Thăm mà cố ý làm cho mình phải bắt buộc dừng lại đây chẳng! Cũng chẳng hề chi, ta lại có dịp xem những ông tướng Thăm có tai có mỏ đến thế nào?

Một con chó mực to sù chạy từ đồng ruộng sang đường cái. Nó hướng vào người khách lạ mà sủa vang, khách điềm nhiên dắt xe về phía con chó. Nó vừa cắn vừa lùi, sau cùng lách mình chui qua liếp một căn nhà lá lụp xụp ở ngay vệ đường, rồi cứ đứng trong mà sủa ra. Khách thò tay bấm chuông xe đạp, tiếng chuông vang vang làm lấp lẩn tiếng trảng pháo nhà ai đốt mãi tận chân trời.

Tiếng một cụ già trong nhà nói:

- Kìa con, mở liếp xem ai ở ngoài mà chó sủa thế?

Khách ở ngoài nghe rõ, lên tiếng:

- Thưa, tôi đây ạ. Xe đạp đi đến đây bị nổ lốp, cụ làm ơn cho vào

ngủ trọ.

Tiếng một người con gái nói ra:

- Ông đứng đợi một chút, để tôi thắp cây đèn to.

Một tiếng đánh diêm, ánh sáng ngọn đèn ở trong đã rọi qua khe liếp. Giây lát chiếc cánh liếp đã kéo hẳn sang một bên, một người đàn bà ngó cổ ra ngoài nói:

- Ông cho xe vào trong này!

- Chào bà! Vâng, bà đứng xê kéo bánh xe quệt vào lăm áo.

Xe đã qua bậc cửa. Nhờ ánh đèn ở trong sáng tỏ, ta bây giờ mới nhận rõ được người khách lạ. Tầm người cao và gầy, khách vận âu phục, khoác ngoài một chiếc áo tơi đen, đội chiếc mũ dạ cũng màu đen sụp xuống gần đến mắt. Khách bỏ mũ, cởi chiếc áo tơi rồi xoa tay lại cạnh lò bánh chưng đứng sưởi. Ngọn lửa chiếu vào mặt khách sáng ngời, khách chẳng phải ai xa lạ, chính là chàng Kỳ Phát.

Kỳ Phát, phải, chính là Kỳ Phát, nhà trinh thám đại tài đã khám phá ra vụ án mạng bí mật ở vùng Thanh mà các báo ở đây đã tranh nhau đăng tin đạo nọ, phải, vẫn là cái chàng trẻ tuổi, thông minh, ranh mãnh lúc nào cũng ưa hoạt động và thích vui cười.

Chàng trạc hăm mốt, hăm hai, tóc vuốt ngược, da ngăm ngăm đen, cằm tròn và ngắn, không có vẻ gì là thông minh lanh lợi cả.

Nhưng nhận kỹ trên đôi má lưỡng quyền cao, một chiếc trán rộng mà vuông, đủ tỏ ra rằng chàng là một người có nhiều nghị lực.

Dưới đôi lông mày to nhưng thưa, cặp mắt sáng quắc lạnh lẽ, chứa đựng cả tính cương quyết, mạnh bạo và trí thông minh lạ thường. Chẳng khác cặp mắt nhà thôi miên, luồng nhỡn tuyến ấy

thoáng chiếu vào ai cũng đủ làm cho người ta sợ hãi, kính nể và yêu mến. Chàng hơ tay lên ngọn lửa, rồi quay vào phía một cụ già khoác chiếc áo bông, ngồi thu lu ở trên giường mà nói:

- Thực là làm phiền cụ quá. Chúng cháu dở việc cần ở Thái mà ngót 9 giờ mới xong, định đạp vội xe về Nam thì trời lại ngược gió quá mà lại đổ mưa to. Đến đây hỏng xe, nên mới dám vào quấy quả cụ và bà...

Người đàn bà lúc đó đã cài xong chiếc liếp vừa quay vào. Kỳ Phát bấy giờ mới để ý kỹ, chàng lấy làm thẹn vì trong câu xưng hô chàng đã dùng tiếng “bà” lúc nãy. Thiếu nữ, người đàn bà ấy chỉ là một thiếu nữ, trạc mười bảy, mười tám, khuôn mặt tròn, nước da trắng đỏ. Chiếc khăn nâu non vấn lẫn làn tóc mây. Chiếc áo lương đã hơi bạc, cách ăn vận mộc mạc quê kệch ấy chưa đủ làm cho thiếu nữ giảm cái vẻ đẹp tự nhiên. Nguyên một cái miệng nàng cũng đủ làm nhiều người ngơ ngẩn: hai hàm răng đen nhỏ lộ ra giữa cặp môi thắm, luôn luôn mỉm cười, cái mồm tươi đẹp như hoa, thực tình tứ đáng yêu vô hạn. Nàng đi lấy ấm chén, nhắc chiếc siêu sành để bên lò bánh rồi tìm chè pha nước.

- Thôi, cô đừng cho uống nước nữa! Thực làm phiền cô quá!

Nhìn bộ chén, Kỳ Phát nhận ra bốn chiếc bốn thứ, cái cảnh nghèo nàn nhưng vẫn còn cố giữ vẻ nền nếp đã tỏ ra rõ rệt. Tò mò, Phát nhìn quanh gian nhà. Áp vách, chiếc bàn thờ ông vải bày biện một cách rất sơ sài. Bộ đồ thờ bằng gỗ mộc, đĩa ngũ quả bằng đất, chiếc lộc bình đã hơi mẻ miệng; những thứ ấy trông thực tồi tàn nhưng được cái rất là sạch sẽ, không hề có một chút bụi bám.

Kỳ Phát nhắc chén nước, nói:

- Mời cụ xơi nước, mời cô... Thực làm phiền cụ quá!

- Vâng, mời thầy (ông cụ trả lời) không có hề chi, ai chả có lúc lỡ làng.

- Nhưng giữa đêm Ba mươi...

- Lại càng hay chớ sao, như thế này mới thực là xông đất, chứ cứ chọn người, nói trước nhờ người ta đến thì còn gì là nghiệm nữa. Năm nay, nhờ thầy, may ra tôi làm ăn khá giả...

Nhưng ông cụ ngắt lời, lắng tai nghe... Đàng xa có tiếng ai nói to, lắm nhảm. Thiếu nữ cũng lắng tai, rồi bảo ông cụ:

- Thằng Nghé đã đi uống rượu say ở đâu về, thầy ạ!

- Nó lại vào phá nhà ai rồi đòi chén chứ gì?

Thấy Kỳ Phát ra dáng ngạc nhiên, ông cụ cắt nghĩa:

- Ấy đã sáu, bảy hôm nay, thằng Nghé đi biệt tích ở đâu về xóm, hung bạo, ngỗ nghịch, nó chẳng nể một ai cả. Nó vào miếu, hạ xôi gà trên bàn thờ xuống ăn, rồi cời trần ra ngủ ngay dưới bệ. Thế mà thần Phật chẳng vật ngay nó chết đi. Cả ngày say bí tỉ...

Kỳ Phát ngắt lời:

- Cụ bảo nó đi biệt tích mới về?

- Vâng, từ ngày nó say rượu, rồi đánh bố thì nó trốn đi biệt, có lẽ đến sáu năm nay, phải, đúng sáu năm, ngày ấy cháu nó mới 11 tuổi.

Tiếng thằng Nghé càng ngày càng gần, nó lè nhè, nói lắm nhảm:

- Chúng mày... chúng mày đã... đã biết tay ông chưa? Say... ông chưa say đâu... còn chai rượu trên bàn thờ sao không mang cả xuống đây? Ái chà say!

Tiếng chân nó bước chậm chạp, nặng nề, có lẽ nó đương lão

đảo, chân nam đá chân chiêu... Soạt! Tiếng tay nó vịn vào chiếc liếp ngoài hè.

Ba người trong nhà đều lắng tai nghe, riêng thiếu nữ và ông cụ già thì có dáng lo ngại. Nó đập phen mà gọi:

- Ông Cả! Mở cửa cho tôi vào với, năm mới... Nghé đây, Nghé đi xông nhà, chả say... nhưng rượu ty không bao giờ ngon bằng rượu lậu... mở cửa... ông Cả.

Ông Cả trong nhà vội bảo nhỏ Kỳ Phát:

- Xin lỗi thầy, tránh voi chẳng xấu mặt nào, tôi và thầy nên lánh mặt thì hơn.

Rồi cụ kéo Kỳ Phát ngồi thụp xuống, nắp đằng sau chiếc chum gạo để ở góc nhà, trong xó tối.

Thằng Nghé ở ngoài vẫn đập cửa gọi:

- Mở cửa, ta vào đánh chén với nào! Năm mới... chả say...

Ông cụ vội bảo nhỏ thiếu nữ:

- Cúc, con ra mở liếp, nói dối rằng thầy đi vắng!

Tiếng gọi càng gấp. Nóng ruột, thằng Nghé co cẳng đập vào vách thành thành... Cánh liếp vừa mở, ngọn gió lạnh ở ngoài ào vào, làm cây đèn để trên chõng suýt tắt.

Hơi rượu sặc sụa đưa vào.

- Ông Cả cho tôi đánh chén với nào!

- Chào bác, thầy tôi ra đình lễ giao thừa chưa về.

- Cô à cô Cúc! Ông Cả đi vắng à, chà tôi chưa say, mà chúng nó cứ bảo rằng say.

Thằng Nghé vừa bước thêm một bước thì nó ngã nghiêng, suýt

bỏ vào Cúc. Nàng sợ hãi, bước lùi về đằng sau. Thằng Nghé dựa lưng vào chiếc cột buồm, nhăn nhó, nheo cặp mắt nhìn chòng chọc vào thiếu nữ. To lớn, lực lưỡng, trời rét như cắt mà nó đánh có một chiếc áo cánh thâm phanh cả ngực. Đầu húi ca rê, nhưng tóc đã bắt đầu mọc dài, mắt đỏ tía, trên má dán một lá thuốc cao to tướng, trông hung tợn như một thằng ăn cướp, nó bè nè, nói:

- Ông Cả... ông đi vắng, nhưng cô... cô ở nhà. Đi lấy rượu uống chơi nào... năm mới... chúc cô năm... năm nay lấy chồng nhà... Nào mang rượu ra đây mình đánh chén với ta...

Nó nhăn nhó, lão đảo tiến vào... Cô Cúc kêu thét, thằng Nghé giơ tay ôm choàng lấy thiếu nữ. Nhưng một cánh tay nhỏ bé vỗ mạnh vào vai nó, thằng Nghé giật mình, buông Cúc ra, ngoái cổ lại. Nhanh như chớp, cánh tay nhỏ bé đã đưa lên in vào má thằng Nghé một cái tát trái nên thân. Thừa dịp cô Cúc đẩy thằng Nghé, chạy tít ra góc nhà. Thằng say rượu, có lẽ lúc ấy nó đã hết say, lui lại một bước, đứng thủ thế. Trước mặt nó là Kỳ Phát. Chàng nhìn vào thằng Nghé, hai luồng nhõn tuyến giao nhau, người ta có cái cảm tưởng đứng trước cuộc cầm cự của một người chủ xiếc và con thú dữ. Cứ kể đồng cân thì Kỳ Phát có lẽ không đủ sức mà chịu nổi một quả đấm của bàn tay hộ pháp kia, nhưng trông chàng không có vẻ gì là sợ hãi cả. Trước thái độ hung dữ của thằng Nghé, chàng điềm nhiên giơ tay sửa lại cái cà vạt màu hồng... Thừa lúc bất ý, vụt một cái thằng Nghé đã nhảy đến sát bên chàng, tay cầm một con dao găm sáng loáng, nhọn hoắt mà không biết nó rút ra tự lúc nào. Nhưng lưỡi dao chưa kịp hạ thì nhanh như cắt, Kỳ Phát đã giơ tay phải lên đỡ và bắt tay thằng Nghé. Chàng đưa thêm tay trái lên nữa, chưa

đầy một giây đồng hồ, thằng Nghé bị khóa tay đau kêu thét, lưỡi dao nhọn đã rời tay mà rơi xuống đất. Trông cảnh tượng lúc bấy giờ thì đáng buồn cười hơn là sợ hãi. Hai cổ tay to béo của thằng Nghé bị nắm chặt cứng trong hai bàn tay nhỏ bé nhưng gân guốc của Kỳ Phát. Thằng khốn nạn cố cựa muốn gỡ ra nhưng tay nó đã bị kẹp chặt vào chiếc khóa tay bằng sắt rồi. Tức tối vô cùng, thằng Nghé hằm hè như muốn nuốt sống ngay chàng trẻ tuổi. Kỳ Phát nhìn chăm chăm vào mặt nó, chàng mỉm cười ra dáng thương hại mà bảo nó rằng:

- Nếu mày có học qua võ Nhật thì đã biết cái miếng khóa tay tao vừa dùng gọi là *ussighi* rồi.

Nhân lúc bất ý, thằng Nghé vùng mạnh tay một cái nhưng vô hiệu. Kỳ Phát bỗng trợn mắt, nhìn thẳng vào nó, sát gần mặt vào thằng khốn nạn mà ghé tai bảo nhỏ một câu gì. Không biết câu nói nhỏ ấy là một câu phù chú màu nhiệm đến thế nào mà tự nhiên thằng Nghé đã bỏ bộ mặt hung dữ thay vào bộ mặt sợ hãi vô cùng.

Kỳ Phát buông hai tay ra, thằng Nghé lấm lét giơ một tay lên trán chào, rồi lủi thủi đi ra. Nhưng Kỳ Phát gọi giật nó lại. Chàng cúi nhặt con dao găm, trao trả nó, rồi giơ tay đẩy nó ra ngoài. Chàng lúi húi cài cánh cửa liếp lại rồi quay vào. Chàng bỗng bật cười. Trong nhà, ông Cả và cô Cúc đều trở mắt nhìn chàng, vừa khâm phục vừa ngạc nhiên trước thái độ phi thường của người khách lạ.

CHIẾC ĐĨA GIA BẢO

Ông Cả, từ bây giờ ta gọi chủ nhân ngôi nhà này là ông Cả cho tiện, có vẻ kính trọng Kỳ Phát một cách lạ. Ông bảo cô Cúc lấy chiếc chiếu mới cặp điều gác trên xà nhà xuống để khách nằm.

Thấy người quá trọng đãi, Kỳ Phát luôn luôn từ tạ:

- Thôi cụ để mặc cháu, thực làm phiền cụ quá!
- Không, thầy để mặc tôi, nếu vừa rồi mà không nhờ có thầy thì biết đâu nhà tôi...

Kỳ Phát vội gạt:

- Thôi, chuyện nhỏ đã qua, cụ bắt tất phải nhắc lại làm gì.
- Nhưng tôi vẫn áy náy chả biết lấy gì mà tạ ơn thầy.
- Cụ chớ nói quá thế, cháu không được vui lòng. Chính cụ và cô đây mới thực là ân nhân, nếu không có cụ vì tấm lòng tốt chẳng ngại phiền nhiễu cho cháu vào trọ, thì từ Thăm về Tân Đệ, qua quãng đường nguy hiểm giữa tối Ba mươi, cháu biết đâu lại chẳng bị côn đồ làm hại...
- Thầy chớ nhún mình, tài thầy như thế thì bọn côn đồ kia có xá kể gì. Tôi chỉ ân hận nhà nghèo không lấy gì mà...

Kỳ Phát mỉm cười, ngắt lời:

- Cụ đã có ý muốn trả ơn, nói thế chớ cũng chẳng có gì đáng gọi là ơn, thì xin cụ vui lòng tha thứ cho cháu cái lỗi đường đột: cháu

muốn cụ cho xem và kể chuyện chiếc đĩa cổ lớn để trên bàn thờ kia, thoáng nhìn hình như là đồ quý lắm thì phải.

Ông Cả cũng cười mà nói:

- Thầy tinh mắt thực, cái đĩa kia chính là một chiếc đĩa cổ quý lắm. Nhưng nếu nó chỉ là một đồ cổ thì, nói thầy đừng cười, lắm lúc nhà túng bán đã phải cầm bán đi rồi, chẳng còn giữ được đến bây giờ...

Kỳ Phát như để ý đến câu chuyện lắm, chàng nói:

- Có lẽ là một của gia bảo?

- Vâng, đó là một vật di truyền của tổ phụ chúng tôi để lại. Nguyên họ tôi chia ra bốn ngành.

Ông Cả đang nói dở câu chuyện thì cô Cúc ở ngoài sân bước vào nói:

- Trên chùa đã gióng chuông trống, có lẽ giờ tống cụu đã đến. Con đã bày cúng ở ngoài sân rồi thầy ạ.

Ông Cả bảo Kỳ Phát:

- Mãi nói câu chuyện cổ, giao thừa đến mà không biết. Mời thầy xơi nước, tôi lễ xong rồi vào sẽ nói nốt chuyện thầy nghe.

Nói xong, ông Cả bước ra sân sắp sửa lễ vật. Trong nhà, cô Cúc lúi húi bên lò đương gấp bánh chưng ra. Kỳ Phát ngồi trên chiếc kỷ tre, đưa con mắt nhận xét mà nhìn thiếu nữ. Cúc bây giờ thực đẹp. Đứng gần lò sưởi hai má hây hây thêm phần lộng lẫy. Ánh lửa chiếu vào càng làm sáng cái vẻ hồng hào của nước da trắng bóc. Nồi bánh chưng vừa mở, một làn hơi nước tỏa lên bao bọc quanh mình Cúc. Một nhà thi sĩ đứng trước cảnh ấy đã có ngay cảm tưởng là

đứng trước một vị nữ thần tuyệt đẹp đang ẩn hiện trên đám mây mờ, nhưng Kỳ Phát, chàng chỉ là một nhà trinh thám, nên gật gù, ngấm Cúc mà tự nghĩ:

- Ủ, khuôn mặt tròn, mồm tươi, môi hơi dày, đó là biểu hiện người đa cảm, nhưng cứ trông cặp mắt sáng nhanh, mỗi khi thoáng thấy mình nhìn ngấm thì hơi cau lại làm cho ta đoán nàng là một người quả quyết, hơi có vẻ kiêu ngạo nữa là đằng khác. Nhưng dù sao, Cúc cũng là một cô gái đẹp đáng yêu.

Kỳ Phát nghĩ lại buồn cười, lòng tự nhủ lòng:

- Đáng yêu, Cúc đáng yêu thì có liên can gì đến ta? Ốc một nhà trinh thám là nhận xét chứ không tưởng tượng, mà không tưởng tượng thì khó lòng yêu được.

Mấy tiếng chuông con sẽ đánh ở ngoài sân làm cho Kỳ Phát thôi nghĩ ngợi. Chàng nhìn theo Cúc đang bày lại lễ vật trên bàn thờ ông vải.

Nàng đánh diêm, thắp hương rồi ngồi sụp xuống chiếu mà lễ. Tiếng chuông chùa đằng xa giống lên một hồi vang động. Đàng chân trời nổ lép bép tràng pháo giao thừa nhà ai vừa dứt, tiếp liền một hồi pháo nổ ngoài sân, luồng gió lạnh ở ngoài đưa vào, cùng với làn khói pháo mịt mù. Ông Cả ngoài sân bước vào đơn đả tươi cười mừng Kỳ Phát:

- Năm mới, mừng thầy năm nay...

- Mừng cụ tăng thọ, vạn sự...

Tiếng nổ tràng pháo bên hàng xóm làm lấp hắt tiếng mừng tíu tít của khách và chủ. Ông Cả quay bảo Cúc:

- Con vào bóc bánh chưng và cắt thêm mấy khúc giò... Thầy hãy uống với tôi mấy chén rượu thưởng xuân rồi tôi kể câu chuyện cổ tích cho mà nghe.

Uống một hơi cạn chén, ông Cả chỉ chiếc đĩa để trên chiếu mà nói:

- Thực là năm mới nói chuyện cũ. Đĩa này không phải chỉ có một chiếc. Nguyên họ Đặng nhà tôi chia ra làm bốn ngành mà tôi là ngành trưởng. Ba ngành kia thì hai ngành ở Tân Đệ, còn ngành út thì hiện giờ ở Nam Định. Mỗi ngành đều lấy một chữ đệm khác nhau. Ngành tôi là Đặng Vũ, hai ngành thứ là Đặng Thế, ngành thứ ba là Đặng Liên, ngành út là Đặng Bá. Trừ chi Đặng Bá, ba ngành trên đều sa sút cả. Chúng tôi tuy nghèo nhưng chính là dòng dõi thế phiệt, tổ phụ chúng tôi trước đã từng làm quan to, thường phụng mệnh sang sứ Tàu.

Kỳ Phát ngắt lời hỏi:

- Xin lỗi cụ, tôi muốn biết ngài tên thực là gì?

- Tổ phụ chúng tôi tên thực là gì, tôi cũng không được biết, vì theo lời ông cha kể lại thì cuốn gia phả nhà họ Đặng chúng tôi đã bị một trận hỏa tai làm cháy mất, di tích để lại chỉ còn bốn chiếc đĩa cổ này mà thôi.

Kỳ Phát hỏi:

- Đây một chiếc, còn ba chiếc kia đâu?

- Ba chiếc kia thì ba chi họ kia giữ, hiện nay vẫn còn cả.

- Khi giao bốn chiếc đĩa thì các cụ có dặn điều gì chẳng?

- Có, nhưng mơ hồ khó hiểu lắm. Tôi còn nhớ, khi ấy tôi mới

mười chín thì cha tôi bị bạo bệnh mà từ trần. Lúc hấp hối, vì tôi là con cả, nên cha tôi gọi riêng tôi vào phòng, chỉ chiếc đĩa để trên bàn thờ mà bảo rằng: “Lượng (Lượng là tên tôi), con là con cả, bổn phận của con là phải giữ chiếc đĩa kia, một vật di tích của nhà ta. Dù thế nào con cũng không được đem cầm bán đi, con nên thận trọng mà giữ bảo vật này, vì nhờ nó mà có thể trở nên giàu có ước triệu được. Đến ngày giỗ tổ, tức là đêm hôm rằm tháng tám, theo như lệ trong họ ta, bà con sẽ về đây làm giỗ. Bốn chiếc đĩa hôm ấy sẽ để chung vào một mâm mà bày cúng.” Tôi có hỏi lại cha tôi tại sao giữ chiếc đĩa này lại có thể trở nên giàu có được thì cha tôi lắc đầu mà bảo rằng: “Chính cha cũng không rõ, ông con lúc mất đi có dặn lại như thế, thì cha lại y lời mà dặn lại con, chớ chính cha cũng không hiểu rõ làm sao cả. Có lẽ những vật này là của quý thiêng liêng, tức cũng như thần tài của nhà ta vậy.”

Kỳ Phát hỏi:

- Thế như ý cụ thì thế nào?

- Ý tôi thì cho rằng các ngài dặn lại thế cốt ý để cho con cháu mong được cái lợi kia mà không cầm bán của di tích này, chứ thực ra chẳng có của cải nào cả. Tuy nhiên tôi dù nghèo đến bậc nào cũng không nỡ rời bỏ cái vật di truyền của tổ phụ tôi để lại, chỉ hiềm cái tôi hiềm hoi chẳng có con trai.

Kỳ Phát ngoảnh nhìn cô Cúc đang ngồi vá chiếc áo the trên chõng. Ông Cả con mắt đăm đăm, buồn rầu mà thở dài... Trong nhà im lặng như tờ, đằng xa, thỉnh thoảng điểm một vài tiếng nổ của chiếc pháo lệnh nhà ai đốt tận chân trời... Chẳng muốn để cái cảnh nặng nề buồn tẻ ấy kéo dài ra mãi, Kỳ Phát nói:

- Thứ rượu này ngon lắm, mời cụ xơi!

- Không dám, mời thầy, tôi thực vô ý quá, mới đầu năm đã nói chuyện buồn, thầy tha lỗi cho tôi nhé!

Chuyện trò hồi lâu, như sức nghĩ ra, ông Cả hỏi:

- Năm nay thầy về Nam ăn Tết cùng các cụ ở nhà chẳng?

Kỳ Phát buồn rầu trả lời:

- Thầy u cháu chỉ sinh ra mỗi mình cháu, đều mất sớm cả rồi, cháu bây giờ là một người tứ cố vô thân.

- Thế thầy về ăn Tết ở nhà ai?

- Thực ra cháu bây giờ không có Tết. Trong năm, cháu có người bạn thân viết thư bảo Tết về nhà chơi nên cháu định về nhà hấn ta ở Nam mấy hôm, vì hỏng xe nên vào quấy cụ ở đây.

- Có làm gì cái nhỏ mọn ấy. Thầy đã vào đây, nhân tiện ở lại đây ăn Tết với tôi cho vui, chứ ngày mai năm mới lại ở nhà người ta, dẫu là bạn thân chẳng nữa, cũng có điều bất tiện.

- Thưa cụ, nhưng...

Chẳng để Kỳ Phát nói hết lời, ông Cả nói tiếp:

- Thầy không nên nề hà mới phải. Thầy ở lại đây chơi mấy hôm, nếu thầy bỏ đi ngay thì tôi áy náy vô cùng. Vả lại trong mấy ngày Tết, thế nào thằng Nghé chè chén say sưa cũng còn có lần lại đây quấy rầy, nếu không có thầy thì bố con tôi khó biết chống cự làm sao với quân cường bạo được.

Kỳ Phát lưỡng lự, ngần ngừ... Chàng nhìn chiếc đĩa cỗ để trên bàn thờ mà suy nghĩ: Đối với một người trời sinh ra đã có bộ óc tinh thám thì bao giờ cũng ham mê mọi sự gì có vẻ bí mật, ngoắt ngoéo

ở trong. Thoạt trông thấy chiếc đĩa, Kỳ Phát đã đoán ngay rằng khi một vật quý giá còn lẫn ở trong một nhà nghèo kiết, hẳn cũng có nguyên ủy làm sao, mà từ lúc chàng nghe được câu chuyện ông Cả kể thì chàng đã đoán ngay rằng: Nhờ bốn chiếc đĩa cổ ấy với bốn chi nhà họ Đặng thế nào chàng cũng khám phá ra một việc gì bí mật ly kỳ từ mấy trăm năm về trước...

Chàng ngấm chiếc đĩa cổ rồi ngoảnh nhìn cô Cúc... Cúc, dưới ánh ngọn đèn Hoa Kỳ, vẫn cắm cúi ngồi khâu...

Chàng mỉm cười, gật gù, lẩm bẩm. Ở hay đi? Chiếc đĩa cổ và câu chuyện bí mật của chi nhà họ Đặng đã làm chàng lưỡng lự nửa ở nửa đi nhưng có lẽ chính cô Cúc xinh tươi kia đã làm cho chàng quả quyết mà ở lại. Kỳ Phát, chàng thiếu niên trinh thám có lẽ cũng biết yêu chăng?

CÂU NÓI BÍ MẬT

Sáng sớm hôm sau, gà vừa gáy lần thứ nhất, Cúc đã cựa mình trở dậy. Nàng xách cái siêu khe khẽ toan mở cửa xuống bếp đun nước nhưng giật mình, nàng đứng sững: cánh cửa ngách đã mở tự bao giờ. Ngạc nhiên, nàng ngó qua khe cửa khép nhìn ra sân: trên khoảng đất nện phẳng lì, dưới giàn trầu không, nàng trông thấy Kỳ Phát đang chạy, nhảy, giơ tay, giơ chân, hơi thở phì phò... Chàng để đầu trần, tóc vuốt ngược, tuy trời lạnh mà chỉ mặc mỗi chiếc áo chemise lụa màu xanh. Nghe thấy tiếng động, chàng dừng lại, khi trông thấy Cúc thì mỉm cười. Cúc e lệ khẽ đẩy cửa bước ra sân. Kỳ Phát nhanh nhẩu nói:

- Năm mới, xin chúc cô năm nay buôn bán phát tài và...

Chàng định mừng thêm một câu có vẻ khôi hài nhưng lại thôi ngay, vì chàng sực nhớ đến câu thằng Nghé chót nhả mừng Cúc buổi tối hôm qua. Cúc then thùng đáp lại rồi rảo bước vào trong bếp. Kỳ Phát nhìn theo mỉm cười. Trưa hôm ấy, giữa lúc bên hàng xóm pháo nổ liên thanh, tiếng chúc mừng ồn ào thì Kỳ Phát lên con sọt kịch liệt. Có lẽ vì tối hôm trước ngấm nước mưa nên cảm hàn, chàng phát nóng rét, mê man không biết gì cả. Trời đã sẩm tối, Phát bỗng sực tỉnh, mở choàng mắt thấy Cúc đứng ở cạnh giường tay cầm một bát thuốc khói bốc lên nghi ngút.

Nàng nói:

- Ông dậy xơi thuốc!
- Cảm ơn cô, thực làm phiền cô quá!

Kỳ Phát hỏi:

- Cụ vừa vào trong làng chúc Tết?
- Vâng, thầy tôi vừa đi xong thì ông dậy.

Kỳ Phát nhìn Cúc một cách ranh mãnh rồi mỉm cười hỏi:

- Cô muốn hỏi tôi rằng tại sao tôi thoát choàng dậy mà biết ngay cụ nhà vừa đi phải không?

Cúc trở mắt nhìn Phát, ngạc nhiên. Chàng thiếu niên tinh ranh lại nói tiếp:

- Cô lại muốn hỏi tôi cái câu bí mật tôi bảo thằng Nghé hôm qua nữa chứ gì?

Cúc hỏi:

- Tại sao trí tôi nghĩ mà ông lại biết rõ như thế?
- Cũng không có gì lạ, cô ạ. Thoạt nghe câu tôi hỏi, cô có ý ngạc nhiên, mồm mấp máy nhưng rụt rè chưa nói. Tôi biết cô muốn hỏi cái câu bí mật hôm qua là vì tôi thoáng trông thấy cô ngoảnh nhìn ra cửa rồi lại quay vào nhìn góc nhà chỗ cô chạy lủi tóit qua. Tôi biết trong óc cô vừa thoáng hiện lên cái tấn kịch buổi trước nên tôi đoán ra được.

- Nhưng thầy tôi...

- Cái đó lại dễ hiểu hơn nữa. Tôi bừng mắt dậy, không thấy cụ đâu, tình cờ trông thấy trong cái bát đĩa còn chiếc đóm chưa tắt hẳn mà ngược nhìn lên, có ý nhận kỹ, tôi còn thấy một làn khói tỏa mờ.

Cúc cười bảo:

- Vì thế ông biết thầy tôi vừa hút thuốc xong thì đi nhưng ông chắc đâu mà dám đoán thế, biết đâu chính tôi vừa mới hút thuốc thì sao?

Phát cũng cười, trả lời:

- Đối với những người hơi có óc trình thám một chút thì bất cứ lúc nào bất luận việc gì cũng đều để ý nhận xét cả. Như việc này tôi dám đoán chắc thế là vì tối qua tôi để ý cụ nhà hút thuốc thờ khói, cô ngồi khâu nơi chõng có giờ tay phẩy trước mặt. Một người đã biết hút thuốc thì không khi nào sợ khói thuốc đến thế!

Cúc ngẫm nghĩ gật đầu... Nàng nhìn Kỳ Phát chăm chú rồi bỗng hỏi đột ngột:

- Tôi muốn biết tên ông là gì?

Kỳ Phát cả cười trả lời:

- Giá cô cứ hỏi thẳng ngay rằng: tên ông có phải là Kỳ Phát thì có phải rõ ràng hơn không?

Cúc chẳng giấu vẻ mừng rỡ, niềm nở mà nói rằng:

- Trước tôi xem báo cũng không ngờ ở đời này trong nước Nam ta lại có người kỳ tài đến như thế, nay được gặp mặt tôi lại chắc rằng như tài ông thì có thể khám phá ra những vụ án bí mật hơn nhiều nữa.

- Cô quá khen, tôi thực lòng không dám nhận. Tuy nhiên, cảm lòng ái mộ, tôi tự nghĩ chưa biết lấy gì mà tạ lại.

Cúc nói:

- Ông không nên khách sáo quá thế! Ngay đêm qua, thấy các cử

chỉ hào hiệp và bí mật của ông tôi đã có ý ngờ, sau sáng hôm nay thấy ông mới lại nhà tôi lần đầu, chưa thuộc đường lối đã biết chỗ treo chìa khóa, lại khi mở cửa ra sân tôi không biết vì không hề có một tiếng động...

Kỳ Phát nhún nhường:

- Kể ra thì cũng chẳng có gì là lạ cả vì nghề tôi đã bắt buộc tôi nhiều khi phải làm việc một cách rất nhẹ nhàng không ai nghe thấy tiếng gì.

- Nhưng còn chìa khóa?

Kỳ Phát lắc đầu cười bảo:

- Không, tôi thú thực rằng chìa khóa tôi không biết để ở chỗ nào nhưng cần phải dậy sớm tập thể thao mà chẳng muốn làm kinh động mọi người, tôi đã dùng chìa khóa của tôi mà mở.

Cúc hỏi:

- Ông cũng có chìa khóa giống ư? Tôi tưởng rằng thứ khóa hiểm ấy thì không có cái nào giống nhau cả.

Kỳ Phát khẽ nở một nụ cười bí mật mà bảo rằng:

- Không có ạ! Ở đời này, chiếc khóa nào cũng có thể có một chiếc chìa thứ hai được.

Cúc ngẫm nghĩ rồi nói:

- Hồi hôm, ông như để ý đến chuyện chiếc đĩa cổ nhà tôi lắm, tôi đoán ông đã hiểu rõ hết uẩn khúc ở trong rồi!

Phát cười, lắc đầu:

- Có đâu nhanh chóng được như thế, nhưng về việc này, ý riêng cô thế nào?

- Tôi không đồng ý với thầy tôi. Tôi cho câu các cụ ngày xưa dặn lại rằng sẽ trở nên giàu có vì chiếc đĩa kia là có ý chớ không phải là câu nói không đầu. Hoặc là bộ đĩa này có liên can...

- ... Đến những tiền của, hoặc châu báu mà ông cụ tổ chôn giấu ở một nơi nào...

Cúc hớn hờ nói:

- Ông cũng cùng một ý kiến với tôi sao?

Rồi Cúc buồn rầu mà nói rằng:

- Tôi cũng không có ý ham muốn gì sự giàu sang, nhưng chẳng nói ông cũng biết, thầy tôi thì yếu đuối, một mình tôi là con gái, tuy vẫn hết sức làm ăn buôn bán mà nhiều khi cũng thấy sự túng thiếu co ro. Bây giờ thì không sao, nhưng...

Kỳ Phát nói tiếp:

- Nhưng tới khi cô xuất giá...

Cúc cau mày, ngắt lời Kỳ Phát:

- Không, chỉ sợ nhờ khi thầy tôi đau yếu thì không biết xoay xở vào đâu, vì thế nên ông có thể...

- Vâng, tôi xin hết sức tìm tòi cho ra manh mối việc này. Thành công hay không tôi chưa dám chắc, nhưng cần nhất là những điều tôi cần biết tôi có hỏi, cô phải nói thực và rõ ràng thì mới có đủ tài liệu làm việc được.

- Cảm lòng ông giúp đỡ, từ nay tôi xin tin cậy ở ông, nhưng một điều cần nói cho ông biết trước là việc hôn nhân của tôi, xin đừng ai nhắc đến, vì tôi không muốn nói đến chuyện ấy một chút nào.

Kỳ Phát mỉm cười, hỏi:

- Nhưng cô có thể cho tôi biết vì có làm sao?

Cúc buồn rầu mà nói rằng:

- Chính tôi cũng không hiểu. Tôi còn nhớ hồi ấy tôi mới lên mười, một buổi tối mùa hè, tôi ra cầu ao rửa chân, thoáng nghe thấy bên kia bờ ao hai người nói chuyện. Người đàn ông nói: “Nhưng bây giờ việc đã thế này, mình bảo tôi làm sao được?” Tiếng người đàn bà trả lời giọng meo máo như đương khóc: “Thì mình phải về thưa với thầy u đến nhà tôi xin cưới chứ gì, nếu để chậm làng biết bắt vạ thì tôi chết mất.” Người đàn ông bảo: “Nhưng nếu thầy tôi biết chuyện thì thầy tôi không bằng lòng mà u tôi cũng riết là lấy con đấy.” Người đàn bà gắt: “Mình không phải mắng tôi, chính tại mình dở ngon dở ngọt...” Tiếng hai người bỗng nói khẽ, tôi không nghe rõ nữa nhưng bỗng tiếng người đàn bà nói to: “Đồ sở Khanh.” Tiếng người đàn ông quát: “Này sở Khanh.” Rồi tiếp theo tiếng “tòm”, người đàn bà đã bị người đàn ông đẩy ngã xuống nước. Tôi hốt hoảng kêu cứu nhưng thầy tôi và mấy người lớn hàng xóm đều lên đình ăn cỗ, ở nhà chỉ có bọn lên mười, mười hai như tôi cả. Chúng tôi kêu chán cũng chẳng thấy ai thưa, mà ở dưới ao vẫn còn tiếng vùng vẫy bì bõm... Sợ quá, chúng tôi ôm nhau mà khóc cho đến lúc bọn người lớn về vớt xác người đàn bà lên thì đã chết tự bao giờ. Họ bảo: Đâu đã có chữa được đến ba tháng.

Kỳ Phát nói:

- Rồi từ đấy...

Cúc gật đầu nói tiếp:

- Rồi từ đấy, tôi đâm ra nghĩ ngợi có ý sợ và...

- ... Và khinh ghét hết tất cả bọn đàn ông chúng tôi?

- Và ngày nay, hể nói đến chuyện hôn nhân thì tôi không muốn nghe chút nào nữa.

Kỳ Phát gật gù nói:

- Tôi không ngờ rằng một chuyện cách đây bảy năm trời mà còn làm cô có tư tưởng chán đời người đến thế!

Cúc giật mình hỏi:

- Cách đây bảy năm! Tại sao ông biết năm nay tôi mười bảy tuổi?

Kỳ Phát cười, trả lời:

- Tôi biết rõ thế là vì hồi hôm cụ nhà nói chuyện đến thằng Nghé tôi có để ý đến câu: “Cách đây đúng d sáu năm, ngày ấy cháu mới mười một tuổi”, mười một với sáu chẳng là mười bảy là gì.

Kỳ Phát lại nói tiếp:

- Ấy về nghề trinh thám thì chẳng có gì khó cả, miễn là cái mắt cái tai lúc nào cũng để ý là được. Ấy nhiều cái thoát tiên tưởng là khó hiểu chứ thực ra chẳng có gì là bí mật cả. Như câu tôi nói với thằng Nghé hôm qua...

Cúc tươi cười nói:

- Ủơ nhỉ, tôi muốn biết câu ấy là câu gì lắm!

Như muốn trêu Cúc, Phát chưa nói ngay mà nói dài giọng:

- Thấy cụ bảo: cách đây sáu năm nó đã đi biệt tích mới về được bảy, tám hôm nay. Vì sự liên tưởng, tôi sực nhớ ngay một tin vặt tôi vừa đọc ở báo mấy hôm trước. Đó là tin một tên cướp của đốt nhà bị án tám năm khổ sai vừa vượt ngục. So hình dạng thì giống thằng Nghé lắm, chỉ khác một chỗ là tên cướp kia bị bắt có bị tuần tráng đâm trúng một nhát vào má, mà má thằng Nghé không có cái sẹo

nào cả.

Cúc nói:

- Nhưng má nó có một lá cao dán, biết đâu...

Phát cười, gật đầu, nói:

- Chính tôi cũng nghĩ thế nên khi ra mặt chống cự lại nó, tôi cố ý tát nó một cái vào má, cùng chỗ lá cao để xem rằng chỗ má nó có mụn nhọt hay không.

- Có, tôi để ý khi ông tát, nó không ra dáng đau đớn gì cả.

Phát nói tiếp:

- Nhờ đó tôi biết chắc lá cao chẳng qua chỉ dùng để che giấu vết sẹo kia mà thôi. Biết thế, tôi bèn ghé tai mà dọa nó rằng: “Vừa vượt ngục ra, anh lại muốn vô khám lần nữa sao?” Nó chợt dạ thế là không dám làm dữ nữa.

Cúc nói:

- Sau khi nghe ông kể, thì câu nói kia không có gì là bí mật nữa. Hay là ở đời này không có gì là bí mật khó hiểu với ông?

Kỳ Phát ra dáng ngẫm nghĩ, chàng khẽ lắc đầu mà rằng:

- Không, ở đời này còn nhiều việc bí mật và khó hiểu lắm, cô ạ.

BA TRANG NHẬT KÝ CỦA KỲ PHÁT

6 *Février*: Ở đời chỉ có tình là khó hiểu, là bí mật hơn cả. Một vụ án mạng khó khăn, một vụ trộm cắp ly kỳ, nếu để ý tra xét rồi luận lý mà đoán thì còn có thể khám phá ra được, chứ về ái tình thì không làm sao mà hiểu rõ. Ta yêu Cúc rồi sao?

7 *Février*, 11 giờ đêm: Có lẽ ta yêu Cúc thực rồi. Ủ, về cái kho tàng chôn giấu kia, ta cứ việc cố công dò xét, nhưng vừa rồi ta lục lại hòm Cúc làm gì? Để thỏa ý tò mò, nhưng ta với Cúc có liên can gì mà ta săn sóc đến nàng thế? Ta đã yêu Cúc.

Tại sao? Ta không biết, ái tình là một điều bí mật mà.

Ta đã để ý xem chiếc đĩa, ta biên riêng ra một tờ cho rõ ràng.

Chiếc đĩa nhà họ Đặng

Bề cao: 42.

Đường kính: 235 ly.

Men trắng như hạt gạo nếp.

Mặt trên: chấm một lão tiều phu ngoảnh nhìn ánh mặt trăng lấp ló sau vòm cây cổ thụ. Đằng xa hai chiếc thuyền buồm và đàn chim bay về tổ. Cạnh đề hai câu thơ chữ Nôm, nét nguệch ngoạc, rất xấu:

“Đến Văn Lý sự mấy ai tay

Đông hai mươi bước thêm hai bước”

Một hàng chữ Nho: Đại Nguyên nguyên niên tạo.

Dưới nữa hai con dấu chữ triện.

Đề ý: Cần phải xem hai chữ triện ấy là chữ gì.

Đáng ngờ hai câu thơ chữ Nôm. Sao lại chữ Nôm?

8 Février: Ta mắc vòng tình ái thì không thể dò xét được mắt. Và lại Cúc có yêu ta đâu, có lẽ nàng chỉ phục ta thôi. Biết bao giờ cho cái cảnh tượng ghê gớm khi xưa xóa nhòa trong trí nhớ nàng được? Ta tin rằng từ cái trọng vì tài, đến cái yêu vì nét cũng không xa nhau là mấy. Ta cần phải làm sao cho nàng hết sức phục ta. Ta thế nào cũng phải tra xét cho ra cái kho tàng kia mới được. Kỳ Phát mà cũng biết yêu, lạ nhỉ?

Bốn ngành nhà họ Đặng:

Ngành thứ nhất - Đặng Vũ Lượng, góa vợ sớm, tính phúc hậu thực thà. Một người con gái: Đặng Thị Cúc, tính nét đáng yêu.

Ngành thứ hai - Đặng Thế Xương, tính vui vẻ mà thực thà. Con trai: Đặng Thế Thịnh, Đặng Thế Mỹ.

Đã lại chơi: sau khi nghe Vũ Lượng giới thiệu thì Thế Xương vui vẻ đưa ngay chiếc đĩa gia bảo cho ta xem.

Hình dáng chiếc đĩa này cũng y như chiếc thứ nhất, duy bức chạm có khác. Trên cây thợ vẽ lại chạm thêm một con khỉ đương ngồi nhìn lão tiều phu. Hai câu thơ đề thì khác hẳn. Vẫn nét chữ nguệch ngoạc, rất xấu.

“Bấy bước nên thơ đứng ngắm cây.

Tây một trăm giây, thẳng một dây.”

Phía dưới cũng vẫn mấy hàng chữ Nho và cái dấu triện kỳ khôi

khó hiểu.

Ngành thứ ba - Đặng Liên Ty người sắc sảo nhưng có thể tin cậy được. Ba con trai: Đặng Yên, Đặng Liên Ba, Đặng Liên Phúc. Một người con gái: Đặng Thị Bạch Liên. Chiếc đĩa của Liên Ty: giống hai chiếc của hai ngành trên. Bức vẽ thì khác hẳn: đằng xa, một dải núi xanh; phía bên phải, dưới cụm tre um tùm, vài chiếc nhà lá xiêu vẹo. Bên trái, đồng cỏ xanh rì, ba bốn nông phu đương cuốc ruộng. Trên đề hai câu thơ chữ Nôm:

*“Nguyệt lão giấu mình xoay tả hữu
Nằm sắp chịu đòn trăm sáu trượng.”*

Mặt dưới giống hai chiếc đĩa kia, cũng vẫn con dấu chữ triện kỳ khôi bí mật.

Ngành thứ tư - Đặng Bá Vy, ba vợ, không có một đứa con nào. Giàu nhất trong họ. Theo lời Vũ Lượng thì là một người giáo quyết gian trá không thể tin cậy được. Ba vợ hán đều ở nhà quê coi sóc ruộng nương thóc lúa. Hấn có một nhà riêng ở thành phố Nam Định, phố Cửu Long, số nhà... Vũ Lượng có gửi thư cho Bá Vy nói rõ đầu đuôi và ngỏ ý muốn mượn chiếc đĩa cổ. Cách ba hôm sau, Bá Vy có thư trả lời. Đây chép nguyên văn bức thư ấy:

“Nam Định, ngày...”

Tôi đã nhận được thư bác hôm qua, vội trả lời bác rồi:

Nếu cái kho tàng tưởng tượng kia có thực thì ý tôi miễn nghĩ bất tất phải nhờ đến người ngoài làm gì, mình biết bụng dạ họ thế nào, tôi chỉ sợ có nhiều điều rắc rối về sau. Ý riêng tôi thì chắc chẳng có của cải nào cả, chẳng qua anh chàng Kỳ Phát là một kẻ giang hồ cốt vẽ chuyện để xoay tiền mà thôi.

Nhưng đó là ý riêng của tôi, bác nghĩ chín rồi cứ phải mà làm. Có một điều là tôi không tin cái ảo mộng kia nên tôi không muốn dính dáng đến việc ấy. Bác có hỏi mượn chiếc đĩa thì không may quá, tôi vừa bị một mẻ trộm to (các báo đều có đăng tin này) mà chiếc đĩa cổ kia cũng bị kẻ trộm lấy rồi, còn đâu.

Nhân thể, tôi báo trước để các bác biết rằng: Kỳ tháng tám giỗ tổ nhà họ ta năm nay tôi không về được vì rằng tôi vừa được phép bỏ thầu một lô ruộng muối dưới mạn bể, công việc làm bận rộn đến hạ tuần tháng chín mới xong nên tôi phải luôn luôn ở trông nom dưới ấy.

Sau tôi có lời kính chúc bác và cháu Cúc được bình yên khỏe mạnh tôi mừng.

Kính thư,

Đặng Bá Vy.”

Đọc thư này nên để ý ba điều:

- Bá Vy có ý xúc xiểm không cho ta dò xét vụ này.
- Bá Vy mất trộm (đáng ngờ) chiếc đĩa cổ.
- Bá Vy năm nay không về giỗ tổ.

Tóm lại, Bá Vy là một người đáng chú ý nhất.

11 Février: Ta ở đây đã ngót nửa tháng trời rồi mà chưa tra xét thêm được chút nào cả. Một người si tình không có thể là một nhà trinh thám được. Mỗi lúc ta để ba chiếc đĩa ra mà ngắm nghía ngắm nghĩ, mong tìm được vài tia ánh sáng để rồi luận lý ra, thì óc ta lại vẩn vơ ở đâu đâu.

Ta luôn luôn nghĩ đến Cúc mà Cúc có yêu ta đâu. Một hôm ta

đánh bạo thú thực hết cùng nàng, những mong giải tỏa tấm lòng, nhưng nàng chỉ trả lời một câu làm ta thất vọng: “Anh Phát ạ, tôi không thể yêu anh được, vì cái tình yêu của tôi đã chết rồi. Đứng trước đàn ông tôi vẫn có ý nghĩ chán ghét thế nào...”

Ta thế nào cũng phải đoạt được tấm lòng Cúc nếu không ta là một người hèn lấm.

13 Février: Trước mặt ba chi nhà họ Đặng, ta đã quả quyết hẹn tìm ra cái kho tàng kia. Ta hẹn từ ngày hôm nay đến ngày giỗ Tổ họ Đặng, tức là ngày rằm tháng tám, ta sẽ đạt tới mục đích. Cả họ đều bằng lòng chia đều cho ta một phần cái kho tàng kia và tặng thêm ta bộ đĩa cổ nữa.

13 Février: 12 giờ đêm. Ta biết Cúc định sáng mai đi nhưng Cúc có vẻ lãnh đạm cùng ta vô cùng. Nàng có thể khinh tất cả giống đàn ông được nhưng ta không muốn nàng khinh ta. Một phần cái kho tàng kia, ta không cần, bộ đĩa kia ta không ham, ta chỉ muốn đoạt được tấm lòng yêu của Cúc mà thôi! Thế nào ta cũng phải tìm được ra cái kho tàng nhà họ Đặng, ta sẽ được luôn thể cái kho tàng quý báu độc nhất vô nhị ở trong đời là Cúc yêu dấu của ta.

Ta ngờ rằng: Bá Vy đã biết ít nhiều manh mối về vụ này. Việc thứ nhất ta làm là tìm ra chiếc đĩa cổ thứ tư.

KỲ PHÁT BỊ GIAM

9 giờ đêm. Đã ba, bốn hôm nay trời mưa dầm, gió lạnh. Vì thế tuy còn sớm mà thành phố Nam Định im lặng như tờ. Ngã tư Cửa Đông, dưới chiếc tán bằng xi măng cốt sắt, thầy cảnh sát ẩn mình trong chiếc áo tơi vải sơn, y như có vẻ buồn chán về phố xá tẻ ngắt, người qua lại thưa thớt, đợi đến nửa giờ cũng không có lấy một chiếc ô tô đi qua mặt.

Phố Bến Nước lại càng buồn hơn nữa. Trông xa tít về mạn bên tàu, mấy chục ngọn đèn điện đứng chờ vờ bên vệ đường nhựa bóng nhoáng như sơn. Dưới mấy chiếc ao tù trong đám sen Nhật Bản, lũ ếch ương thi nhau ì ọp...

Lũn thui từ đằng xa một chú khách già, vai khoác chiếc hòm tây sắt, đi lại. Vai so, da mặt xanh xám, thỉnh thoảng chú lại rao phá sa, phá sa bằng một giọng rè rè, rõ là tiếng một tay cự phách trong làng dân bẹp.

Đến đầu phố Carreau*, chú đi chậm bước lại dưới ánh đèn 100 nến ngay góc phố, hai mắt chú càng có vẻ thâm quầng sâu lõm. Hiệu tạp hóa khách lớn nhất thành Nam ngay đầu phố lúc ấy cũng bắt đầu đóng cửa. Trong một hiệu cao lâu anh hầu sáng vắng khách đương ngáp dài bên những treo thịt bò, lạp xường, hành ớt, tuy rằng lúc ấy ở ngay trên gác, tiếng lạch cạch của bàn mạt chược đang vui vẻ đánh. Qua hiệu sách giữa phố, chú khách bán lạp rang khế liếc

mắt nhìn chiếc đồng hồ treo trên tường về phía bên tay phải. Trong hiệu mấy cô bé con đương đùa nghịch nhau bên chồng báo chí, tiếng cười nói lẫn với khúc phong cầm gian trong đưa ra.

Chú khách khế nói:

- Hà ma, mới có 9 giờ 35!

Qua phố Carreau, chú rẽ sang Hàng Thiếc. Đi được độ năm, sáu bước, chú đứng dừng lại, núp dưới hiên một nhà bỏ trống, trên cửa có dán giấy cho thuê. Trông trước, trông sau chú bỗng rút chìa khóa trong túi ra, mở khóa cửa, lẩn vào trong nhà. Chú đóng trái cửa lại rồi se sẽ bước lẩn lên thang gác. Đến bên trước cửa sổ nhìn về phía đằng sau, chú chăm chú nhìn sang gác căn nhà đối diện quay mặt về phố cửa Đông. Trong cửa kính một bóng người qua lại. Chú nhìn một hồi lâu rồi lẩm bẩm:

- Cóc khô! Cóc khô! Sao cái đêm nay lâu thế!

Chú vén tay áo nhìn giờ chiếc đồng hồ đeo tay, ngoảnh lên, ánh đèn trước nhà đối diện đã tắt tự lúc nào. Chú xoa tay cười một mình mà rằng:

- Mình tưởng dễ nó không đi chắc. Nhưng còn kịp chán, chuyển xe lửa đêm tốc hành trong Thanh ra 10 giờ 8 phút mới chạy cơ mà!

Đợi trong dăm phút nữa, chú mở cửa ra sân gác rồi nhanh nhẹn theo bờ tường, trèo sang nhà đối diện. Rút chiếc đèn bấm trong túi ra, chú soi lỗ khóa lúi húi trong giây lát, chú đã mở được cửa mà vào trong gác. Đàng hoàng, chú với tay lên tường bật đèn. Khác hẳn cử chỉ chậm chạp lúc còn đi trong phố, bây giờ chú có vẻ nhanh nhẹn lạ thường. Vội vàng, chú lục hết ngăn kéo này sang ngăn kéo khác, gặp nhiều tập giấy chú chịu khó giờ xem từng tờ rồi ở đâu lại

xếp gọn vào đấy. Mở một chiếc ngăn tủ, chú rút ra hai ba tập giấy bạc. Chú bấu môi ra dáng khinh bỉ rồi vắt trả, khóa lại tủ tế. Mở chiếc tủ búp-phê, chú có ý xem xét kỹ lưỡng từng chiếc đĩa. Chú lẩm bẩm:

- Cóc khô! Không biết thằng cha giấu đâu mà kỹ thế.

Một tiếng động dưới nhà làm cho chú vội vàng tắt điện. Tiếng giày lộp cộp bước lên thang gác. Đèn điện bật. Một người trạc ba mươi tuổi, to lớn ngơ ngác nhìn quanh phòng. Hắn đến bên bàn giấy rồi nhìn mấy chồng sách, mấy chiếc ngăn kéo rồi mỉm cười. Cởi chiếc áo ba-đờ-suy vắt lên mắc, hắn xoa tay ra dáng khoái chí lắm. Tên khách bí mật lúc nãy đã biến đâu mất! Có lẽ nghĩ thế nên hắn mở cửa sổ ngoảnh nhìn ra phía ngoài. Mở tủ lấy ra chiếc đèn đun nước, hắn cắm điện đun nước rồi bày ra bàn hai cốc cà phê, một đĩa đựng đường bằng bạc, một hộp sữa bò đặc.

Rút thuốc lá ra châm hút, hắn ung dung ngồi đợi, mấy ngón tay gõ nhịp xuống bàn. Nước trong ấm đã bắt đầu sôi. Hắn bỗng nói:

- Nào ông khách quý của tôi đâu? Mời ông ra xơi với tôi một cốc cà phê nóng!

Vừa nói, hắn vừa đến bên chiếc tủ áo đứng giơ tay khế gỗ.

Trong tủ, một tiếng người vui vẻ nói ra.

- Entrez!

Hai cánh cửa tủ mở, chú khách bước ra. Chú giơ tay bắt tay người to lớn và nói:

- Ông Bá Vy, tôi rất lấy làm hân hạnh được gặp ông. Tôi xin tự giới thiệu...

Người to lớn nói:

- Bất tất giới thiệu, tôi vẫn nghe danh Kỳ Phát, bây giờ mới được gặp mặt. Mời ông ngồi chơi, bận sau ông lại có gặp tôi đi vắng, xin ông cứ mở cửa dưới nhà mà vào tự nhiên cho!

Kỳ Phát - phải, chính tên khách già bán lạc rang là Kỳ Phát trá hình - cũng cười mà rằng:

- Vâng được phép ông, bận sau có dịp tôi sẽ lại chơi luôn. Bây giờ ông hãy cho tôi xem chậu nước để rửa mặt, kéo chất collodion tuy làm được thành những vết nhăn trên trán nhưng nó co da lại, khó chịu lắm.

Nói xong, Kỳ Phát lại bàn rửa mặt, mở nước rửa. Chàng xoa xà phòng, vừa quay lại bảo Bá Vy rằng:

- Ông nhận ngay được ra tôi, thế mới biết nghề trá hình của tôi còn vụng về lắm lắm.

Bá Vy thú thực:

- Không, ông trá hình giỏi lắm, tôi thực không nhận được, nhưng tôi đoán chỉ có ông mà thôi.

Kỳ Phát rửa mặt xong thì nước vừa sôi, Bá Vy pha cà phê, ân cần mời Kỳ Phát:

- Ông xơi đường hay xơi sữa?

- Vâng, ông để mặc tôi, hai miếng là đủ, tính tôi không thích ngọt.

- Tôi quen thói mất rồi, tối đến không có cốc cà phê sữa thì không chịu được.

Hai người thù địch ngồi đối diện nhau nói toàn những câu khách sáo. Kỳ Phát lúc đó có cảm tưởng vừa bắt tay một võ sĩ trên đài, hai bên tuy cùng cười nói nhưng trong bụng đã rắp lát nữa sẽ cho nhau

những quả đấm rất hiểm rất đau.

Kỳ Phát bỗng dẫn mạnh chiếc cốc lên bàn rồi nói:

- Bất tất chúng ta phải giữ miếng nhau mãi nữa, ta nói thẳng ngay là hơn. Ông Bá Vy, tôi muốn xem chiếc đĩa cổ.

- Tôi bị trộm lấy mất rồi!

- Ông bất tất phải nói dối, tôi biết chắc rằng chiếc đĩa ấy còn ở trong nhà này, cũng như tôi biết rõ rằng: ông đã hơi biết manh mối về kho tàng kia!

Bá Vy ra dáng khinh bỉ, mỉm cười:

- Ông đã biết chắc thế thì từ lúc nấy đến giờ sao ông không lục tìm cho ra có được không. Trước tôi tưởng ông cũng vào hạng giỏi giang hơn thế này cơ đấy! Ông đánh một dây thép giả làm người gọi tôi lên Hà Nội có việc cần, nhưng từ lúc bắt đầu xe hỏa chạy thì tôi nóng ruột lạ thường. Tôi ngờ đó là một kế “điều hổ ly sơn” của ông. Thực vậy, đến ga Đặng Xá tôi quả quyết xuống thuê xe về, quả nhiên bắt gặp ông đang lục lọi ở nhà tôi. Ông Kỳ Phát, thủ đoạn của ông chỉ là thủ đoạn của một tên trèo tường khoét vách mà thôi.

Dưới lời mỉa mai của Bá Vy, Kỳ Phát ung dung trả lời:

- Bây giờ ông nói tôi mới rõ, trước tôi cứ tưởng rằng quên lời tổ phụ định chiếm đoạt riêng một mình của cải của ông cha để lại mới là quân ăn cướp cơ đấy.

Như không nén được cơn giận, Bá Vy vùng đứng dậy. Nhanh như cắt Kỳ Phát đã giơ tay đấm chéo vào quai hàm Bá Vy làm cho hắn bị ngã ngất quay xuống sàn.

Nhưng hai bàn tay to lớn bỗng ôm chặt lấy Kỳ Phát. Ngoảnh nhìn

lại, chàng nhận ra thằng Nghé. Vùng vẫy, chàng cố vật lộn cùng thằng tù vượt ngục. Giây lát, thắng thế, chàng đã đè được đầu gối lên ngực thằng Nghé nhưng Bá Vy, lúc đó đã hồi tỉnh, thừa cơ hội, vớ lấy chiếc ba toong giơ thẳng cánh nện vào đầu Kỳ Phát. Bị đau, chàng trình thám trẻ tuổi ngã xuống, bất tỉnh nhân sự.

Tới lúc tỉnh dậy, chàng đã thấy mình bị nhốt vào trong một chiếc buồng chật hẹp. Bốn bề đều kín mít như bưng, buồng chỉ có mỗi một lỗ trống bằng hai bàn tay. Bá Vy đứng ngoài nói vọng vào:

- Ông Kỳ Phát, tôi xin lỗi ông nhé. Nhà tôi chỉ có mỗi chiếc buồng tối nguyên để rửa ảnh này là tiện tiếp ông thôi! Nếu ông thấy bó cổ quá, muốn ra thì chỉ việc lấy danh dự mà hứa với tôi rằng: “Ra khỏi đây ông sẽ bỏ không theo đuổi việc nhà họ Đặng” là lập tức tôi để ông tự do ngay. Ông hứa đi, tôi tin lời ông lắm.

Kỳ Phát vui vẻ trả lời:

- Xin cảm ơn ông. Cũng như ông quen uống cà phê sữa buổi tối, tôi có thói hể đã dúng tay vào việc gì thì dù sao cũng không chịu bỏ dở dang.

- Vậy tôi bắt buộc phải nhốt ông ở đây suốt đến ngày 17 tháng tám, vì hôm đó, kho tàng kia sẽ về tay tôi rồi. Ông đừng hòng trốn, buồng này kín cả, chỉ có mỗi một cửa thì bằng lim chắc lắm. Nếu ông kêu, thằng Nghé là tên tử thù của ông đứng gác ông sẽ dùng khẩu súng bắn chim tôi giao cho nó mà kết liễu đời ông bằng một phát đạn ghém.

Kỳ Phát cười vang mà rằng:

- Ông làm, việc gì tôi phải trốn, phải kêu, tôi muốn ra khỏi đây lúc nào chẳng được! Tôi hiện đang cần chỗ tĩnh vì tôi đang có việc nghĩ, nếu tôi bông lông ở ngoài thì tôi lại nghĩ vợ vẫn không sao dò la manh mối được. Vì thế nên tôi xin cảm ơn ông mà nhận thuê căn phòng này trong một tháng. Phải, ông Bá Vy ạ, chỉ trong một tháng, vì hôm nay là 15 tháng hai tây - đến 15 tháng ba tôi sẽ không thuê buồng ông nữa. Tôi cần phải ra vì khi đó chắc tôi nằm đã nghĩ ra manh mối vụ này, vả lại, đến trung tuần tháng ba, trời bắt đầu sang hè, ở cái buồng chật hẹp này sao được hợp vệ sinh, ông nhỉ!

Chẳng muốn nghe lời giễu cợt của Kỳ Phát, Bá Vy tức tối quay đi... Kỳ Phát cả cười, chạy đến bên lỗ trống gọi với:

- Ông Bá Vy ơi! Ông nhớ dặn đầu bếp nhá: sáng tôi quen ăn 11 giờ, chiều 6 giờ, ông đừng bày vẽ gì cả, ông nhớ bảo nó: tôi không biết ăn thịt bò, rất ghét cá, hai món thích nhất là trứng tráng và giò lụa.

Bá Vy đã đi xa, Kỳ Phát cười, vào nằm lên trên chiếc ghế vải, lim dim đôi mắt. Chàng ngủ quên lúc nào không biết, đến lúc tỉnh dậy đã thấy đĩa trên chiếc án con, cạnh lỗ hồng, bữa cơm chiều: một đĩa tây cơm nóng, một bát canh, bốn món xào tươm tất ngon lành.

Rồi hết ngày này sang ngày khác, Kỳ Phát chỉ hết ngủ lại hút thuốc lá, lấy giấy bút vẽ, viết... Thấm thoát đã được 25 ngày. Một điều mà Kỳ Phát phải thú nhận là Bá Vy tuy có dã tâm giam cầm chàng nhưng về các thứ cần dùng và cơm nước ăn uống thì thực là chu đáo. Sau khi ăn cơm xong và tráng miệng bằng quả táo tây, Kỳ Phát ghé lỗ hồng mà bảo rằng:

- Nay Nghe, tôi cảm ơn ông nhá, tại trời bức lắm rồi, chứ được

anh hầu hạ tử tế thế này tôi không muốn đi một chút nào cả! Còn có bốn, năm hôm nữa tôi đã phải xa anh rồi.

Rồi bữa cơm nào cũng thế, sau khi ăn tráng miệng Kỳ Phát lại làm ra vẻ buồn rầu bịn rịn mà từ biệt thằng Nghé, làm cho thằng này trước còn cho là câu nói đùa sau cũng đem lòng ngờ vực...

Sáng hôm rằm tháng ba tây, thằng Nghé theo lệ thường đưa bữa cơm qua lỗ hồng. Hai mươi phút sau, nó lại toan dọn đi thì lạ chưa các món ăn đều còn để nguyên vị cả. Ngạc nhiên, nó ghé mắt qua lỗ hồng nhòm vào thì nó bỗng thất kinh, trong buồng không có một ai, trên chiếc ghế vải, để trên chiếc khăn xếp gọn, có một tập giấy bạc, gài vào một lá thư. Hoảng hốt, thằng Nghé mở khóa đẩy cửa vào, nó đọc lá thư thấy mấy chữ:

“Ông Bá Vy,

Y hẹn, tôi xin trao lại ông 15 đồng là tiền cơm trọ. Xin lỗi ông, khi đi không có lời chào ông được. Kỳ Phát.

Tái bút - Đây tất cả 17 đồng. Hai đồng thừa là tiền tôi cho riêng thằng Nghé mua diêm thuốc. K.P.”

Thằng Nghé đút vội tập giấy bạc vào túi áo trong rồi chạy ra đánh dây thép báo tin cho chủ vì lúc đó Bá Vy đang ở chơi ở huyện Hải Hậu. Có một điều đáng để ý mà thằng Nghé trong lúc hoảng hốt không trông thấy là trên án tụy các món ăn còn nguyên, nhưng đĩa cơm thì biến đi đâu mất!

CHƯƠNG 6

NGÀY GIỖ TỔ

Ra khỏi nhà Bá Vy, việc thứ nhất của Kỳ Phát là lên hiệu cao lâu, vì bữa sáng chàng chưa có một hột nào vào bụng cả. Luôn bốn, năm hôm sau, người ta thấy chàng ở Hà Nội, mỗi ngày hai buổi vào Trung ương thư viện xem sách. Rồi người ta thấy mặt hút chàng mấy tháng sau.

Mãi tới hôm 14 tháng tám, vào khoảng 4, 5 giờ chiều, ta mới lại thấy chàng, mồm thối sáo, đạp xe đạp từ Tân Đệ về Thẩm. Tới nhà ông Cả Lượng, chàng đẩy liếp bước vào trong nhà, Cúc đang ngồi nhặt đậu hòa lan trong sân thấy động ngoảnh ra, sau khi nhận ra Kỳ Phát thì nàng lộ vẻ vui mừng vô hạn. Kỳ Phát dựa xe đạp vào tường rồi nói:

- Cúc trông tôi khác lắm sao! Có lẽ tôi đen hơn trước nhiều thì phải vì đi nắng và bị rám gió bể. Ông nhà đi đâu vắng?

- Thầy tôi đi Tân Đệ sáng nay để mời các chú tôi về giỗ tổ. Thế nào, lời anh hẹn hồi đầu năm liệu có thành sự thực được không?

Kỳ Phát cười nói:

- Nếu tôi nói sai lời thì đâu lại dám vác mặt tới đây ngày hôm nay. Khi đã hứa thì Kỳ Phát bao giờ cũng giữ lời. Nhưng, nhưng còn việc kia hử Cúc đã nghĩ lại rồi chứ?

Cúc cũng cười mà rằng:

- Anh bắt tất phải nhắc lại, cũng như Kỳ Phát, bao giờ Cúc cũng giữ lời hứa. Tôi đã từng nói với anh nhiều lần, tôi sẽ không yêu ai bao giờ...

Tiếng xe xích đu ngoài cửa, làm đứt quãng câu chuyện của hai người. Thoáng trông thấy Kỳ Phát, Vũ Lượng hớn hờ đi vào, theo sau là Thế Xương và Liên Ty. Mấy người đều hỏi dồn Kỳ Phát về tin tức cái kho tàng kia nhưng chàng chỉ nói mập mờ, sau cùng chàng bảo:

- Tôi đã hẹn đến hôm rằm thì xin để đúng ngày mai tôi sẽ nói. Có một điều cần nói với các ông trước là ngày mai nên sửa lễ và cúng sớm thì hơn.

Tối hôm đó, trừ bọn người nhà rối rít về cỗ bàn, ba anh em nhà họ Đặng không một ai nhắm mắt. Sáng tinh sương hôm sau người nhà đã bày cúng. Sau khi hạ lễ ăn uống, trông đồng hồ mới ngót tám giờ... Kỳ Phát ra hiệu gọi ba anh em họ Đặng sang gian bên, đóng trái cửa lại rồi nói rằng:

- Tôi đã hẹn đến hôm nay sẽ nói rõ về cái kho tàng kia, vậy nay xin giữ lời hứa. Các ông nhìn bốn chiếc đĩa cổ để trên bàn này...

Ba người kia đều ngơ ngác hỏi:

- Cái đĩa Bá Vy sao lại ở đây, Bá Vy đưa cho ông hồi nào?

Kỳ Phát nói:

- Cái điều ấy chưa cần biết bây giờ. Tôi xin nói tiếp, các ông hãy nhìn kỹ bốn chiếc đĩa cổ xem có những cái gì lạ, đáng chú ý nhất.

Vũ Lượng nói:

- Tôi chỉ lạ sao những câu thơ đề ý nghĩa mờ mịt chẳng ra làm

sao cả!

Thế Xương nói tiếp:

- Mà lời thơ lại không có liên tục gì với bức chấm nữa.

Liên Ty nói:

- Tôi vẫn chưa hiểu tại sao những đĩa này làm ở bên Tàu mà thơ lại viết chữ Nôm.

Kỳ Phát gật đầu nói:

- Chính tôi cũng đã để ý đến những điều ấy, nhất là đến câu hỏi của ông Liên Ty. Ngoài ra tôi lại còn để ý đến phía dưới chiếc đĩa có hai dấu triện kỳ khôi bí mật. Thoạt tiên ta hãy nói về những câu thơ. Đọc liền tất cả thì được một bài như sau này:

Đến Văn Lý sự mấy ai tày

Đông hai mươi bước thêm hai bước

Bảy bước nên thơ đứng ngắm cây.

Tây một trăm giây, thẳng một dây.

Nguyệt lão giấu mình xoay tả hữu

Nằm sắp chịu đòn trăm sáu trượng

Công hầu mở mặt chạy Đông Tây.

Kho tàng đâu thấy, thấy trên mây!

Liên Ty nói:

- Trong tám câu, chỉ có mỗi câu cuối cùng là có liên lạc với việc chúng ta đang dò xét mà thôi.

Kỳ Phát nói:

- Phải, các ông đã nghe rõ chưa, tám câu, nghĩa là một bài thơ

bát cú!

Thế Xương nói tiếp:

- Một bài thơ bát cú không có vần, có luật nào cả!

Kỳ Phát cãi:

- Sao lại không có vần, còn nó chưa có luật thì ta đặt lại đúng chứ sao. Bây giờ tôi hãy bày bốn chiếc đĩa theo thứ tự từng ngành một, rồi tôi bắt đầu đọc vòng tròn mỗi chiếc đĩa một câu, hết vòng tôi lại bắt đầu đọc những câu thứ hai...

Thế Xương nói đùa:

- Ông làm như một bài “chức cảm hồi văn”!

Kỳ Phát nghiêm sắc mặt nói:

- Mà thực vậy, đây các ông nghe:

Đến Văn Lý sự mấy ai tày

Bảy bước nên thơ đứng ngắm cây.

Nguyệt lão giấu mình xoay tả hữu

Công hầu mở mặt chạy Đông Tây.

Đông hai mươi bước thêm hai bước

Tây một trăm giây, thẳng một dây.

Nằm sắp chịu đòn trăm sáu trượng

Kho tàng đâu thấy, thấy trên mây!

- Bây giờ đúng là một bài thơ bát cú.

Vũ Lượng nói:

- Ông Kỳ Phát đoán đúng, vì hai câu tam tứ, và ngũ lục đều có đối hần hoi.

Thế Xương nói:

- Nhưng bài thơ ấy vẫn không có nghĩa lý gì cả!

Kỳ Phát quắc mắt nhìn Thế Xương rồi hỏi:

- Ông tưởng vậy ư? Thế thì ông làm. Đặt bài thơ lại thế, thi bây giờ lại hợp vào những bức chằm lằm rồi.

Liên Ty hỏi:

- Nhưng sao lại thơ chữ Nôm?

Kỳ Phát nói:

- Chữ Nôm lằm chứ, vì ông cụ tổ chẳng là người Việt Nam ta sao?

Liên Ty lật úp một chiếc đĩa xuống rồi hỏi:

- Nhưng ông đã đọc được hai dấu triện này chưa?

Kỳ Phát hỏi lại:

- Như ý các ông thì là thứ chữ gì?

Cả ba người đều ngấm nghĩa hai dấu triện mà ngấm nghĩ.

Liên Ty nói:

- Cứ trông hai chữ này thì chữ đầu có lẽ là lỗi chữ Phạn!

Thế Xương cũng cười, nói đùa tiếp:

- Mà chữ thứ nhì có lẽ là chữ Tây!

Vũ Lượng nghiêm nét mặt nói:

- Tính ông chỉ hay nói đùa, thời bây giờ làm gì có chữ Tây!

Kỳ Phát nói:

- Không, ông Thế Xương nói đúng đấy, hai chữ ấy chính là chữ Tây. Chữ đầu là chữ M, chữ sau là chữ Polo, M. Polo, chính là

Marco Polo.

Ba anh em nhà họ Đặng đều ngạc nhiên nói:

- Ông nói tôi vẫn chưa hiểu đấy!

Kỳ Phát nói:

- Thoạt tiên tôi cũng không hiểu như các ông, về sau chịu khó tra khảo về lịch sử nên mới hiểu rõ được M. Polo, chính là Marco Polo!

MỘT CHÚT VỀ LỊCH SỬ

Năm 1257, Hốt Tất Liệt lên ngôi vua Mông Cổ. Sau khi cải cách theo dân Trung Hoa, Hốt Tất Liệt dời đô Kakoroum về Bắc Kinh lấy tên là Chitson mà đặt niên hiệu là Đại Nguyên. Sau khi thành chúa tể đất Trung Hoa, Khan Koubilai kiểm cách chinh phục lại những nước chư hầu, nhất là bốn quận Giao Chỉ, Chàm, Cao Miên và Miến Điện (1279)*.

Theo một sách khác* thì chép như sau:

Đến năm Tân Mùi (1271) vua Mông Cổ là Hốt Tất Liệt cải Quốc hiệu là Đại Nguyên (Tai Yun) rồi cho sứ sang dụ. Thánh Tôn cáo bệnh không đi.

... Đến năm Ất Hợi (1275), Trần Thánh Tôn cho sứ sang Tàu nói rằng: “Nước Nam không phải là Mường Mán mà đặt quan Giám thị, xin đổi quan Đại lý Hoa xích làm quan Dẫn tiến sứ. Vua nhà Nguyên thấy dụng mưu không được, quyết ý cử binh sang đánh nước Nam.”

Nhưng hồi đó Khâm mạng Trần Thánh Tôn sang Tàu là ai. Trong cuốn Hưng Đạo Đại Vương* có chép rằng:

“Đời vua Trần Thánh Tôn, nước Mông Cổ sai sứ sang nước ta, vua nhận chiếu không bái mạng và không trọng đãi sứ thần, vua Mông Cổ viết thư bắt lỗi, Thánh Tôn sai Lê Đà và Đinh Cung Viên sang sứ Mông Cổ để biện bác.

... Lê Đà, Đinh Cử Viên sang đến triều đình Mông Cổ, vua Mông Cổ mắng rằng:

- Các người là sứ thần Nam Man có phải không?

Lê Đà, Đinh Cử Viên tâu rằng:

- Tâu thiên triều Hoàng đế, mọi rợ mới gọi là Man. Nước chúng tôi là Văn Hiến, không tranh bờ lán cõi nước nào, mà cũng không hà hiếp ai, không gọi là Man được. Chúng tôi là sứ thần Nam Quốc chứ không phải là sứ thần Nam Man.

Vua Mông Cổ thấy nói có ý xỏ xiên, tức giận quát rằng:

- Nam chúa nhà các người không biết sức mình, làm sao dám ngạo nghễ với Thiên triều?

- Chúa chúng tôi cũng chịu Thiên triều là to lớn hơn mới cống hiến, sao gọi là ngạo nghễ?

- Vậy chứ sao chiếu thư đến không lạy mà lại không trọng sứ thần?

- Lễ bái chẳng qua là hư văn che mắt thế gian ở ngoài, Chúa chúng tôi kính trọng Thiên triều là cốt trong lòng. Thiên triều nếu xử nhân đạo với ngoại quốc thì dù chẳng giữ lễ nhưng vẫn kính trọng muôn phần; nếu không có bụng kính trọng thì cho bày hương án, áo mũ lễ thì thục cũng chẳng ra gì. Còn sứ thần chẳng qua là một người của Thiên triều sai sang, bệ hạ là vua một nước lớn, chúa tôi cũng là vua một nước nhỏ, có chịu thì chỉ chịu kém bệ hạ mà thôi, có lẽ đâu lại chịu kém cả thầy tớ của Thiên triều.

Vua Mông Cổ hàm hàm quát rằng:

- Quân ta đi đến đâu tan đến đấy, chỉ sông sông cạn, chỉ núi núi

tan, chúng bay có biết không?

Đinh Cử Viên tâu rằng:

- Hoàng Đế đem nhân nghĩa mà trị Thiên hạ thì ai chẳng kính phục; nếu chỉ cậy binh hùng tướng dũng thì nước nào chẳng có binh có tướng, có sông núi hiểm trở. Nước chúng tôi tuy nhỏ mọn cũng xin ra tiếp ứng quân của Thiên triều!

Vua Mông Cổ thấy sứ thần đối đáp trôi chảy rất lấy làm kính phục bèn cho hai người ra sứ quán nghỉ ngơi và trọng thưởng vàng bạc, châu báu không biết bao nhiêu mà kể...”

Liên Ty ngắt lời Kỳ Phát hỏi:

- Tôi vẫn chưa thấy ông nói đến Marco Polo?

Kỳ Phát nói tiếp:

- Trong sử có chép rằng: Hốt Tất Liệt có giao dịch với Marco Polo là một nhà phiêu lưu đại danh, Marco Polo là người có công giúp cố đạo truyền bá đạo Gia tô trong nước Trung Hoa.

- Vậy thì...

- Theo ý tôi đoán thì Đinh Cử Viên chính là ông tổ nhà họ Đặng.

Thế Xương bẻ:

- Tôi không hiểu cái chỗ ông họ Đinh lại làm tổ một nhà họ Đặng được!

Kỳ Phát cười trả lời:

- Ông bẻ rất có lý, nhưng hiện giờ ông hãy chịu khó tin rằng: Đinh Cử Viên chính là tổ nhà họ Đặng, còn tại sao, sau này tôi sẽ nói ông nghe.

Rồi Kỳ Phát tiếp:

- Đinh Cửng Viên được nhiều châu báu quá, đã dự tính ngay rằng khi về nước sẽ chôn giấu ở một nơi nào cốt để truyền lại cho con cháu đời sau.

Chắc vì một cơ bất ngờ, Đinh Cửng Viên và Marco Polo gặp nhau, Cửng Viên ngỏ ý mình cho Polo biết, thì Polo có bày cách và vẽ một cái bản dự tính giúp Cửng Viên. Viên bèn làm một bài thơ thay tờ di chúc để chỉ chỗ chôn của, rồi thuê một lò sứ bên Tàu làm bốn chiếc đĩa và chứa tám câu thơ vào đấy. Marco Polo có sẵn sóc đến thơ khi nặn những đĩa này, nên theo lời Polo thợ sứ Tàu có chứa tên Polo xuống dưới mỗi chiếc đĩa để làm kỷ niệm về sau.

CHƯƠNG 8

NGÔI MỘ CỔ

Trên đường Hải Hậu, Văn Lý - Chợ Cồn, một chiếc xe hơi trong có ba anh em họ Đặng và Kỳ Phát bon bon chạy trên đường đá. Tới Văn Lý trời đã khuya, khoảng 8, 9 giờ đêm. Ánh trăng rằm tháng tám đã bắt đầu soi sáng vào những thửa ruộng muối trắng tinh trông như mặt thủy. Trong làng trẻ con họp nhau rước đèn. Trên con đường ngõ ngoằn ngoèo uốn khúc, ánh đèn xếp và đèn thềm thừ lấp ló sau rặng tre xanh. Tiếng gõ vào chiếc dây thép trắng trên chiếc thùng sắt tây hòa lẫn với tiếng hát trống quân của đôi bên nam nữ thỉnh thoảng lại bị át mất dưới tiếng trống và tiếng thanh la của bọn múa sư tử đi qua.

Chiếc xe hơi bỗng đỗ. Bốn bốn người bước xuống và cùng đi về phía bãi biển. Ba anh em họ Đặng đều lẳng lặng đi theo Kỳ Phát, không ai nói năng một câu gì.

Ngoài bãi gió thổi ào ào, tiếng sóng bể âm âm dữ dội. Chị Hằng tròn xoe lơ lửng trên cao như đứng ngắm nhìn những làn sóng bạc đầu, óng ánh dạt dào trông như một đàn rồng trắng uốn khúc, đua nhau chạy vào trong bãi cát. Kỳ Phát vén tay áo xem giờ rồi quay lại bảo ba anh em họ Đặng:

- 10 giờ rưỡi. Các ông trông đằng trước có thấy cái cây cổ thụ rườm rà đứng chơ vơ kia không? Ta đến đấy thì vừa đúng 11 giờ.

Cả bốn bốn người rảo bước, một lúc sau đã đến gốc cây, Liên Ty

trông ngắm rồi nói:

- Cây quéo này có lẽ đã sống trăm năm dư.

Kỳ Phát gật đầu trả lời:

- Ông nói có lẽ nhưng lát nữa ta hãy nói chuyện, bây giờ chúng ta hãy ngồi dưới gốc cây ăn uống thưởng nguyệt trung thu đã.

Nói xong chàng vui vẻ mở va ly rải xuống đất một chiếc khăn vải sơn, rồi bày ra nào bánh mặt trăng, bánh nướng, xôi, thịt gà, lại có cả một chai rượu Mai quế lộ nữa. Bốn người ăn uống chuyện trò vui vẻ; ba anh em nhà họ Đặng được ngắm vũ trụ bao la, gió mát trăng thanh hầu như đã quên mục đích của bọn bốn người là đi tìm cái kho tàng ông cha khi xưa để lại. Riêng một mình Kỳ Phát thì như có ý trông đợi một việc gì, chàng thỉnh thoảng lại vén tay áo xem giờ.

Chàng bỗng tự nhiên nói:

- Uống rượu trông trăng không có thơ không thú, để tôi xin đọc một bài các ông nghe.

Rồi chàng háng giọng, ngâm to bài thơ bát cú:

Đến Văn Lý sự mấy ai tày

Bảy bước nên thơ đứng ngắm cây.

Nguyệt lão giấu mình xoay tả hữu

Công hầu mở mặt chạy Đông Tây.

Đông hai mươi bước thêm hai bước

Tây một trăm giây, thẳng một dây.

Nằm sắp chịu đòn trăm sáu trượng

Kho tàng đâu thấy, thấy trên mây!

- Tôi hiểu rồi “Đến Văn Lý”, đây chẳng là bãi bể Văn Lý là gì?

Kỳ Phát cười bảo:

- Mà có cả chị “Nguyệt” và cây nữa!

Xem đồng hồ, chàng nói tiếp:

- 12 giờ đúng, thôi bây giờ ta làm việc. Các ông để tôi đóng vai Tào Tử Kiến bầy bước nên thơ!

Vừa nói chàng vừa đứng dậy đi xa phía gốc cây bầy bước rồi chàng đứng lại. Ba anh em họ Đặng đều theo đến bên Kỳ Phát. Chàng trình thám trẻ tuổi chỉ lên trên cây mà bảo ba người rằng:

- Các ông “đứng ngắm cây” xem có thấy gì lạ không?

Liên Ty nói:

- Tôi để ý trăng bây giờ bị lấp sau thân cây.

Kỳ Phát nói:

- Đó là “Nguyệt giấu mình”. Ngay chỗ bóng trăng bị lấp có hai cành cây đâm ra hai bên, hai bên “tả hữu”, các ông hiểu chưa? Các ông hãy nhận kỹ lấy hai cành cây ấy.

Kỳ Phát chạy lại gốc, cởi áo ngoài rồi leo lên thoăn thoắt. Đến chạc hai cành cây ấy thì chàng ngồi nghỉ rồi leo ra một cành.

Liên Ty ở dưới lăm lăm:

- Phải rồi, cành bên Đông và cành bên Tây.

Ra đến đầu cành, Kỳ Phát rút trong túi ra chùm chìa khóa buộc vào một sợi dây dài rồi dòng xuống. Kỳ Phát lúc bấy giờ trông có vẻ như một bác thợ nề đương so dây “quả dọi”. Chùm chìa khóa gần chấm đất thì Liên Ty lấy một chiếc que cắm xuống đất làm đích đánh dấu. Kỳ Phát lại trèo sang cành cây thứ hai, rồi cũng dòng chùm chìa khóa xuống, Liên Ty lại lấy que đánh dấu.

Ra dáng ngẫm nghĩ, Liên Ty đếm từ chỗ đích thứ nhất bước về phía đông hai mươi hai bước. Lúc đó, Kỳ Phát đã xuống tới đất. Chàng nhìn theo Liên Ty và mỉm cười, Liên Ty bước đủ hai mươi hai bước thì dừng lại, lấy mũi giày gạch xuống đất một dấu chữ thập rồi đứng thẩn người ra bắn khoăn nghĩ ngợi.

Kỳ Phát cả cười hỏi:

- Còn về phía tây nữa chứ?

Liên Ty nói:

- “Đông hai mươi bước thêm hai bước” tôi hiểu, nhưng “Tây một trăm giây thẳng một dây” thì tôi chịu. Một trăm giây là gì?

Kỳ Phát nói:

- Là một trăm giây đồng hồ, ông quên rằng chính Marco Polo một người Âu đã bày cho Đình Cung Viên cách giấu của này rồi ư?

Rồi chàng nhìn đồng hồ, bảo Liên Ty đứng ra chỗ chiếc que đánh dấu thứ hai, rồi nói:

- Đến ba, thì ông đi về phía tây nhé. Một, hai, ba, ông đi đi. Ông đừng bước nhanh quá thế. Thôi ông đứng lại mà đánh dấu.

Rồi Kỳ Phát lăm bắm một mình:

- Đi về phía tây một trăm giây đồng hồ rồi “thẳng một dây”, thôi phải rồi!

Kỳ Phát bèn cùng Liên Ty căng một chiếc dây thẳng nối liền hai chỗ đánh dấu. Ra dáng đắc ý, Kỳ Phát xoa tay nói:

- Bây giờ ông chỉ việc đo từ chỗ đánh dấu, theo đường thẳng của chiếc dây ra một trăm trượng là xong.

Rút chiếc thước cuộn trong túi ra, Kỳ Phát và Liên Ty đo dài ra

424 thước. Nhưng cả bọn bốn người đều sửng sốt. Ngay dưới đất, phía trước mặt bốn người đều trông thấy một lỗ tối om. Kỳ Phát bật đèn pin soi miệng lỗ, chàng nhặt được một mẫu thuốc lá Ăng-lê. Chàng giậm chân mà rằng:

- Cóc khô, cóc khô! Thằng Bá Vy đến trước mình rồi!

Chàng bảo mọi người bật đèn rồi mạnh bạo leo xuống dưới lỗ hổng. Đó là một đường hầm xuống thẳng, có bậc đá hẫng hoi. Xuống chừng 20 thước, đường dần dần hẹp lại rồi rẽ sang ngang. Đi quanh co một lúc lâu, bốn người đến trước một chiếc cửa cuốn bằng gạch cổ. Chàng trinh thám trẻ tuổi vui mừng quay lại bảo bọn ba người rằng:

- Các ông đừng sợ, đây lối chân rỗ lắm. Bọn Bá Vy hai người tuy đã vào đến đây nhưng chưa ra, ta đã vào được thì dù sao bọn họ cũng phải chia đều.

Quả nhiên, bước qua chiếc cửa cuốn, bốn người vào trong một chiếc hầm rộng rãi. Phía trong cũng rõ bóng hai người: Bá Vy và thằng Nghé đương hì hục đào cuốc. Kỳ Phát cười nói:

- Ông Bá Vy, ông tìm nhanh lên chớ, để rồi chúng ta chia nhau.

Bá Vy giật mình ngoảnh lại, chẳng nói chẳng rằng, Vy giờ khẩu súng trường lên vai nhằm Kỳ Phát bắn luôn một phát. Chàng trẻ tuổi ngồi thụp ngay xuống, rồi thuận tay cầm chiếc đèn pin kiểu lớn, to bằng cổ tay ném thẳng vào mặt Bá Vy. Tiếng súng nổ còn vang trong hầm tối thì bỗng một tiếng rầm ghê gớm làm mọi người hoảng sợ. Một góc gian hầm, chỗ Bá Vy đứng sụm xuống. Trong giây phút gạch, đá, đất, sỏi đổ xuống ào ào.

Ba anh em họ Đặng run lên cầm cập, nói không thành tiếng,

tưởng như phen này sáu mạng người đều bị chôn sống dưới hầm. Nhưng may thay, chỉ trong giây phút tiếng nổ sập đã im bật, làn cát bụi đã tan dần, bọn Kỳ Phát nhìn nhau thấy ai nấy thất sắc, nhưng gian hầm chỉ sứt có một góc thôi. Kỳ Phát lau mồ hôi trán rồi cùng ba anh em họ Đặng bới đồng gạch đá cứu bọn Bá Vy, thằng Nghé. Trong giây lát Liên Ty và Thế Xương đã lôi được thằng Nghé ra nhưng đầu nó bị một tảng đá lớn đè phải, đã giập óc chết tự bao giờ. Vũ Lượng và Kỳ Phát ra sức tìm kiếm Bá Vy. Bới đồng gạch lên, Kỳ Phát đã đỡ được Bá Vy ngồi dậy. Trên trán Vy, chỗ thái dương, một dòng máu ri rỉ chảy ra. Uống xong ngụm nước lã, Bá Vy dần dần hồi tỉnh, giơ tay lên bóp trán, ra dáng đau đớn vô cùng. Trước cảnh tượng thương tâm, cả bọn mấy người đều yên lặng nhìn nhau!

ĐÃ SINH DU SAO CÒN SINH LƯỢNG

Giây lát Kỳ Phát hỏi:

- Ông có dễ chịu không, liệu có còn đủ sức để chúng tôi vục ra khỏi hầm và đưa về cứu chữa ở nhà thương Văn Lý không?

Bá Vy vẻ mỉm cười lắc đầu nói rằng:

- Cám ơn ông, tôi biết chết đến nơi rồi, bất tất phải nhọc lòng ông nữa.

Kỳ Phát hỏi:

- Ông tìm được ra ngôi mộ cổ này, hẳn là đã tìm ra được tờ di chúc của tiền nhân để lại. Bây giờ mệnh ông gần hết, ông nên nghĩ đến ba chi nhà họ Đặng ngày nay sa sút nghèo nàn mà đưa cho chúng tôi xem tờ di chúc đó.

Bá Vy ra dáng nghĩ ngợi rồi nói:

- Được, tôi sẽ chiều lòng ông, nhưng trước hết ông hãy cho tôi biết cách ông làm thần tình thế nào mà trốn thoát nhà tôi độ ấy.

Kỳ Phát cười nói:

- Cách tôi trốn rất tầm thường, ông ạ. Thoạt tiên tôi phao ngôn lên rằng đúng ngày rằm tôi trốn để thằng Nghé đem lòng ngò vục. Đúng sáng hôm rằm, tôi viết một bức thư để lại, gài vào tập giấy bạc để lên chần rồi tôi trèo lên mấy chiếc nẹp ngang cánh cửa để nấp.

Thằng Nghé bưng cơm cho qua lỗ hồng, tôi cố hết sức nín hơi, nép sát vào cánh cửa.

Một lát nó thấy cơm còn nguyên, đâm hoảng, ngó cổ vào thoáng không trông thấy tôi thì nó yên trí ngay rằng theo lời tôi hứa, đúng hôm rằm tôi trốn khỏi phòng rồi. Nó trông thấy tập giấy bạc và cái thư, vội mở cửa vào xem vì tính tò mò và tham lam nữa.

Bá Vy ngoảnh trông xác thằng Nghé, nhổ nước bọt xuống đất rồi mắng cái xác chết rằng:

- Mày là quân tham lam phản chủ, bây giờ chết thực đáng đời! Kỳ Phát, ông tính nó tệ thế thì thôi, về cái thư và tập giấy bạc, nó im lìm không có nói chuyện gì với tôi cả. À nhưng còn chiếc đĩa cổ?

Kỳ Phát nói tiếp:

- Thằng Nghé xem xong bức thư, đút tập giấy bạc vào túi áo trong, rồi hấp tấp đi báo tin cho ông hay. Nó không ngờ rằng khi nó mở khóa cửa vào thì tôi đã từ trên nẹp cửa nhảy xuống đứng nép vào tường, khi nó đẩy cánh cửa vào, thì cánh cửa che lấp tôi đi. Thằng Nghé ra rồi, cửa đã sẵn sàng mở toang, tôi cứ việc đàng hoàng thò tay ra lấy chiếc đĩa cơm rồi xuống nhà dưới đi ra phố. Kể về cái đĩa này, tôi cũng hết sức phục ông. Thấy tôi có ý tìm tòi chiếc đĩa, ông nghĩ ngay ra kế lấy sơn giả men sơn lên đĩa, làm giả như lối đĩa tây, rồi dùng ngay để xới cơm cho tôi ăn, chắc không khi nào tôi có ngờ đến câu “mỡ để miệng mèo”. Nhưng có một điều ông không tính đến là sơn bị nóng thì hay bong, ông dùng đĩa sơn để xới cơm nóng thì thực là thất sách. Một mẩu sơn bong để lộ ra men chiếc đĩa cổ, đã tình cờ giúp tôi biết rõ cái mưu ông.

Bá Vy buồn rầu mà đọc một câu trong Tam Quốc:

- Tức thực, trời đã sinh Du, có sao còn sinh ra Lượng!

Câu than ấy nếu thốt ra trong lúc khác có lẽ làm nhiều người mỉm cười nhưng trong cái lúc quan trọng này thì không hề có ai nhích mép.

Kỳ Phát hỏi Bá Vy:

- Có phải ông tìm thấy tờ chúc thư không? Ông đưa ngay cho chúng tôi xem.

Bá Vy rút thuốc lá trong túi ra châm một điếu hút rồi mời mọi người:

- Việc gì ông phải vội thế, để tôi kể lại cả đầu đuôi câu chuyện ông nghe: Hôm ấy tôi đang ở nhà bỗng thấy một người to béo tức là thằng Nghé dẫn một người nữa lại nhà tôi, điều đình bán cho tờ di chúc của ông tổ họ Đặng để lại. Người lạ mặt có đưa cả cho tôi xem cuốn gia phả nhà hấn, thì ra hấn là con cháu tên Lê Kỳ, trước là người hầu cận của ông tổ nhà chúng tôi. Sau khi ông tổ mất, Lê Kỳ lại ở hầu hạ người con trưởng, lúc đó hấn đã ngẫu nhiên lên chức quản gia rồi. Một đêm kia trong nhà phát hỏa, ông con trưởng bị thiệt mạng trong đám than hồng. Cuốn gia phả họ Đặng chúng tôi cũng bị đốt cháy. Quản gia Lê Kỳ có chạy được một chiếc tráp, trong có tờ di chúc của ông tổ để lại. Chúc thư lời lẽ nói lờ mờ khó hiểu. Bảy giờ nhà Lê Kỳ cha truyền con nối để lại cho nhau mà không ai tìm ra chỗ giấu của được. Bảy giờ tên này nhờ thằng Nghé đứng môi giới nên mang đến bán cho tôi. Mua lại tờ chúc thư, tôi phải mất 350 đồng và phải nhận thằng Nghé làm thủ túc vì thằng Nghé có hẹn với tôi rằng nếu kho tàng kia mà tìm ra, hấn sẽ lấy một phần tư.

Tiếng Bá Vy đã nhỏ dần dần, hai mắt hấn thâm quầng đã chớp

chớp luôn. Kỳ Phát vội giục:

- Vậy chúc thư ấy đâu?

Tiếng Bá Vy bây giờ nói đã hơi ngòong ngong, hấn hỏn hển nói:

- Ông... ông để một lát nữa... tôi sẽ...

Bá Vy thu hết hơi tàn, móp má hút thuốc lá. Hấn lim dim con mắt, thở khói thuốc phì phào. Bá Vy bỗng mở choàng mắt nhìn ba anh em nhà họ Đặng rồi nhìn Kỳ Phát mà khanh khách cười. Tiếng cười ghê gớm, vang trong hầm tối nghe rợn tóc gáy y như là nghe thấy tiếng cười của ông thần chết. Kỳ Phát nhẩy đến cạnh Bá Vy giằng vội lấy điếu thuốc lá đã cháy gần hết. Vội vàng, Phát gỡ mẩu thuốc lá ra xem, thấy cuộn ở giữa những sợi thuốc một tờ giấy bản con. Tờ giấy đã bị cháy gần hết, còn lại mỗi một mẩu nhỏ.

Kỳ Phát vò đầu giậm chân mà rằng:

- Hổ tôi, tờ di chúc cháy mất cả rồi.

Bá Vy hai mắt sáng quắc, mỉm cười mà nói rằng:

- Phải, thế là mất tờ di chúc. Thôi Kỳ Phát ạ, anh đừng tìm ra kho tàng nữa nhé. Nếu Bá Vy không chiêm được thì trong đời này không ai tìm thấy nữa đâu.

Rồi nấc lên một cái, Bá Vy trợn mắt lăn vạt xuống... Tiên miêng hấn vẫn còn nở một nụ cười chế nhạo hiểm độc vô cùng.

Thế Xương bây giờ mới lên tiếng nói:

- Thôi chúng ta ra đi thôi chứ.

Nhưng quay mình trông lại, Thế Xương đã kêu thét, chỉ và bảo mọi người rằng:

- Chết chưa, bây giờ làm thế nào? Lối ra của chúng mình cũng bị

đất sụt lấp cả lối rồi.

Kỳ Phát đương tức mình phát câu:

- Đấy, ông muốn ra thì cứ ra. Này đây, ông còn không tin nữa thôi.

Kỳ Phát vừa nói vừa dí vào tận mắt Thế Xương mẫu giấy con cháy dở, trong còn thấy chữ:

“Đặng Cử Viên di chúc”.

PHÚT CUỐI CÙNG CỦA CHÀNG KỲ PHÁT

Cả bọn đều hoảng kinh, có lẽ trừ Kỳ Phát. Chàng trình thám trẻ tuổi ra dáng suy nghĩ lung lăm. Chàng luôn luôn đi lại trong hầm.

Liên Ty rụt rè hỏi:

- Bây giờ ông tính sao, cứ như diện tích cái hầm này, chúng ta chỉ đủ khí trời để thở trong ba tiếng đồng hồ nữa mà thôi.

Kỳ Phát chưa kịp trả lời, Vũ Lượng đã kêu:

- Chết chưa, nước ở đâu mà thấm vào thế này?

Thực vậy, phía vách bên tả nước ở ngoài rỉ vào rất nhiều, Kỳ Phát chẳng nói chẳng rằng, quỳ gối xuống vốc một ít nước lên ném.

Chàng thất sắc bảo Liên Ty rằng:

- Nước mặn ông ạ. Có lẽ vì hầm sứt, nước biển ở ngoài theo mạch thấm vào rồi. Chúng ta không sống được đến ba giờ đâu, nước chảy vào mạnh như thế này thì chỉ nội trong nửa giờ là ngập hầm mà thôi.

Mọi người đều hoảng kinh, hỏi Kỳ Phát:

- Chết mất, thế ông có kế gì chưa?

Kỳ Phát lắc đầu nói:

- Bây giờ chỉ còn một cách là tìm ngay được tới chỗ để châu báu, có lẽ may ra lại có lối khác thông lên mặt đất!

- Nhưng chỉ còn có nửa giờ!

- Còn nửa giờ nghĩa là còn những 30 phút để nghĩ chứ sao!

Kỳ Phát tháo chiếc đồng hồ tay giao cho Liên Ty mà nói rằng:

- Ông tính từ ba giờ trở đi, lúc nào được đúng 25 phút bảo tôi. Trong 25 phút này tôi cấm không ai được nói gì, để yên tôi nghĩ.

Nói xong chàng dựa vào vách phía hữu khoanh tay đứng nghĩ. Trong hầm im lặng như tờ. Nước bể bên ngoài vẫn róc rách chảy vào.

Trong hầm đã bắt đầu khó thở, mực nước đã dần dần lên quá cổ chân.

Kỳ Phát hơi thở điều hòa, hai mắt lim dim. Thế Xương ngoảnh nhìn đồng hồ, tiến đến bên Kỳ Phát, vỗ vai chàng mà bảo:

- Này ông ngủ đấy ư? Đã mất 10 phút rồi đấy!

Kỳ Phát chẳng nói chẳng rằng, điềm nhiên giơ tay đâm chéo Thế Xương một cái vào quai hàm làm cho hắn ta ngã ngất. Rồi Kỳ Phát lại khoanh tay, điềm nhiên đứng ngẫm nghĩ, hai lông mày chàng nhíu lại đủ tỏ ra rằng óc chàng đương làm việc dữ lắm... Mực nước đã lên khỏi đầu gối... Kỳ Phát mở choàng mắt, hỏi Liên Ty:

- Máy phút?

- Còn 4 phút.

Hai mắt Kỳ Phát sáng quắc, chàng nhìn chòng chọc về phía trước mặt, hình như đương hết sức chống chọi cầm cự với sự thất bại đương nhiên...

Nước chảy vào càng ngày càng mạnh. Mực nước đã lên đến ngang lưng...

- Máy phút?

- Còn 2 phút.

Trong hầm im lặng như tờ... Kỳ Phát bỗng thở mạnh như có ai vừa đỡ cho hòn đá to đè trên ngực, chàng đưa tay lau mấy giọt mồ hôi trán rồi nói:

- Xong rồi, tôi nghĩ ra rồi. Phải, “kho tàng đâu thấy, thấy trên mây”.

Vớ lấy chiếc cuốc tay, Kỳ Phát giơ cao đập khế lên trên trần hầm.

Vài ba mảnh đất mỏng theo nhau rơi lồm bồm xuống nước, để lộ ra một phiến đá hình vuông.

Thế Xương, khi đó đã hồi tỉnh, hợp sức cùng ba người nâng phiến đá lên. Nhận kỹ, Kỳ Phát biết đó lại là một lối để lên tầng hầm trên.

Bốn người đều đỡ nhau trèo lên. Ánh đèn vừa bật, một cảnh tượng chói lòa vừa bày ra trước mắt bốn người...

Trong hầm ngổn ngang không biết bao nhiêu là thoi vàng bạc, giữa hầm một chiếc bệ đá, trên để một bát hương cổ. Kỳ Phát lại gần xem xét rồi chàng bưng bát hương xuống, cùng với ba anh em họ Đặng cố sức nâng mặt chiếc bệ ra. Mọi người đều sửng sốt, tưởng như lạc vào trong một thế giới thần tiên. Trong bệ xếp đầy không biết bao nhiêu là châu ngọc. Viên nhỏ, viên to, miếng màu hồng hòn màu biếc, dưới ánh đèn pin, đồng châu báu sáng lòa phản ra muôn ánh hào quang... Kỳ Phát nhặt một viên ngọc nhỏ màu lục lên tay xem ngắm rồi bảo mọi người rằng:

- Cứ một viên dạ quang này thì tất cả vàng bạc xếp ở góc hầm kia cũng chưa đủ mua nổi được!

Chàng hớn hờ cười tiếp:

- Tôi đoán hầm này rất gần mặt đất, chắc ta theo đường hẹp kia một quãng là đến mặt đất ngay!

Có lẽ Kỳ Phát đoán đúng vì chỉ hơn một giờ sau, chàng đã quay ô tô lại về tỉnh lỵ. Chàng cho xe chạy từ từ, ngoảnh lại bảo anh em họ Đặng rằng:

- Ta nên vận máy từ từ thôi nhỉ, kéo bây giờ cái kho tàng ức triệu để trong xe kia bị lật xuống ruộng thì nguy biết mấy!

Chàng lại mỉm cười, bảo Thế Xương rằng:

- Ông không giận tôi đấy chứ? Ông tha lỗi cho tôi rồi tôi sẽ kể cho ông nghe một đoạn dã sử mà cốt nghĩa tại sao ông Đình Cử Viên lại chính là ông tổ nhà họ Đặng.

... Tục truyền rằng Cử Viên thuở nhỏ, nhà rất nghèo, tuy thông minh nhưng không có tiền đâu mà ăn học. Lấy nghề chài lưới nuôi thân, Đặng Cử Viên năm 15 tuổi đã phải lên đênh trên mặt nước. Một hôm kia, sóng to gió lớn, chiếc thuyền câu của anh chàng họ Đặng bị dòng nước cuốn trôi. Cử Viên những tưởng gửi thân miệng cá, may sao lại trôi giạt vào áp thuyền một vị phu nhân kia. Phu nhân họ Đình, người rất phúc hậu nhưng hiếm hoi chưa kể nổi dòng, thấy Cử Viên linh lợi thương tình, bèn cho là nghĩa tử. Từ đó Cử Viên bèn đổi là họ Đình. Sau lúc làm nên, Đình Cử Viên dặn con cháu sau này lại đổi về họ Đặng, vì thế mà ngày nay trong tờ di chúc, tướng công vẫn ký tên là Đặng Cử Viên.

MỐI TÌNH KỶ PHÁT

Vẫn trên con đường Thấm. Trong nhà Vũ Lượng, đèn thấp sáng choang. Một bàn tiệc xếp đặt theo lối tây, khăn trải bàn trắng xóa. Giữa bàn, một chiếc ghế còn bỏ trống, có lẽ ghế ông chủ tiệc. Trong những người ngồi đó, ta nhận thấy ba anh em nhà họ Đặng, hai con trai Thế Xương, ba con trai Liên Ty. Trong tiệc chỉ có hai người đàn bà là Cúc và Bạch Liên, con gái út của Liên Ty.

Thỉnh thoảng Vũ Lượng lại liếc mắt nhìn đồng hồ rồi nói:

- Quái lạ, bao giờ Kỳ Phát cũng đúng hẹn, mà đã kém 5 đầy 9 giờ vẫn chưa thấy Phát đâu.

Liên Ty nói:

- Còn những 5 phút cơ mà, Kỳ Phát là người nói đúng từng phút một!

Cúc luôn luôn xem giờ. Nàng hôm nay lộ vẻ vui mừng, hai má đỏ hây, nét xinh đẹp trông gấp vạn bội.

Kém 1 phút đầy 9 giờ! Mọi người đều im lặng. Đồng hồ trên vách bỗng đồng dục điểm chuông. Cúc hồi hộp ngoảnh nhìn ra ngoài cửa, hai má ửng hồng. Nhưng không, cánh cửa vẫn đóng im, ngoài hè không một tiếng động. Chuông đồng hồ vừa điểm đến tiếng thứ chín thì mọi người ngạc nhiên ngơ ngác nhìn lên mái nhà. Một hồi chuông đồng hồ báo thức réo vang, rồi... từ trên nóc nhà rơi xuống

chính giữa bàn tiệc một lá thư.

Thế Xương nói:

- Chắc là thư của Kỳ Phát. Hẳn vì một cơ gì không lại nên gài máy chiếc đồng hồ treo lên nóc nhà, đúng giờ thì thư rơi xuống.

Vũ Lượng xé thư đọc to cho mọi người nghe:

“Thưa các ông,

Hôm nay là bữa tiệc ăn mừng của nhà họ Đặng, tôi không đúng hẹn thực là có lỗi. Nhưng chắc các ông cũng miễn chấp cho vì tôi là một kẻ phiêu lưu không hề ham muốn một sự gì ở đời này cả.

Tôi không ham muốn vì có điều tôi ham muốn nhất thì lại không được.

Thôi xin kính chào các ông và xin chúc các ông an hưởng mọi sự giàu sang.

Kỳ Phát tái bút: Châu báu về phần tôi xin gửi cả ở ông Vũ Lượng. Món tiền ấy tôi xin mừng cô Cúc làm của hồi môn. Còn bốn chiếc đĩa cổ tôi xin đưa vào Viện bảo tàng Louis Finot gọi là tặng vật của Kỳ Phát”.*

Vũ Lượng đọc xong thư, suốt bàn tiệc đều ngạc nhiên, cô Cúc mặt đương hồng hào bỗng xám nhợt, bất tỉnh, cô ngã gục xuống mặt bàn... Ngoài đường làn gió thổi hắt hiu... Một chàng trẻ tuổi đứng trước nhà Vũ Lượng rào cẳng bước đi, chàng lúi thủi bước dần vào trong bóng tối.

Kỳ Phát kể chuyện có ý ngậm ngùi... Tôi hỏi:

- Chàng thiếu niên ấy là anh chứ gì?

Kỳ Phát buồn rầu trả lời:

- Phải, tôi đứng nấp ngoài cửa để xem câu chuyện kết thúc ra sao, khi thấy Cúc ngã gục thì tôi mới bỏ đi.

- Nhưng còn cái thư kia?

- Nào có máy móc gì đâu, tôi có ý treo sẵn chiếc đồng hồ báo thức vắn kim sẵn sàng từ buổi trưa. Tôi buộc lá thư vào một sợi dây nhỏ dòng qua nóc nhà; tôi ở ngoài đợi, khi thấy chiếc đồng hồ réo chuông thì giật mạnh chiếc dây. Dây đứt, lá thư rơi xuống, mọi người tưởng tôi gài máy móc nọ kia chớ nếu họ chạy ngay ra cửa thì đã bắt gặp tôi đương nhòm khe cửa rồi.

Tôi nói:

- Anh cũng ác. Cúc nghe tin anh không trở lại, ngã ngất đi, nghĩa là Cúc đã yêu anh đến cực điểm, sao anh nỡ lòng ngoảnh mặt làm ngơ?

Kỳ Phát mỉm cười, cái cười chua chát, trả lời:

- Không hiểu lúc bấy giờ tôi nghĩ sao mà không thiết gì Cúc nữa. Hay là lúc bấy giờ vì lòng tự kiêu, tôi có ý muốn trả thù Cúc khi trước để tôi mong ước, hoặc là khi thấy hạnh phúc khó khăn nó đến tay tôi một cách dễ dàng nhanh chóng quá, tôi có ý chán ghét vô cùng.

Tôi an ủi Kỳ Phát:

- Nhưng anh chớ lấy làm phiền lòng, biết đâu Cúc chẳng dốc lòng mà đợi chờ anh?

Kỳ Phát rút mùi soa ra lau đôi giọt lệ long lanh trên mắt rồi chàng ngậm ngùi mà bảo tôi rằng:

- Không, anh ạ, đời tôi là một đời phiêu lưu, có lẽ số trời định vậy nên không bao giờ tôi có thể vui được cảnh gia đình. Ngay từ thuở nhỏ tôi cũng vậy...

Tôi nói:

- Chơi với anh đã lâu, bây giờ tôi mới thấy anh nói đến đời niên thiếu lần đầu.

Kỳ Phát nói:

- Phải, nói mà làm gì, kể lại mà làm gì quãng đời xưa, quãng đời ly kỳ, bí hiểm, đau khổ vô cùng...

Nói xong, bạn tôi gục xuống chần mà ngủ. Nhưng tôi biết, Kỳ Phát ngủ đâu chóng thế. Hai vai rung động, bạn tôi đang thổn thức, nhớ quãng đời xưa... Tôi không muốn hỏi thêm Kỳ Phát gì nữa, vì chơi với nhau còn lâu, biết đâu Kỳ Phát lại chẳng có dịp tự nhiên kể cho tôi nghe quãng đời thuở nhỏ.

